Ngày *soạn:12/1/24*

*Ngày dạy: 15,16,18/1/ 24*

**Bài 6 : TIẾT 73,74,75**

**TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đê' của VB.

- Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB theo trật tự thời gian.

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp).

**\*** Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Xác định được chủ đề của truyện.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết Thánh Gióng.

- Nhận biết nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, thảo luận, giải quyết vấn đề tự học, giao tiếp và hợp tác,....

**2. Phẩm chất:**

Tôn trọng, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

1. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
3. **Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Giáo viên cho học sinh xem video lễ hội đền Gióng và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV

***? Xem video này, em biết thêm được điều gì?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gợi ý nếu cần.

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV** nhận xét và giới thiệu bài học: Hội [Gióng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gi%C3%B3ng&action=edit&redlink=1) là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của [***Thánh Gióng***](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Gi%C3%B3ng) và nhân dân [Văn Lang](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_Lang) với giặc Ân. *Yêu nước chống ngoại xâm là một chủ đề lớn xuyên suốt tiến trình phát triển của Văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã tạc vào thời gian những người anh hùng bất tử với non sông. Thánh Gióng là một trong những truyền thuyết bất hủ như vậy. Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của thiên truyện?Đó là nội dung mà bài học này sẽ đem đến cho các em!*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung văn bản**  *a. Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về truyền thuyết, các chi tiết tưởng tượng kì ảo, về *tác giả* (người lao động) cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, cách đọc, bố cục văn bản.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  ***Nhóm 1: Điều hành phần đọc, kể - tóm tắt***  ***Nhóm 2: Tìm hiểu chung về tác phẩm***  *c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:**  **Nhóm 1**: **Cách đọc và kể, tóm tắt văn bản.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm.  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết về cách đọc, sự việc chính, kể chuyện.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  ***?Trong văn bản có một số từ khó, từ Hán Việt chúng ta cùng giải thích.***  - Thánh là chỉ ai?  - "Thánh Gióng" là ai?  - "Sứ giả", "kinh ngạc"  - "Tráng sĩ", "tượng", "lẫm liệt" "phi"?  + Tráng sĩ: người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ hay làm việc lớn …  + Sứ giả: Người vâng mệnh trên (vua) đi làm một việc gì ở các địa phương trong nước hoặc nước ngoài.  + Lẫm liệt: hùng dũng, oai nghiêm.  Giáo viên: *Đây không phải là từ thuần Việt mà*  là những từ có nguồn gốc mượn từ tiếng Hán ⇒ Hán Việt. | | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  *1. Đọc và tóm tắt*  - Những sự việc chính:  - Sự ra đời của Thánh Gióng.  - Thánh Gióng biết nói và nhận trách nhiệm đánh giặc.  - Thánh Gióng lớn nhanh như thổi.  - Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.  - Vua phong là Phù Đổng Thiên Vương và những dấu tích còn lại của Thánh Gióng. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi và hoạt động dự án.**  **\* Nhóm 2:** Tìm hiểuthể loại, PTBĐ chính, ngôi kể, nhân vật, bố cục…  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc chú thích, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  *\* Thời gian: 5 phút*  *\* Hình thức báo cáo: Trò chơi (ai hiểu biết hơn, ai là triệu phú...: đưa câu hỏi phát vấn các bạn phía dưới)*  *\* Phương tiện: Trình chiếu*  *\* Nội dung báo cáo:*  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và bổ sung: *Nhân vật chính trong truyện được xây dựng với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo, lung linh, giàu ý nghĩa.*  *Các yếu tố kì ảo còn được gọi là các chi tiết kì ảo, thần kì, phi thường, hoang đường, là một loại chi tiết đặc sắc của truyện dân gian như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích.*  *Chi tiết kì ảo do trí tưởng tượng của người xưa thêu dệt, gắn liền với quan niệm mọi vật đều có linh hồn, thế giới xen lẫn thần và người.* | | | ***2. Văn bản***  **-** *Thể loại:*Truyện truyền thuyết.  **-** *Phư­ơng thức biểu đạt chính:*Tự sự.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba.  *- Nhân vật:* Cậu bé Gióng, mẹ, sứ giả, giặc Ân, nhà vua, dân làng...  + *Nhân vật chính:* Cậu bé Gióng.  *- Bố cục:* 4 phần  P1. Từ đầu… *đặt đau nằm đấy*: Sự ra đời của Gióng.  P2. *Tiếp theo ...giết giặc cứu nước:* Sự trưởng thành của Gióng (Gióng đòi đi đánh giặc và lớn nhanh như thổi).  P3. *Tiếp theo ...bay lên trời:* Gióng đánh tan giặc Ân và bay về trời.  *P4. Phần còn lại*: Những dấu tích còn lại. |
| **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a. Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV yêu cầu HS đọc phần 1 và trả lời câu hỏi:**  ***?Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện?***  ***?Tìm những chi tiết kể lại sự ra đời của Thánh Gióng?***  ***?Thảo luận: Có ý kiến cho rằng sự xuất thân của Gióng bình dị nhưng cũng rất thần kì. Em có đồng ý không? Tại sao?***  ***?Theo em, tại sao tác giả dân gian lại xây dựng nhân vật Gióng xuất thân bình dị mà phi thường như vậy?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **-** ***GV mở rộng:*** *Sở dĩ Gióng có sự ra đời kì lạ như vậy bởi trong quan niệm dân gian, đã là bậc anh hùng thì phi thường, kì lạ trong mọi biểu hiện, kể cả lúc mới sinh. Nhưng, Gióng lại xuất thân trong một gia đình bình dị bởi như vậy Gióng sẽ gần gũi hơn với mọi người và Gióng thực sự sẽ là người anh hùng của nhân dân ...* | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. *Sự ra đời của Gióng***  **- Thời gian:** Đời Hùng Vương thứ 6.  **- Địa điểm:** Tại làng Gióng.  *+ bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.*  *+ mười hai tháng sau sinh một cậu bé ....*  *+ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.*  => Xuất thân trong một gia đình bình dị nhưng sự ra đời hết sức thần kì báo hiệu một con người phi thường. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập.**  **\* Thảo luận nhóm:**  ***?Tìm những chi tiết cho nội dung sau và nhận xét về ý nghĩa của các chi tiết đó?***  + Tiếng nói đầu tiên của Gióng trong hoàn cảnh nào?  + Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt  + Sự lớn lên kì diệu của Gióng  + Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận nhóm  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | ***2. Sự lớn lên của Gióng:***  ***\* Tiếng nói đầu tiên của Gióng:***  - *Hoàn cảnh:* giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi, nhà vua sai sứ giả tìm người tài giỏi cứu nước.  -> Ca ngợi ý thức đánh giặc cứu nước trong hình tượng Gióng. Ý thức đối với đất nước được đặt lên đầu tiên đối với người anh hùng.  ***\* Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt:***  -> Vũ khí hiện đại.  ***\* Sự lớn lên kì diệu của Gióng:***  + *lớn nhanh như thổi*  *+cơm ăn mấy cũng không no*  *+ áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ*  *+ làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con*  => Lớn nhanh một cách kì diệu trong hoàn cảnh đất nước có giặc xâm lược, (cùng nhân dân đánh giặc giữ nước).  **\*Bà con góp gạo nuôi Gióng:**  *->*Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **-** GV yêu cầu hs đọc phần 3, giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm thông qua câu hỏi:  ***? Tìm những chi tiết theo nội dung sau:***  + Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ.  + Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.  + Giặc tan Gióng đã làm gì?  ***? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi  - Học sinh hoạt động nhóm  ***Trao đổi: Theo em, nguyên nhân nào giúp Gióng có chiến công này?***  - Người anh hùng Gióng, sự chung sức của nhân dân, vũ khí: hiện đại, thô sơ...  + Sức mạnh của tổ tiên, thần thánh (sự ra đời thần kì)  + Sức mạnh của tập thể, cộng đồng (bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng)  + Sức mạnh của thiên nhiên, văn hóa, kĩ thuật (núi non khắp vùng trung châu, tre và sắt)  => Là nhân vật anh hùng thần thoại tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng của lòng yêu nước quật cường của dân tộc Việt thời đại Hùng Vương  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | ***3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời.***  \**Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ.*  -> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.  \**Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.*  => Gióng đánh giặc bằng cả vũ khí thô sơ, bình thường nhất.  *\*Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời*  -> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  ***-*** Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: Thảo luận - Cặp đôi ăn ý.  Luật chơi:   * Nhóm (2 bạn) trả lời câu hỏi của nhau: * Thời gian chuẩn bị 1 phút * Thời gian trình bày 2 phút   ***?Thánh Gióng về trời nhưng dấu tích chiến công vẫn còn mãi. Bạn hãy chỉ ra?***  ***?Truyền thuyết thường liên quan đến sự thật lịch sử. Theo bạn, truyện Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử nào?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh trình bày cá nhân.  + Tre Đằng ngà  + Làng Cháy  + Đền thờ Gióng  + Núi Sóc  + Vua Hùng  + Hội làng Gióng  + Lập đền thờ, phong Phù Đổng Thiên Vương mở hội Gióng.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  GV: Liên hệ “Hội khoẻ Phù Đổng” hàng năm thể hiện sức mạnh của nhân dân, khối đại đoàn kết dân tộc.  ***? Theo em truyện Thánh Gióng có thật không?***  **Giáo viên mở rộng:** *Cơ sở sự thật lịch sử của truyện:*  - Vào thời đại Hùng Vương, chiến tranh tự vệ ngày càng trở nên ác liệt, đòi hỏi phải huy động sức mạnh của cả cộng đồng.  - Số lượng và kiểu loại vũ khí của người Việt cổ tăng lên từ giai đoạn Phùng Nguyên đến giai đoạn Đông Sơn.  - Vào thời đại Hùng Vương, cư dân Việt cổ tuy nhỏ nhưng đã kiên quyết chống lại mọi đạo quân xâm lược lớn mạnh để bảo vệ cộng đồng. | ***4. Dấu tích còn lại***  - Bụi tre đằng ngà huyện Gia Bình...  - Vết chân ngựa thành ao hồ...  - Ngựa thét ra lửa thiêu cháy một làng...->Làng Cháy  => Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước. | | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a. Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện* | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi  ***1. Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?***  ***2. Qua hình tượng Thánh Gióng gợi cho em suy nghĩ gì về quan niệm và ước mơ của nhân dân?***  ***3. Ý nghĩa của văn bản?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  + Là ước mơ của nhân dân về sức mạnh tự cường của dân  + Mơ ước về người anh hùng có sức mạnh siêu nhiên, lớn lao kì vĩ giúp nhân dân đánh giặc, bảo vệ dân tộc.  + Sự trân trọng và lòng biết ơn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV**: *Ca ngợi hình tượng người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, đoàn kết, tinh thần anh dũng, kiên cường của dân tộc ta. Để chiến thắng giặc ngoại xâm, cần đoàn kết toàn dân, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hi sinh quên mình, không tiếc máu xương.* | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)  - Truyện gắn với phong tục, địa danh, những chi tiết kì lạ, khác thường.  **2. Nội dung:** Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  **3. Ý nghĩa:** Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta. |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b. Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c. Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\* GV phát phiếu học tập cho học sinh**  ***1.HS quan sát tranh trong SGK. Bức tranh trên vẽ lại cảnh gì? Bằng lời văn của mình, em hãy kể lại đoạn Gióng ra trận đánh giặc?***  ***2. Hình ảnh nào của Gióng là hình ảnh đẹp nhất?***  ***3. Giải thích tại sao, hội thi thể thao trong nhà trường PT lại mang tên HKPĐ?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  + Gióng lớn nhanh như thổi,  + Gióng bay về trời...  *-* Học sinh trao đổi trình bày - Nhóm khác bổ sung.  + Đây là hội thi dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên học sinh - lứa tuổi của Gióng trong thời đại mới.  + Mục đích cuộc thi: biểu dương sức mạnh của tuổi trẻ, rèn luyện sức khoẻ để học tập, lao động tốt hơn để có thể góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  + Gióng bay về trời là hình ảnh đẹp đầy ý nghĩa: là vị thần giúp dân đánh giặc không vì danh lợi vinh hoa ... Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang... Gióng sống mãi...  GV bình: Đây là sự ra đi thật kì lạ mà cũng rất trân trọng, nó chứng tỏ Gióng không màng danh lợi, đồng thời cho chúng ta thấy thái độ của nhân dân ta đối với người anh hùng đánh giặc cứu nước. Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử. Bay lên trời Gióng là non nước, là đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang. | | **IV. Luyện tập** | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống  *b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...  *c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh:**  ***?Hình ảnh Gióng trong trận đánh giặc là một hình ảnh đẹp. Em có thể viết đoạn văn miêu tả lại trận đánh hay cảm nhận về người anh hùng Gióng, hoặc em có thể vẽ tranh, làm thơ...***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | Tham khảo dàn ý: Nêu cảm nhận về chi tiết “*Ngựa sắt phun ra lửa, roi sắt quật giặc chết như ngả rạ và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.”*   * Mở đoạn: Giới thiệu chi tiết (Trong truyền thuyết Thánh Gióng, em thích nhất là chi tiết ngựa sắt…….) * Thân đoạn:   + Nêu vị trí của chi tiết: Thánh Gióng ra trận và giết giặc.  + Nêu ý nghĩa của chi tiết:  . Việc thần kì hoá vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi tiết có ý nghĩa biểu tượng, ca ngợi thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương.  . Đó cũng là đặc điểm nổi bật của thời đại truyền thuyết - thời đại anh hùng trên nhiều phương diện, trong đó có những đổi thay lớn vê' công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu   * Kết đoạn: Nêu suy nghĩ của bản thân. | |

Ngày soạn: 2/2/2024

Ngày dạy: 3/2/2024

**Tiết 76: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

Năng lực nhận diện từ ghép, từ láy, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ, các từ Hán Việt và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...**. Phẩm chất:**Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:**GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:**câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu bài học: *Ở Tiểu học, các em đã học về các từ loại. Hãy kể tên các từ loại em đã học.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv dẫn dắt: | HS nắm được yêu cầu của bài thực hành tiếng việt. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm từ và cụm từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm từ và cụm từ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi: ***Ai nhanh hơn***  Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:  **A B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cụm từ |  | Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. | | Tính từ | Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. | | Động từ | Nhóm, tập hợp nhiều từ | | Từ Hán Việt | Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |   - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Vuốt – nhọn hoắt  Cánh – hủn hoẳn  Người – rung rinh, bóng mỡ  Răng – đen nhánh, ngoằm ngoạp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy. | **I. Từ và cụm từ**  - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ  - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.  - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.  - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Bài tập thêm:** Hãy chỉ ra các từ ghép, từ láy trong câu thơ sau:  Việt Nam đất nước ta ơi!  Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  Từ ghép: Việt Nam, đất nước  Từ láy: mênh mông  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Từ ghép, từ láy**  **Bài tập**  - Từ ghép: Việt Nam, đất nước, biển lúa  - Từ láy: mênh mông |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 2: Nhắc lại biện pháp tu từ so sánh**  **a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh?  - GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Gv chuẩn kiến thức**  GV nhắc lại mô hình so sánh:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Vế A | Phương diện ss | Từ ss | Vế B | | Trẻ em |  | như | Búp trên cành | | **III. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định từ ghép và từ láy trong các câu  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Gv lưu ý HS về cách nhận diện từ ghép, từ láy.  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Chỉ ra cụm động từ và tính từ trong những cụm từ sau: Chăm làm ăn, xâm phạm bờ cõi, cất tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhờ, oai phong lẫm liệt. Chọn một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 4.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **Bài tập 1/ trang 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV A | Từ HV A + giả | Nghĩa của từ | | 1 | tác | Tác giả | Người tạo ra tác phẩm, bài thơ | | 2 | Độc | Độc giả | Người đọc | |  | ..... | ...... | ....... |   **Bài 2/ trang 9**  - Từ ghép: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp.  - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt.  **Bài 3/ trang 9**  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  - Đặt câu:  Ví dụ: Giặc Ân đã xâm phạm bờ cõi nước ta.  **Bài 4/ trang 9**  - Cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ: *lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ* là “A như B”.  - Vận dụng:  + Giặc Ân chết như ngả rạ.  + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo. |  |

Ngày soạn:3/2/2024

Ngày dạy:4/2/2024

**Tiết 77+78:**

**SƠN TINH THUỶ TINH**

**(Truyền thuyết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực tìm được những chi tiết kể về hai vị thần và nhận xét về hai vị thần.

- Năng lực chỉ ra được phép tu từ điệp ngữ và nêu công dụng của nó trong văn cảnh cụ thể.

- Năng lực vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực cảm thụ văn học, thảo luận, giải quyết vấn đề tự học, giao tiếp và hợp tác,....

**2. Phẩm chất:**

Yêu mến và ngợi ca cái tốt, lên án cái xấu

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về văn bản “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV chiếu hình ảnh video về lũ lụt và đặt câu hỏi:

? Nội dung của video? Cảm xúc của em khi xem xong video?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu**: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích. Nắm được thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, bố cục của văn bản.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV: Tổ chức cho học sinh tự nghiên cứu cá nhân về văn bản và yêu cầu học sinh nêu cách đọc và đọc văn bản.  - Yêu cầu HS đọc theo hướng dẫn và chia sẻ ý kiến cá nhân  ?Hãy tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* theo chuỗi quan hệ *nguyên nhân - kết quả* và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu SGK ( Câu hỏi 1 trang 14-15)?.  ? Xác định thể loại, nhân vật chính, phương thức biểu đạt, ngôi kể, bố cục của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và giải thích nghĩa của từ khó.  **HS** nghe hướng dẫn cách đọc của gv, quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi  **HS** đọc và trả lời câu hỏi của GV - chia sẻ ý kiến cá nhân theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Đọc, kể tóm tắt**  - Sự việc chính:  1. Vua Hùng kén rể.  2. Sơn Tinh-Thuỷ Tinh đến cầu hôn.  3. Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.  4. Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương.  5. Thuỷ Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh.  6. Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thuỷ Tinh thua.  7. Hàng năm, Thuỷ Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.  **2. Tác phẩm**  - Thể loại: truyền thuyết  - Phương thức biểu đạt: Tự sự  - Ngôi kể : Ngôi thứ 3  - Nhân vật: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Hùng Vương, Mị Nương…  - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  - Bố cục: 3 phần  +Từ đầu 🡪 “Một đôi”:Vua Hùng kén rể.  +Tiếp 🡪“Rút quân”: Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần.  + Còn lại: Việc trả thù của Thủy Tinh. | | |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản cũng như ý nghĩa của truyện.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (1) Đặt câu hỏi:  ? Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hình thức kén rể? Kết quả ra sao?  (2) Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ:  - Hoàn thành phiếu học tập   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P/diện ss** | **Sơn Tinh** | **Thuỷ Tinh** | | Nguồn gốc |  |  | | Tài năng |  |  | | Nhận xét |  | |   ? Vua Hùng đưa ra giải pháp gì? Qua giải pháp đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của cá nhân và các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | **1. Vua Hùng kén rể**  *a. Hoàn cảnh của việc kén rể*  - Vua có một người con gái tên là Mị Nương.  - Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.  - Vua Hùng rất mực yêu con.  *b. Mục đích:* Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng.  🡪 Việc chọn dâu, kén rể là mô tuýp mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích.  *c. Hệ quả:* Hai chàng trai đến cầu hôn   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P/diện ss** | **Sơn Tinh** | **Thuỷ Tinh** | | Nguồn gốc | - Chúa vùng non cao. | - Chúa vùng nước thẳm. | | Tài năng | - Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.  - Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi. | - Gọi gió gió đến.  - Hô mưa, mưa về. | | Nhận xét | 🡪 Ngang tài ngang sức.  Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thuỷ Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt). | | |   *d. Giải pháp:* Thách cưới: bằng lễ vật khó kiếm, hạn giao lễ vật gấp  \* Lễ vật : “100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.  🡪 Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thuỷ Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  ? Nguyên nhân của cuộc giao chiến?  ? Cuộc giao chiến giữa hai chàng diễn ra như thế nào? Tìm những chi tiết kể về cuộc giao chiến?  ? Em có nhận xét gì về hành động của Sơn Tinh và Thuỷ Tinh?  ? Theo em Sơn Tinh và Thuỷ Tinh đại diện cho lực lượng nào?  ? Kết quả của cuộc chiến thể hiện ước mơ gì của nhân dân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 2  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | **2. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ND | **Cuộc giao chiến** | | | **Nguyên nhân** | Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. | | | **Diễn biến** | **Thuỷ Tinh** | **Sơn Tinh** | | - Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời.  - Dâng nước đánh Sơn Tinh.  Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lềnh bềnh trên biển nước. | - Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ .  - Nước dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. | | **Nhận xét** | => TT đại diện cho cái ác, cho hiện tượng thiên tai lũ lụt. | => đại diện cho chính nghĩa, cho sức mạnh của nhân dân chống thiên tai | | **Kết quả** | - Sơn Tinh vững vàng  - Thuỷ Tinh kiệt sức, rút quân. Hằng năm dâng nước đánh Sơn Tinh. | | | **Ý nghĩa** | - Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên.  - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Đọc lại nội dung trong vở ghi. * Ghi kết quả ra giấy.   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Trình bày sản phẩm cá nhân  - HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  ***1- Nghệ thuật***  - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  ***2- Nội dung***  -Truyện nhằm giải thích hiện tượng mưa gió bão lụt hàng năm vẫn diễn ra ở vùng sông Hồng ,đồng thời thể hiện ước mơ chiến thắng thiên tai bão lụt của người Việt cổ.  - Ca ngợi công lao trị thủy dựng nước của cha ông ta. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu**:Giúp HS  - Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Lời kể là lời của nhân vật.  **b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn  **c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp từng viết về Sơn Tinh và Thuỷ Tinh như sau:  “Sơn Tinh có một mắt ở trán  Thuỷ Tinh râu ria quăn xanh rì  Một thần phi bạch hổ trên cạn  Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi”  Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh theo cách riêng. Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) ghi lại sự tưởng tượng của em về hai nhân vật Sơn Tinh và Thuỷ Tinh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **II. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Câu 1:Từ truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh em nghĩ gì về chủ trương xây dựng, củng cố đê điều, nghiêm cấm nạn phá rừng, đồng thời trồng thêm rừng phủ xanh đất trống đồi trọc của nước ta trong giai đoạn hiện nay?  Câu 2: Dựa vào hiểu biết bản thân, viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết ?  GV gợi ý:  Đó là những chủ trương hoàn toàn đúng đắn để giảm thiểu những ảnh hưởng của lũ lụt đối với cuộc sống của nhân dân ta hiện nay. Đặc biệt trong tình hình lũ lụt ở nước ta hàng năm đang diễn ra ngày căng khó lường.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn:7/2/2024

Ngày dạy:8/2/2024(6c,6d)

**TIẾT 79 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực dùng các phép tu từ và tác dụng của chúng.

- Năng lực nhận biết và sử dụng dấu chấm phẩy trong viết câu, đoạn văn.

- Năng lực nhận biết từ Hán Việt, nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- SGK, SGV Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GVđặt câu hỏi: *Khi đọc một văn bản, em thường thấy có những dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV dẫn dắt: Các dấu câu có vai trò quan trọng trong tạo lập văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm phẩy.  *HS tiếp nhận nhiệm vụ.* | HS lắng nghe và huy động kiến thức đã có về dấu chấm phẩy, từ HV, phép tu từ điệp ngữ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| **Nhiện vụ 1: Dấu câu**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng loại dấu này.  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi.  - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.  Bài tập 1: Tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩu trong đoạn văn?  Bài tập 2: Viết đoạn văn có dùng dấu chấm phẩy.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1,2  - Phát hiện ra dấu chấm phẩy trong đoạn văn.  - Phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu để rút ra nhận xét về công dụng của dấu chấm phẩy.  **Dự kiến KK**: HS gặp khó khăn ở bài tập 2  **GV gợi ý**:   * Em định viết đoạn văn về chủ đề gì? * Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào? Câu nào?   **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu  - HS lên chữa bài tập 1.  - Đọc đoạn văn ở bài tập 2.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình trình bày sản phẩm (chữa bài tập 1, đọc đoạn văn ở bài tập 2).  - Nhận xét và bổ sung cho bạn/cặp của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang Nghĩa của từ | | **I. Dấu câu**  ***Bài tập 1***  ***-*** HS chỉ ra dấu chấm phẩy ở ranh giới giữa các vế trong câu.  - Rút ra:   * *Công dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới giữa các vế trong một câu ghép có cấu tạo phức tạp.*   ***Bài tập 2:*** Đoạn văn của HS có sử dụng dấu chấm phẩy phù hợp. |
| **Nhiệm vụ 2: Nghĩa của từ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS làm quen với cấu tạo mô hình từ Hán – Việt là *thuỷ* + A  đồng thời phát triển vốn từ có trên mô hình trên và biết được các yếu tố Hán – Việt mới.  **b) Nội dung**:  - GV chia nhóm cặp đôi  - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - Làm bài tập và rút ra nội dung cần ghi nhớ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***II. Nghĩa của từ***  ***Bài 3***:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt A** | **Từ Hán Việt**  **(thuỷ + A)** | **Nghĩa của từ Hán Việt** | | Cư | Thuỷ cư | Sống ở trong nước | | Quái | Thuỷ quái | Quái vật sống trong nước | | ………… | ………… | ………………… |   ***Bài 4*** :  - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai 🡪 GV giúp HS sửa lại). | |
| **Nhiệm vụ 3. Biện pháp tu từ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ  **b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tìm câu văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?  ? Từ đó rút ra phép tu từ điệp ngữ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có phép tu từ điệp ngữ.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có phép tu từ điệp ngữ và nêu tác dụng của nó trong một văn cảnh cụ thể.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | **III. Biện pháp tu từ**  **Bài tập 5:**   * Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. * Nhấn mạnh sự ngang tài, ngang sức. Mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. * Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. […] Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió gió đến, hô mưa mưa về. * Liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì. * Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước. * Liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh cũng như sự tức giận của Thuỷ Tinh. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***? Tìm trong văn bản “Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh từ Hán Việt và biện pháp tu từ điệp ngữ?***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn:24/1

Ngày dạy:27/1/

**Tiết 80: VĂN BẢN 3**

**AI ƠI MỒNG 9 THÁNG 4**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Ai ơi mồng chín tháng tư”.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản thông tin.

**2. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng tinh thần  học tập và niềm đam mê môn học.

- Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn hoá truyền thống của quê hương, đất nước. Từ đó giúp học sinh hiểu biết và hòa nhập hơn với môi trường mà mình đang sống, có ý thức tìm hiểu, phát huy và truyền bá tinh hoa văn hoá quê hương trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS quan sát video về lễ hội Gióng và đặt câu hỏi: *Lễ hội trên gợi nhắc em đến văn bản nào đã học?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, xuất xứ, phương thức biểu đạt, bố cục của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *phỗng, phù giá, xà cạp*  - HS lắng nghe.  - GV yêu cầu học sinh đặt câu với những từ khó*: phỗng, phù giá, xà cạp*  *?Xác định xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt và bố cục của văn bản?*  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức trên máy chiếu | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả:** Anh Thư.  **2. Tác phẩm.**  **a. Xuất xứ**: Báo điện tử Hà Nội mới, 2004.  **b. Thể loại:** VB thông tin**.**  **c. PTBĐ chính:** Thuyết minh.  **d. Bố cục: 3 phần:**  - P1: Từ đầu -> *đồng bằng Bắc Bộ*: giới thiệu về hội Gióng  - P2: Tiếp theo -> *viên hầu cận:* Tiến trình hội Gióng.  - P3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng | |
| **NHIỆM VỤ II: ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**  **a. Mục tiêu:** Nêu được nội dung và nghệ thuật văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *? Văn bản này thuật lại sự kiện gì?*  *? Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?*  *? Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?*  *? Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết TG?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. VB này thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9/4 âm lịch tại xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội  2. Đoạn mở đầu của VB cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa, mưa dông), tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong hững lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng BB).  GV bổ sung: cho HS xem thêm một số tranh ảnh về các di tích này với học sinh. | | **II. Đọc-hiểu văn bản**  ***1. Giới thiệu hội Gióng***  - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng.  - Thời gian: 9/4 âm lịch  - Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội  - Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu bài tập để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội. (phiếu bài tập phần hồ sơ dạy học).  *? Từ đó em có nhận xét gì về tiến trình của lễ hội? Lễ hội được tổ chức như thế nào?*  *? Hãy tìm một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  Chiếu một vài hình ảnh về hội Gióng | | ***2. Tiến trình của hội Gióng***  - Thời gian chuẩn bị: 1/4-5/4  - Lễ hội bắt đâu  + Mùng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng  + Mùng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân  + Mùng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh  + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.  🡪 Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động.  - Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Lễ Hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liên và trần thế… Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời. | | ***3. Ý nghĩa của hội Gióng***  - Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng.  🡪 cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** *Tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.  ***2. Nghệ thuật***  - Cách triển khai nội dung trong từng phẩn, mục: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị.  - Ngôn ngữ: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao.  🡪 Đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện.  - Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
|  | **II. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 26/1/

Ngày dạy: 29,31, /1/(6c,6d)

**Tiết 81+82, 83: VIẾT**

**VIẾT VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN  
(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) ở ngôi thứ nhất.

- Năng lực viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

**\*** Năng lực chung: Tạo lập văn bản, tư duy, sáng tạo, tự giác...

**2. Phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**-** SGK, SGV Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănthuyết minh lại một sự kiện.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *?Văn bản “Ai ơi mồng 9 tháng 4”đã thuyết minh/thuật lại sự kiện gì?*  *? Xác định kiểu bài yêu cầu của văn bản?*  *? Để thuyết minh về 1 sự kiện văn hóa chúng ta cần chú ý tới những nội dung chính nào ?*  *? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao?*  *? Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện:***  ***Ví dụ*:***VB“Ai ơi mồng 9 tháng 4” tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại VB thông tin.*  \* Thuyết minh về một sự kiện văn hóa (Thời gian, không gian, diễn biến, ý nghĩa, cảm nhận của bản thân…)  - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”/ chúng tôi).  \*Hình thức: bài văn đầy đủ 3 phần: MB, TB, KB.  ***\* Yêu cầu:***  -Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chửng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù họp.  -Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).  -Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.  -Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.  -Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện. |

**Hđ 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:  *?Xác định ngôi kể trong bài văn?* *Vì sao em biết?*  *?Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?*  *? Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?*  *? Bài viết tường thuật theo trình tự nào?*  *?Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?*  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Người thuyết minh xưng “tôi”: *trường tôi, tôi được tham gia, tối được thấy lẩn đầu tiên,...*  + Phần mở đẩu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân.  + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui choi,...  + Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;* trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -\* diễn biến -> kết thúc  + *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;...*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **Bài mẫu**:  \* Kể về hội chợ xuân ở trường của tác giả.  \* Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  \* Các phần:  - Đoạn 1: Giới thiệu bối cảnh, mục đích tồ chức hội chợ xuân.  - Đoạn 2,3,4 tập trung giới thiệu sự kiện, với các chi tiết:  + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết;  + Không gian: trong sân trường;  + Diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi...  4. Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiểu;*  Trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc).  5.  - Đoạn 5: Nêu lên nhận xét, đánh giá của người viết.  - Vì có những từ ngữ nào thể hiện được suy nghĩ, đánh giá của người viết như: *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bấu không khí rộn rã, vui tươi...)* |

**Nhiệm vụ 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh lại một sự kiện  Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một sinh hoạt văn hoá)  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS viết bài tại lớp.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - Lập dàn ý chi tiết cho đề văn sau:  **Đề ra**: Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất. | **III. Các bước tiến hành**  **1.Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  | | --- | | Sự kiện gì? | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ? | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết  **\*Dàn ý đề bài đã cho:**  *\* Mở bài*: Giới thiệu sự kiện  \* *Thân bài*: Giới thiệu về:  - Lịch sử hình thành (Nguồn gốc)  - Thời gian  - Quy mô  - Diễn biến chính  + Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. | |
| * **Tổ chức thực hiện** | * **Sản phẩm** |
| * **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   - Yêu cầu HS nhắc lại đề, xác định các yêu cầu về hình thức và nội dung của bài viết.  - GV trả bài , yêu cầu HS đọc bài của mình, nhận ra các lỗi sai.   * Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. * **B2: Thực hiện nhiệm vụ** * - GV giao nhiệm vụ * - HS làm viện theo nhóm * **B3: Báo cáo thảo luận** * - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. * - HS nhận xét bài viết. * **B4: Kết luận, nhận định (GV)** * - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. * *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết* | Nhận xét:  **(Phần này GV sẽ tự đánh vào sau khi chấm bài của HS)**  \* Ưu điểm về:  - Cách lựa chọn đối tượng thuyết minh:…..  - Về kiểu bài: …..  - Về bố cục: ….  - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: …..  - Cách trình bày bài :….  \* Hạn chế:  - Cách lựa chọn đối tượng thuyết minh:…..  - Về kiểu bài: …..  - Về bố cục: ….  - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: …..  - Cách trình bày bài :….   * 4. Đọc bài viết hay nhất của HS |

|  |
| --- |
| **\*GV mở rộng, chốt một số nội dung:**  -Văn bản thuyết minh sẽ cung cấp cho những người đọc, người nghe những kiến thức cụ thể về đặc điểm, tính chất, tác dụng, thành phần… của những hiện tượng kỳ lạ và sự vật trong tự nhiên cũng như trong xã hội bằng phương pháp giải thích, giới thiệu hay trình bày  - ***Bố cục: 3 phần là mở bài, thân bài và kết bài***. Văn bản thuyết minh sẽ cung cấp  cho những người đọc, người nghe những kiến thức cụ thể về đặc điểm, tính chất, tác dụng, thành phần… của những hiện tượng kỳ lạ và sự vật trong tự nhiên cũng như trong xã hội bằng phương pháp giải thích, giới thiệu hay trình bày  **\*Mở bài:** Giới thiệu sơ qua về đối tượng người dùng được thuyết minh, gợi mở cho quý khách  **\*Thân bài:**Trình bày rõ ràng và cụ thể về tính chất chất, đặc biệt quan trọng, sự kiện và bản chất của sự việc việc, hiện tượng kỳ lạ hướng tới. Giải thích được nguyên nhân, nguồn gốc, kết cấu, chức năng, kết cấu để cung cấp thông tin rõ ràng và cụ thể cho những người đọc.  **\*Kết bài:** Xếp loại về đối tượng người dùng, tổng kết lại nội dung của toàn bài.  **\* Đặc điểm của văn thuyết minh:**  *- Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất*  - Để văn thuyết minh trở nên hấp dẫn, góp phần làm nổi bật đặc điểm, tính chất, nhấn mạnh vấn đề ý chính trong nội dung bài viết và gây hứng thú cho những người đọc nên sử dụng một số biện pháp nổi bật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại, diễn ra, tự luận, ẩn thụ,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ***? Em kể lại sự kiện lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá đã từng được tham gia, chứng kiến hoặc được biết đến qua sách báo, truyền hình, truyền thanh ?***  - Dự kiến KK HS gặp: không biết kể về trải nghiệm của bản thân.  - GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: *Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **IV. Luyện tập.** |

Ngày soạn: 31/1/2024

Ngày dạy: 3/2/2024(6c,6d(

**Tiết 84: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nói được về một truyền thuyết mình yêu thích

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**\*** Năng lực chung: nói và nghe, tự giác, hợp tác, tư duy...

**2. Phẩm chất:** Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt***  *(Dưới 5 điểm)* | ***Đạt***  *(Từ 5-7 điểm)* | ***Tốt***  *(Từ 8-10 điểm)* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết . | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng.. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết nối vào bài

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi& nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình?  ?Em lựa chọn đề tài nào cho bài nói của mình.  ?Tìm ý và lập dàn ý chuẩn bị cho bài nói.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Lựa chọn đề tài:  + Hãy nhớ lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.  + Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.  - Tìm ý: Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:  + Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện  + Hoạt động chính ( trình tự, kết quả hđ)  + Ý nghĩa của sự kiện,  - Lập dàn ý:  + Mở bài: Giới thiệu sự kiện  + Thân bài: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian: những nhân vật tham gia sự kiện; các hoạt động chính trong sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động; hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc.  + Kết bài: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết  **2. Tập luyện**  **-** Tập nói một mình.  - Luyện nói theo nhóm cặp.  - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ... | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu:  - HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu;  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - - Học sinh đọc lại,nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng cuả truyền thuyết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | | **II. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết).  + Nội dung nói đảm bản các sự việc chính theo trình tự nhất đinh, có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | **III. Trao đổi về bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:***  - Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức  ***b) Nội dung:***  - GV giao bài tập cho HS.  - HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổchức thựchiện*** | |
| Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** | | **1** | Chủ đề |  | | **2** | Nhân vật |  | | **3** | Cốt truyện |  | | **4** | Lời kể |  | | **5** | Yếu tố kì ảo |  |   Bài tập 2: Viết đoạn văn tưởng tượng cách kết thúc khác của truyền thuyết *Thánh Gióng* và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy và nêu tác dụng. | **IV. Luyện tập.** |
|  | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Tìm hiểu, giới thiệu một số tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*?  Bài tập 2: Theo em vì sao hội thi thể thao trong trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khỏe Phù Đổng*?  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định(GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI 1**

**Phiếu số**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt***  *(Dưới 5đ)* | ***Đạt***  *(Từ 5-7 điểm)* | ***Tốt***  *(Từ 8-10 điểm)* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết . | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng.. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

Ngày soạn: 2/02/

Ngày dạy: 5/02/

**TIẾT 85: TRẢ BÀI**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết được chức năng của kiểu văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó.
* Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng chứng kiến,… theo ngôi thứ nhất( số ít hoặc số nhiều) với đề tài mở.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về văn bản thuyết minh về một sự kiện.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để để tìm hiểu về văn bản thuyết minh về một sự kiện.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết thuyết minh về một sự kiện.

**3. Phẩm chất:**

- *Nhân ái:*  HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, trân trọng cuộc sống đang có

*- Trách nhiệm:*  Yêu mến và ngợi ca cái tốt, lên án cái xấu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. Tiến trình dạy học.**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS xem video và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em thường gặp những văn bản thuyết minh nào?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** hs chia sẻ

HS TRẢ LỜI, GV CHIẾU MỘT SỐ VB TM

**\* Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Như vậy văn bản thuyết minh là văn bản rất phổ biến trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta và cũng rất gần gũi với quá trình học tập của chúng ta nữa. Vậy văn abnr thuyết minh là gì, và làm thế nào để các em có thể viết được một văn bản thuyết minh đúng và hay. Hôm nay chúng ta sẽ đi học bài “…”

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Đề tài của bài văn đã sát hợp với yêu cầu của đề bài |  |  |
| Xác định rõ người tường thuật và sử dụng ngôi tường thuật, cách xưng hô phù hợp, nhất quán. |  |  |
| Giới thiệu những thông tin chung về sự kiện |  |  |
| Thuật lại đầy đủ những diễn biến chính của sự kiện, theo trình tự hợp lí |  |  |
| Cung cấp đầy đủ, chi tiết các thông tin về sự kiện. Tập trung vào những chi tiết tiêu biểu, độc đáo, thu hút người đọc. |  |  |
| Nêu được cảm nghĩ của người viết về sự kiện. |  |  |
| Các yêu cầu về hình thức bài văn, về diễn đạt. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Văn thuyết minh** | **Văn miêu tả** |
| ***Mục đích*** |  |  |
| ***Yêu cầu với bài văn*** |  |  |
| ***Các biện pháp tu từ*** |  |  |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Dự kiến:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Văn thuyết minh** | **Văn miêu tả** |
| ***Mục đích*** | Cung cấp các thông tin, tri thức về đối tượng giúp người đọc/ nghe hiểu rõ về đối tượng. | Tái hiện lại một cách sống động đối tượng giúp người đọc/ nghe dễ hình dung về đối tượng đó. |
| ***Yêu cầu với bài văn*** | Thông tin phải chính xác, phù hợp, hữu ích; bài làm phải trình bày mạch lạc, chặt chẽ. | Tái hiện lại chi tiết các đặc điểm của đối tượng, tập trung vào những đặc điểm nổi bật để tạo ấn tượng cho người đọc/ nghe. |
| ***Các biện pháp tu từ*** | Thuyết minh chủ yếu cung cấp thông tin khách quan về đối tượng nên việc sử dụng biện pháp tư từ và thể hiện cảm xúc bị hạn chế. | Có thể sử dụng nhiều biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh,ẩn dụ, hoán dụ, để bài viết miêu tả thêm sinh động. |

**\* Kết luận, đánh giá.**

\*\*Hướng dẫn về nhà:

* Học kĩ bài đã học
* Chuẩn bị bài sau: Bài 7- Thế giới cổ tích ( Tri thức ngữ văn, Thạch Sanh)

Ngày soạn:12/2/

Ngày dạy:15/2/

**Bài 7: TIẾT 86, 87, 88: TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ THẠCH SANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**\*** Năng lực riêng:

Năng lực nhận biết, phân tích những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện...

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Sơ đồ, bản đồ, bảng biểu, mô hình: dùng để minh hoạ, trình bày cốt truyện cổ tích, dàn ý bài viết hoặc phần ôn tập, tổng kết kiến thức.

- Phiếu học tập

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A4, giấy note hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ những câu chuyện cổ tích đã được nghe, đọc và cảm nhận về câu chuyện hay, ấn tượng nhất.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

*?Em hãy kể tên những câu chuyện cổ tích mà em đã được đọc hoặc nghe kể? Em thích nhất câu chuyện nào? Hãy kể cho cô và các bạn cùng nghe.*

- GV nhận xét, bổ sung, từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Thế giới cổ tích, bài học tập trung vào tìm hiểu 3 văn bản truyện cổ tích: *Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe*. Từ đó các em có thể kể lại các câu chuyện được học bằng cách đóng vai một nhân vật trong truyện.  HS lắng nghe  **Bước 2:**  **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **I. Giới thiệu bài học** |

**Nhiệm vụ 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm truyện cổ tích và những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  - GV yêu cầu HS kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học.  + HS kể tên một số truyện đã biết và liên hệ với tri thức ngữ văn.  Câu hỏi gợi ý: *Em biết những truyện cổ tích nào? Em biết các truyện cổ tích đó trong hoàn cảnh nào?*  + HS tóm tắt truyện và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích yêu thích.  + HS trao đổi nhóm để nhận biết các yếu tố cơ bản của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những truyện đã biết.  + HS chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo (lạ và không có thật) được sử dụng trong các truyện mà các em đã đề cập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  - GV mở rộng thêm một số định nghĩa của các nhà nghiên cứu, học giả để hiểu rõ tính chất thể loại cồ tích, phân biệt nó với các thể loại tự sự dân gian khác như thần thoại, truyền thuyết. Ví dụ:  + Giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* của Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên (đổng Chủ biên) phân định: “Thần thoại là những truyện mà nhân vật là thần, còn truyện cồ tích thì nhân vật là người; thần thoại là sáng tác dân gian thời nguyên thuỷ, còn truyện cồ tích là sản phẩm của xã hội thị tộc tan rã, phản ánh đấu tranh xã hội; thần thoại hấp dẫn bằng những hình tượng mĩ lệ, táo bạo, còn truyện cồ tích lôi cuốn chúng ta bằng những nỗi niềm vui khổ, không khí đấu tranh chống cường quyền...”. | **II. Khám phá tri thức**  **1. Truyện cổ tích**  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động  **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| *:* lựa chọn một truyện mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.* | **II. Luyện tập.** |

**Văn bản 1: THẠCH SANH**

***(Truyện cổ tích)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, đồ vật kì ảo; lời kể chuyện,...

- Năng lực nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

- Hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán).

- Hiểu được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về truyện Thạch Sanh và nghĩa của từ để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

**\*** Năng lực chung: Năng lực cảm thụ, tư duy, hợp tác, tự lập...

**2. Phẩm chất:**

-Tình yêu thương con người, lòng nhân hậu, tinh thần nghĩa hiệp, dũng cảm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, video về truyện “Thạch Sanh”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4, giấy note hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Quan sát các bức tranh sau, lựa chọn nhận xét phù hợp với từng bức tranh và giới thiệu vài nét về một nhân vật trong tranh mà em biết.

1. Nhân vật Sơn Tinh (Người anh hùng chiến thắng thiên nhiên)
2. Nhân vật Thánh Gióng (Người anh hùng chiến trận)

3,4: Nhân vật Thạch Sanh (Người tráng sĩ đời thường tiêu diệt cái ác)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **a.Mục tiêu:** Giúp HS biết được kiểu nhân vật, ngôi kể, tóm tắt được những sự việc chính liên quan đến nhân vật Thạch Sanh. Nắm được phương thức biểu đạt, bố cục của văn bản. | | |
|  | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  *?Nhắc lại khái niệm truyện cổ tích? ( Đã học ở tiết trước)*  *?Truyện Thạch Sanh thuộc kiểu truyện viết về nhân vật nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?*  *?Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?*  *?Nhìn tranh và xác định các sự việc chính liên quan đến nhân vật Thạch Sanh, sau đó tóm tắt truyện.*  *?Nêu phương thức biểu đạt, ngôi kể của văn bản?*  *?Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản, tìm hiểu một số từ khó.  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **a. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **b. Văn bản:**  - *Kiểu nhân vật*: dũng sĩ có tài năng kì lạ.  - *Tóm tắt:*  + Thạch Sanh ra đời  + Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông  + Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông  + Mẹ con LT lừa TS đi chết thay cho mình.  + Thạch Sanh diệt chằn tinh bị LT cướp công.  + TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công.  + TS diệt hồ tinh, cứu thái tử, bị vu oan vào tù.  + TS được giải oan lấy công chúa.  + TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu.  + TS lấy công chúa và lên ngôi vua.  **-** *Phương thức biểu đạt:* tự sự  *- Ngôi kể:* ngôi thứ 3  *- Bố cục.*  **-** Gồm 3 phần .  **+** Phần 1 : Từ đầu .....“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh.  + Phần 2 : Tiếp …đến “hoá kiếp bọ hung” : những chiến công của Thạch Sanh.  + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  HS nắm được gia cảnh của Thạch Sanh, những thử thách và chiến công của TS, nhân vật Lí Thông. Nắm được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT trạm - mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d.Tổ chức thực hiện** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng trạm:***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số ở mỗi nhóm  - Phát phiếu học tậpvà giao nhiệm vụ:  **+ Nhóm 1,3:**  *(1)Xuất thân của nhân vật Thạch Sanh như thế nào?Hãy chỉ ra sự bình thường và sự kì lạ trong nguồn gốc xuất thân của Thạch Sanh. Các chi tiết đó có ý nghĩa gì?*  *(2)Mục đích của các tác giả dân gian khi xây dựng nhân vật có nguồn gốc xuất thân như vậy?*  *(3) Sự ra đời của TS em thấy giống sự ra đời của nhân vật nào mà em đã học?So sánh điểm giống và khác?*  **+ Nhóm 2,4**  *(1) Thạch Sanh đã trải qua những thử thách và lập được chiến công nào?Nhận xét về thử thách và chiến công đó?*   |  |  | | --- | --- | | Thử thách | Chiến công | | ……………… | …………….. |   *(2) Theo em, vì sao TS có thể vượt qua được những thử thách và lập được những chiến công hiển hách đó?Qua đó tác giả dân gian muốn thể hiện (đề cao) điều gì?*  ***\* Vòng mảnh ghép.***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***\* Vòng trạm (3 phút)***  **HS**: Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (9 phút)***  **HS:**  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng trạm.  2. Mỗi chuyên gia ở vòng trạm sẽ có 2 phút để trình bày vấn đề của mình cho nhóm mới.  3. Các thành viên trong nhóm mới sẽ ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  Nhóm 1,3: câu 2,3:  -> Thể hiện quan niệm của nhân dân ta cho rằng những người dũng sĩ có tài năng phi thường nhưng lại có nguồn gốc nông dân, những người b́nh thường lại có phẩm chất khác thường, kì lạ. Điều này sẽ được bộc lộ dần qua phần quan trọng nhất của truyện về các thử thách gặp phải và các chiến công mà chàng đạt được sau mỗi lần thử thách.  \*So sánh với Thánh Gióng:  - Giống: cùng được sinh ra kì lạ, khác thường, con người ẩn chứa nhiều tài năng, là con của người nông dân.  - Khác: TG lớn lên và thay đổi do yêu cầu của đất nước. TS lớn lên bt được thiên thần dạy dỗ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | ***1. Nhân vật Thạch Sanh:***  *a) Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh:*   |  |  | | --- | --- | | *Bình thường* | *Khác thường* | | - là con của một gđ nông dân tốt bụng  - sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi | - TS ra đời do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai làm con  - Bà mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra TS  - Được thần dạy cho võ nghệ và mọi phép thần thông. |   *Thạch Sanh vừa mang yếu tố của người dân thường, vừa mang yếu tố kì lạ của thần tiên.*  - ***Ý nghĩa:*** Tô đậm tính chất lớn lao, đẹp đẽ, kì lạ về nhân vật Thạch Sanh đồng thời làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện  ***b. Những thử thách và chiến công***   |  |  | | --- | --- | | **Thử thách** | **Chiến công** | | 1. Bị Lí Thông lừa đi canh miếu thờ và chém chằn tinh  2. Bị cướp công và tiêu diệt đại bàng.  3. Bị hãm hại (Lí Thông lấp cửa hang), cứu con vua Thuỷ Tề.  4. Bị vu oan và chữa được bệnh cho công chúa  5. Lui quân của 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. | - TS diệt chằn tinh  - Diệt đại bàng, cứu công chúa.  - Cứu con vua Thuỷ Tề  - TS minh oan, lấy công chúa  - Chiến thắng quân của 18 nước chư hầu. |   -> Mức độ khó khăn, thử thách tăng dần bộc lộ tài năng, phẩm chất: Thật thà, chất phác, dũng cảm và tài năng, có lòng nhân đạo và yêu hoà bình.  **=>** Đề cao giá trị đạo đức của con người, đề cao công lí, chính nghĩa. Thể hiện lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của dân tộc. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * GV đặt câu hỏi:   - HS theo dõi vào SGK trả lời câu hỏi:  *?Tìm chi tiết giới thiệu về Lí Thông?*  *?Vì sao Lí Thông lại kết nghĩa anh em với Thạch Sanh?*  *?Lí Thông đã có những âm mưu và hãm hại Thạch Sanh như thế nào?*  *?Em có nhận xét gì về nhân vật LT?*  *?Kết thúc truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của các tác giả dân gian về triết lí nào được thể hiện trong truyện cổ tích?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Nhân vật Lí Thông.**  - Thấy Thạch Sanh khoẻ mạnh, kết nghĩa anh em -> Muốn bóc lột sức lao động  - Lừa Thạch Sanh đi canh miếu để chết thay cho mình.  - Cướp công giết chằn tinh.  Lấp cửa hang định giết Thạch Sanh  - Được Thạch Sanh tha chết nhưng bị sét đánh chết, biến thành bọ hung.  Lí Thông là người nham hiểm, ác độc, xảo quyệt, vong ân bội nghĩa bị trừng trị đích đáng.  **=>**  Thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong xã hội. Làm điều ác thì sẽ bị trừng trị. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * GV đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm bàn:   Hoàn thành sơ đồ sau.   |  |  | | --- | --- | | Con vật kì ảo:  ………………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………… | | Đồ vật kì ảo:  ……………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………… |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Ý nghĩa các chi tiết kì ảo**   |  |  | | --- | --- | | **Con vật** | | | - Chằn tinh:  - Đại bàng: | - Một yêu quái khổng lồ, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay.  - Ở hang sâu bí mật, có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm, quắp công chúa đi trước mặt bá quan văn võ và các anh tài trong thiên hạ.  => Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân, đồng thời giúp Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ. | | **Đồ vật** | | | - Cây đàn:  - Niêu cơm: | - Là nhạc cụ đồng thời là vũ khí.  → Đại diện cho tình  yêu, công lí, nhân đạo, hoà bình.  - Hàng vạn người ăn mãi không hết.  → Lòng nhân đạo, đoàn kết, hòa bình.  => Góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV nêu câu hỏi HS trả lời:  ?*Hãy rút ra nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra phiếu học tập  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Cá nhân HS trình bày.  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết:**  *1. Nghệ thuật:*  - Truyện mang màu sắc thần kì.  - Nhiều chi tiết kì ảo, phi thường.  *2. Nội dung*  - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược  *3. Ý nghĩa văn bản:*  - Truyện Thạch Sanh thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời*  ?Hãy lập bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:   |  |  | | --- | --- | | **Thạch Sanh** | **Lý Thông** | |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS so sánh hai nhân vật  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày   |  |  | | --- | --- | | **Thạch Sanh** | **Lý Thông** | | - Thạch Sanh là người lương thiện, nhân hậu, khoan dung, trong sáng vô cùng. Luôn tin người, sẵn sàng giúp đỡ người bị hại, không bao giờ nghĩ tới việc người đền ơn.  (Thạch Sanh giết chằn tinh, đại bàng, cứu công chúa, tha cho mẹ con Lý Thông, dùng tiếng đàn đẩy lui quân 18 nước chư hầu,...) | - Lí Thông là kẻ vong ân bội nghĩa, xảo trá, mưu mẹo, gian ác, thấp hèn. (Lí Thông hèn nhát đẩy Thạch Sanh thế mạng cho mình nhưng khi Thạch Sanh lập được công lớn thì lại tìm cách cướp công, hãm hại Thạch Sanh). |   - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá*.* | **IV. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |

Ngày soạn: 15/2(24)

Ngày dạy: 18/2(6d.6c)

**Tiết 89: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ;

- Năng lực suy đoán nghĩa của thành ngữ cụ thể.

**\*** Năng lực chung: sử dụng từ, tư duy, hợp tác, tự lập, vận dụng...

**2.Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức về từ và thành ngữ vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  *- GV đặt câu hỏi chất vấn:* Khi đọc một VB, các em có gặp những từ ngữ khó hiểu không? Các em đã làm thế nào để hiểu được các từ ngữ đó? Cho ví dụ.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.*  *- Dự kiến sản phẩm*: Theo cấu tạo: từ đơn, từ ghép, từ láy;  *- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ở Tiểu học, các em đã được học về nghĩa cả từ. Hôm nay, để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và luyện tập cách giải nghĩa của từ, cả lớp chúng ta cùng ôn lại kiến thức trong bài “Thực hành tiếng Việt”. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Biết cách suy đoán nghĩa của từ  **b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã biết để giải thích nghĩa của một số từ ngữ.  **c. Sản phẩm học tập:** HS biết cách suy đoán nghĩa của từ.  **d. Tổ chức thực hiện:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Thực hiện trò chơi theo tổ: Mình cùng giải nghĩa của từ**  **+ Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Chia mỗi tổ làm 1 đội thi.  GV Yêu cầu các đội nhanh chân lên bảng ghi từ ngữ cần tìm lên phần bảng của đội khi giáo viên trình chiếu nội dung của từ trên màn hình.  *1….Dinh dự dưới nước,nơi ở của thủy thần.*  *2….Kiếm sống*  *3….hủy bỏ hôn nhân.*  *4… tự mình.*  *5…sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.*  **+ Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS các tổ nhanh chân lên bảng ghi từ theo nội dung GV đưa ra.  - Các nhóm còn lại nhận xét kết quả chéo.  **+ Sản phẩm:**  **GV trình chiếu kết quả:**   1. ***Thủy phủ:*** *Dinh dự dưới nước, nơi ở của thủy thần.* 2. ***Sinh nhai:*** *Kiếm sống* 3. ***Từ hôn:*** *hủy bỏ hôn nhân.* 4. ***Thân chinh:***  *tự mình.* 5. ***Động binh:*** *sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.*   GV: Vậy, em hiểu nghĩa của từ là gì?  HS: Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị. | 1. **Nghĩa của từ ngữ** |
| **Bước 2: Củng cố lý thuyết.**  \* Chuyển ý: Vậy thì làm sao để hiểu được nghĩa của từ chúng ta mới gặp mà chưa biết nghĩa?  Khi gặp từ ngữ mói trong văn bản, trước khi dùng từ điển để tra cứu, có thể dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo ra nó để suy đoán nghĩa của nó.  - GV có thể cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt khó như: tiên (trước, sớm nhất,...); truyền (trao, chuyển giao,...); súc (các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,...); sản (của cải); cảnh hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh);... sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ. | **1. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.**  **VD:**  ***- Thủy phủ:*** *Dinh dự dưới nước, nơi ở của thủy thần.*  ***- Sinh nhai:*** *Kiếm sống.*  **2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách:**  - Tra từ điển;  - Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó.  **VD: gia tài.**  + gia: nhà  + tài: của cải.  **-** Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2,3 (SGK tr.36,37).  (1) GV cho HS được làm quen với một mô hình cấu tạo từ Hán Việt là *gia* +A, phát triển vốn từ có mô hình trên đồng thời biết được các yếu tố Hán Việt mới, giúp HS hình dung một thao tác rất quan trọng để suy đoán nghĩa của từ là dựa vào cấu tạo, ý nghĩa của các thành tố tạo nên từ đó.  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Stt | Yếu tố Hán Việt A | Nghĩa của yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (*gia*+A) | Nghĩa của từ Hán Việt (*gia*+A) | | 1 | Tiên |  | gia tiên |  | | 2 | truyền |  | gia truyền |  | | 3 | cảnh |  | gia cảnh |  | | 4 | sản |  | gia sản |  | | 5 | Sú |  | gia súc |  |   + GV cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt khó như tiên (trước, sớm nhất,...); truyền (trao, chuyển giao,...); súc (các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,...); sản (của cải); cảnh hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh);... sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ.  + GV có thể cho HS huy động vốn từ có sẵn của các em để suy đoán nghĩa.  + Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: *gia quy gia pháp, gia phả, gia bảo,...*  (2) Trước hết, GV cần giải thích để HS hiểu ví dụ được đưa ra trong bài tập 2 (về nghĩa của từ khéo léo), rút ra cách suy đoán (giải thích bằng cách đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích); sau đó, tiến hành suy đoán nghĩa của từng từ in đậm. HS cần hiểu rõ: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng theo mẫu sau (phiếu học tập số 2):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh **hiện nguyên hình** là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng. | hiện nguyên hình |  | | b. Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quăng ở gốc đa để **vu vạ** cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. | vu vạ |  | | c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng **rộng lượng** tha thứ cho chúng về quê làm ăn. | rộng lượng |  | | d. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lẻn thì quân sĩ của mười tám nước **bủn rủn** tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. | bủn rủn |  |   (3)  - GV yêu cầu HS làm phiếu học tập số 3.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a | - khoẻ như voi:  - lân la:  - gạ: |  | | b | Hí hửng: |  | | c | Khôi ngô tuấn tú: |  | | d | - bất hạnh:  - buồn rười rượi: |  |   (4)  - GV yêu cầu HS căn cứ vào đoạn kể trong truyện Thạch Sanh (từ Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm đến ăn hết lại đầy) để suy đoán được nghĩa của thành ngữ.  - Yêu cầu HS tìm thêm thành ngữ trong các truyện cổ tích: Tấm Cám (*hiền như cô Tấm*), Thạch Sùng (*Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*) và giải thích nghĩa của các thành ngữ ấy căn cứ vào nội dung câu chuyện.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS thảo luận nhóm cặp đôi theo kỹ thuật lẩu băng chuyền phiếu học tập số 2,3.  - HS làm việc cá nhân phiếu học tập số 1,4.  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | 1. **Luyện tập**   **Bài tập 1:** Hoàn thiện phiếu học tập số 1  **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a | hiện nguyên hình | Trở về hình dạng vốn có | | b | vu vạ | Đổ tội cho người khác (tội mà người đó khôn làm) | | c | rộng lượng | Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, … của người khác | | d | bủn rủn | Không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra |   **Bài tập 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ | | a | - khoẻ như voi:  - lân la:  - gạ: | - rất khoẻ, khoẻ khác thường.  - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó.  - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó | | b | Hí hửng: | vui mừng thái quá | | c | Khôi ngô tuấn tú: | diện mạo đẹp đẽ, sáng láng | | d | - bất hạnh:  - buồn rười rượi: | - không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ.  rất buồn, buồn lặng lẽ | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong truyện “Thạch Sanh” để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm:** Đoạn văn khoảng 5-7 câu.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thạch Sanh trong truyện kể cùng tên. Giải thích nghĩa của một vài từ ngữ trong đoạn văn đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 19/2/24

Ngày dạy: 22/2/(6c) 23/2(6D)

**Tiết 90,91 : VĂN BẢN 2: CÂY KHẾ**

**(Truyện cổ tích)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Cây khế;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Cây khế;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị nội dung, nghệ thuật sử dụng yếu tố kì ảo, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**\*** Năng lực chung: Năng lực cảm thụ, tư duy, hợp tác, tự lập...

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực, khiêm tốn, lòng biết ơn, sống vị tha và yêu thương con người**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, video về truyện “Cây khế”

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A4, giấy note hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Vì sao không gian đảo xa thường có nhiều điều bất ngờ, kì diệu? Em đã từng đặt chân đến một hòn đảo ngoài biển khơi xa lắc lần nào chưa?

- GV cho HS xem một đoạn phim ngắn/ bộ phim khoa học kể về hành trình khám phá một hòn đảo trên biển của một đoàn thám hiểm.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ ý kiến cá nhân về câu hỏi của GV.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **a.Mục tiêu:** Giúp HS biết được kiểu nhân vật, ngôi kể, tóm tắt được những sự việc chính liên quan đến truyện *Cây khế*.  **b.Nội dung:**  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS | | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - GV lưu ý trong khi đọc văn bản, HS chủ yếu sử dụng ba chiến lược: tưởng tượng, theo dõi và dự đoán.  - GV cho HS tìm hiểu thêm về các dị bản khác của truyện cổ tích *Cây khế*.  *?Truyện kể về nhân vật nào? Nhân vật đó thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?*  *? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Lời kể của ai?*  *? Sắp xếp các sự việc chính trong truyện theo thứ tự hợp lí* **(Phiếu học tập số 1):**  a. Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.  b. Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  c. Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.  d. Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.  e. Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.  g. Người anh bị rơi xuống biển và chết.  *? Tìm những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian quá khứ, không gian không xác định trong truyện!*  *?Xác định bố cục của văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Đọc văn bản, tìm hiểu một số từ khó.  - Làm việc cá nhân, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  **GV:**  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** Trình bày sản phẩm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV:**  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **-** Đọc, tìm hiểu chú thích  - Kiểu nhân vật: bất hạnh.  - Ngôi kể: thứ ba.  - Tóm tắt:  1 - b. Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  2 - d. Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.  3 - a. Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.  4 - c. Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.  5 - e. Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.  6 - g. Người anh bị rơi xuống biển và chết.  - Ý nghĩa các cụm từ chỉ thời gian quá khứ và không gian không xác định: Đây là công thức mở đầu, có ý nghĩa phiếm chỉ không gian – thời gian xảy ra câu chuyện, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn.  **\*Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu -> *không đi lại với em nữa*: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài.  - P2: Tiếp theo -> *đâm bổ xuống biển:* Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng.  - P3: Còn lại: Kết thúc truyện |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
|  | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  1. *Hoàn cảnh của hai anh em trong truyện có gì đặc biệt?*  *2. Những tính cách tốt đẹp nào của hai anh em mà em thấy được?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Hai anh em mồ côi cha mẹ từ sớm (là điều rất bất hạnh của những đứa trẻ)  2. Nhưng đáng khâm phục thay, hai anh em đã nương tựa vào nhau, yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng đủ ăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  => Ghi lên bảng | **II. Đọc-hiểu văn bản**  ***1. Hai anh em trước khi chia gia tài***  - Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm  - Tính cách: yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng.  Bất hạnh nhưng đáng khâm phục. | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *1. Người em được chia gia tài như thế nào?*  *2. Người em trong câu chuyện là một người như thế nào? Sau khi chia gia tài, người em có cuộc sống ra sao?*  - GV đặt tiếp câu hỏi, các nhóm thảo luận:  *3. Nếu là em, em có đồng ý với cách chia gia tài của người anh hay không?*  *4. Khi chim đến ăn khế, vợ chồng người em đã phản ứng như thế nào? Em có nhận xét gì về cách phản ứng đó?*  *5. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện mình là một người như thế nào?*  *6. Khi đã trở nên giàu có, người em có thay đổi mình không?*  *7. Qua đó, em có nhận xét gì về người em trong truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  *1. Người em được anh chia cho một gian nhà lụp xụp, trước cửa có một cây khế ngọt.*  *2. Người em trong câu chuyện là một người hiền lành, chăm chỉ. Sau khi chia gia tài, người em không hề than vãn, vẫn vui vẻ, hạnh phúc với cuộc sống thực tại, dù khó khăn, thiếu thốn về vật chất.*  *3. Học sinh thảo luận và cho biết ý kiến của mình. Giáo vên cần tôn trọng quan điểm của các em nhưng định hướng về thái độ sống như của người em.*  *4. Khi chim đến ăn khế, vợ chồng người em đã để cho chim ăn ròng rã một tháng, khi quả vơi dần thì mới dám van xin chim. Điều đó thể hiện sự tôn trọng…*  *5. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện mình là một người thật thà/ trung thực…*  *6. Khi đã trở nên giàu có, người em vẫn rất tình nghĩa, thật thà, không kiêu ngạo, tự phụ.*  *7. Định hướng HS đến với câu thành ngữ “Ở hiền gặp lành* | ***2. Hai anh em khi chia gia tài***  *a/ Người em:*  - Người em được anh chia cho một gian nhà lụp xụp, trước cửa có một cây khế ngọt.  - Hiền lành, chăm chỉ, hạnh phúc với những gì mình đang có  - Khi chim đến ăn khế: yêu cầu một cách kính trọng.  - Khi được chim ưu đãi: lấy một ít.  - Khi giàu có: không kiêu ngạo, tự phụ, thật thà kể mọi chuyện cho anh.  **🡪 Ở hiền gặp lành** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *1.* *Em thấy người anh trong câu chuyện có tính cách như thế nào? Hãy dẫn chứng cụ thể những hành động, việc làm thể hiện cho tính cách đó.*  *2. Theo em, kết cục câu chuyện vậy là có hợp lí hay không?*  *3. Nhận xét hai nhân vật người anh và người em trong câu chuyện?*  *4.Qua kết cục của người anh và người em trong truyện, các tác giả dân gian muốn gửi gắm đến chúng ta bài học gì? Từ truyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thựsc hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Người anh trong câu chuyện là người lười biếng, ích kỉ, tham lam đến trơ trẽn, bạc tình bạc nghĩa đến cạn tàu ráo máng khi chia tài sản cho em và cắt đứt quan hệ với em, khi thấy em giàu có thì quay lại muốn chiếm đoạt, và kết cục là phải bỏ mạng nơi biển xa…  2. HS tự nêu quan điểm của cá nhân. GV hướng đến thành ngữ “tham thì thâm”.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | *b/ Người anh*  - Lười biếng  - Lấy hết tài sản quý giá, cắt đứt quan hệ với em 🡪bạc tình  - Khi thấy em giàu có: muốn hoán đổi  - Khi chim thần ưu đãi: cố lấy cho thật nhiều  🡪tham lam, trơ trẽn  - Kết cục: bị rơi xuống biển  -> Tham thì thâm, gieo nhân nào gặp quả ấy  **\*** *Bài học:*  - Không tham lam, biết vừa đủ.  - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.  - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.  - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao?*  *?Từ đó suy ra vai trò của nhân vật kì ảo trong truyện nói riêng và trong truyện cổ tích nói chung là gì?*  *? Đảo xa nơi con chim đưa người em đến có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó? Từ đó em hãy suy ra vai trò của không gian kì ảo trong truyện cổ tích!*  *? Tìm câu nói có dáng dấp ca dao, tục ngữ trong truyện, nhân vật nào đã nói câu nói đó? Tác dụng của cách nói như vậy là gì?*  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **3. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:**  - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải.  → xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.  - Câu nói của con chim lớn: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*  → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp.  - Không gian kì ảo (đảo xa):  + Giúp người em có cuộc sống giàu có.  → Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Gv chia 2 nhóm HS thảo luận  - Nhóm lẻ: Liệt kê các đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của truyện.  - Nhóm chẵn: Kết cục của truyện đã gửi gắm đến chúng ta bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** 1 phút viết ý kiến ra góc, 1 phút thống nhất trong nhóm và trình bày trước lớp thông tin.  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). | **III. Tổng kết:**  **ND VÀ NT**  ***Ý nghĩa:*** Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  *1.* Đóng vai một trong các nhân vật người em hoặc người anh để kể lại câu chuyện?  2. Bài học em rút ra được từ truyện là gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  *(Bài học về tình cảm anh em ruột thịt thiêng liêng, đừng vì đồng tiền mà làm mất đi tình thân; tham lam chính là con dao giết chết chính mình; bài học về đền ơn đáp nghĩa...)* | **II. Luyện tập.** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện *Cây khế.*  GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thế giới cổ tích.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 21/2/

Ngày dạy: 24/2/(6c.6d)

**TIẾT 92: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

- Năng lực củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện Nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *Cho câu văn: Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh* ***mơn mởn,*** *quả* ***lúc lỉu*** *sát đất, trẻ lên ba cũng với tay được*  Em hãy tìm những từ ngữ có thể thay thế cho các từ in đậm trong câu văn trên và hãy cho biết vì sao em lại chọn các từ ngữ đó?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát câu văn và huy động kiến thức đã có về các xác định nghĩa của từ để thực hiện yêu cầu câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét, dẫn vào bài mới  Bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục thực hành về xác định nghĩa của từ trong văn bản và thực hành phân tích tác dụng của phép điệp ngữ. | - Thay thế từ **mơn mởn** bằng từ **xanh non**  - Thay từ **lúc lỉu** bằng từ **trĩu trịt**  - Có thể thay thế được như trên bởi vì các từ ngữ thay thế cho nhau có nghĩa tương tự nhau. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Nhiệm vụ 1: NGHĨA CỦA TỪ** | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Hiểu được nghĩa của các từ dùng trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng.  - Học sinh củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.  **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập  - Thảo luận theo bàn & Gv giao nhiệm vụ:  ? Em hiểu gì về nghĩa các từ được in đậm trong bài tập 1/41?  ? Hãy kẻ bảng theo mẫu sau để hoàn thành bài tập 1?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | ***Ý nghĩa*** | ***Từ thay thế*** | | (xanh) mơn mởn |  |  | | lúc lỉu: |  |  | | ròng rã |  |  | | vợi hẳn |  |  |   ? Qua các bài tập em thấy để tìm được từ thay thế trong văn bản ta làm thế nào?  Phải hiểu được nghĩa của từ đó trong văn bản (dựa vào vốn hiểu biết từ, từ điểm, phân tích từ và nhất là phải đặt từ đó trong hoàn cảnh để hiểu) rồi từ mới tìm một từ có ý nghĩa và sắc thái tương đồng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận  - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang bài 2.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Yêu cầu HS đọc bài tập 2 và bài tập 3 xác định yêu cầu của bài tập**  - GV phát phiếu học tập cho học sinh và hướng dẫn học sinh hoàn thành bài tập bằng kĩ thật mảnh ghép  Gv yêu cầu chia lớp thành 4 nhóm  Nhóm 1,2,3,4 và giao nhiệm vụ  **- Vòng chuyên gia: (3’)**  + Nhóm 1 làm ý 1 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi thấy chim đến ăn khế theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 3 làm ý 2 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi chuẩn bị theo chim ra đảo theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 4 làm ý 3 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lên lưng chim theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 4 làm ý 4 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lấy vàng bạc trên đảo theo mẫu phiếu học tập.  **- Vòng mảnh ghép** (Các nhóm tạo ra 4 nhóm mới) GV giao nhiệm vụ:  + Trao đổi nội dung đã thảo luận ở vòng trước  + Thông qua các từ ngữ em hiểu gì về tính cách của vợ chồng người em, người anh và thái độ của nguời kể qua hai bài tập trên?  Gv có thể gợi ý cho học sinh tra cứu, suy nghĩa và giải thích những động từ cụm động từ nhất là những cụm động từ khó như tót, cuống quýt, mê mẫn tinh thần, nghe lời chim...để suy ra đặc điểm về hành động tính cách của nhân vật và thái độ của người kể truyện đối với nhân vật đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận  - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - GV Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức: Sắc thái ý nghĩa của từ ngữ có ý nghĩa quan trọng việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng  - Chuyển dẫn sang nội dung 2. | | ***I. Nghĩa của từ***  ***Bài tập 1/41***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | ***Ý nghĩa*** | ***Từ thay thế*** | | (xanh) mơn mởn | xanh non và tươi tốt. | Non tươi | | lúc lỉu | (trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành | Trĩu trịt | | ròng rã | (thời gian) kéo dài liên tục | Đằng đẵng | | vợi hẳn | Giảm đi (bớt đi đáng kể | Ít hẳn , bớt hẳn, giảm hẳn |   ***Bài tập 2,3/41,42***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng**  **ngườiem** | | **Vợ chồng**  **người anh** | | | **Động từ**  **Cụm động từ** | **Đặc điểm** | **Động từ**  **Cụm động từ** | **Đặc điểm** | | **Khi thấy chim đến ăn khế** | đợi (cho chim ăn xong), đứng đợi (chim ăn) | Từ tốn, cẩn thận | ăn và chờ (ngày chim đến), hớt hải chạy, tru tréo | Tham lam, nôn nóng, tính oán | | **Chuẩn bị theo chim ra đảo** | may một túi  (theo đúng lời chim) | Từ tốn, biết điểm dừng | Cuống quýt bàn cãi  (về việc may túi, định may nhiều túi) | ham lam, nôn nóng | | **Lên lưng chim ra đảo** | trèo lên lưng | Ôn tồn, bình tĩnh | (chồng) tót lên, (vợ) vái lấy vái để | vội vàng, sỗ sàng, thô lỗ | | **Lấy vàng bạc trên đảo** | Không dám vào, chỉ dám nhặt ít | Cẩn trọng, từ tốn, không tham lam | hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm, cố nhặt, lê mãi | Tham lam vô độ, mất hết lí trí | |
| **Nhiệm vụ 2: BIỆN PHÁP TU TỪ** | | |
| **a.Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ  **b.Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d.Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của từng bài tập 4, 5/42  - GV chuyển giao nhiệm vụ yêu cầu học sinh suy nghĩ cá nhân sau đó trao đổi với bạn bên cạnh (thảo luận theo từng cặp)  ***? Em có nhận xét gì về điểm nổi bật của từ ngữ trong hai câu trên? Việc dùng từ ngữ một cách đặc biệt như có tác dụng gì?***  ***? Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ như bài tập 4?***  GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - Thảo luận với bạn về kết quả làm được  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***II. Biện pháp tu từ***  ***Bài tập 3/42***  **a)** **ăn mãi, ăn mãi**  - Biện pháp tu từ: điệp từ.  - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “ăn”, “ăn mãi, ăn mãi” là ăn rất lâu, rất nhiều những không bao giờ hết bên cạnh đó biện pháp còn góp phần nhấn mạnh sự thần kì và ý nghĩa tượng trưng của niêu cơm thần.  **b)**  bay mãi, bay mãi; hết...đến.., hết...đến..  - Biện pháp tu từ: điệp ngữ.  - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “bay”, “ bay mãi, bay mãi” là bay rất lâu rất xa; ý “rất xa” còn được nhấn mạnh thêm ở điệp ngữ “hết ...đến ..., hết ... đến ...” thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua.  ***Bài 4***:  - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai 🡪 GV giúp HS sửa lại). | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS yêu cầu học sinh thảo luận trong vòng 3 phút:  Hãy cho biết nghĩa nào của từ chín được dùng trong các câu sau bằng cách nối hai cột với nhau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nghĩa của từ “chín”** |  | **Câu có sử dụng từ “chín”** | | (1) (Quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương vị thơm ngon, trái với xanh | a. Trước khi quyết định, anh phải suy nghĩ cho chín. | | (2) (Thức ăn) được nấu đến mức ăn được, trái với sống | b. Anh ấy ngượng chín cả mặt | | (3) (Sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả | c. Cơm sắp chín, con có thể dọn cơm được rồi. | | (4) (Màu da mặt) đỏ ửng lên | d. Gò má em bé chín như quả bồ quân. | |  | e. Vườn cam chín đỏ cả một khoảng sân |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS thảo luận  **HS** thảo luận theo yêu cầu nhiệm vụ được giao  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  (1)-e; (2)-c; (3)- a; (4)-d,  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm -> chốt kết quả bài tập. | **III. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy viết một đoạn văn ghi lại suy nghĩ của em về nhận vật người em trong câu chuyện “Cây khế” và trong đoạn văn đó sủ dụng biện pháp tư từ điệp ngữ?  Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp, hoặc nộp vở trong tiết học sau.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài |  |

Ngày soạn: 23/2/

Ngày dạy: 26/2/24(6c,6d)

**Tiết 93**

**Văn bản (3): VUA CHÍCH CHÒE**

**(Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**\*** Năng lực chung: Năng lực cảm thụ, nghe, đọc, tư duy, tự lập, hợp tác...

**2.Phẩm chất:** Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV. Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm và văn bản “Vua chích chòe”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

1. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
3. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*? Hãy kể tên một số câu chuyện cổ tích mà em đã được học và đọc?*

*? Trong những câu chuyện đó những nhân vật mắc lỗi hay có tính cách không tốt thường có kết thúc như thế nào?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đã dặn tìm hiểu ở nhà.  ***? Nêu những hiểu biết của em về Truyện cổ tích Gờ-rim?***  (GV gợi ý: thể giới cổ tích có gì đặc biệt, nhân vật thường là ai và mục đích của những câu chuyện ấy là gì?) | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  ***1. Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)***  **-** Là truyện kể gia đình cho trẻ em là một tập hợp các [truyện cổ tích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_c%E1%BB%95_t%C3%ADch) tiếng [Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%A9c) lần đầu tiên được xuất bản năm 1812 bởi [Anh em nhà Grimm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Anh_em_nh%C3%A0_Grimm), [Jacob](https://vi.wikipedia.org/wiki/Jacob_Grimm) và [Wilhelm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Wilhelm_Grimm).  - [UNESCO](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c,_Khoa_h%E1%BB%8Dc_v%C3%A0_V%C4%83n_h%C3%B3a_Li%C3%AAn_Hi%E1%BB%87p_Qu%E1%BB%91c) chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn, giao nhiệm vụ:  ***? Truyện “Vua chích chòe” thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?***  ***? Truyện sử dụng ngôi kể nào?Việc sử dụng ngôi kể như vậy có gì đặc biệt?***  ***? Câu chuyện trên được kể theo trình tự nào và sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?***  ***? Trong truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?***  - GV Tổ chức học sinh thảo luận nhóm theo bàn và chuyển giao nhiệm vụ:  ***? Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí.***  ***? Kể tóm tắt lại câu chuyện “Vua chính chòe” theo những sự việc được sắp xếp?***  Gv giao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩa và trả lời:  ***? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?***  ***? Em có nhận xét gì về phần mở đầu và kết thúc của câu chuyện trên?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  - Học sinh tự suy nghĩ và trả lời  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  Trình bày suy nghĩ cá nhân  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau | **2. Tác phẩm**  - Đọc và tìm hiểu chú thích  - Thể loại: truyện cổ tích  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Kể theo trình tự thời gian  - PTBD: Tự sự.  - Các sự việc chính  + Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.  + Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã.  + Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện kiến.  + Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà.  + Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rừng, thảo nguyên, thành phố của vua.  + Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp.  + Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua.  + Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau.   * Bố cục: 3 phần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về xuất thân, ngoại hình, hành động, lời nói suy nghĩ và ngôn ngữ của nhân vật truyện  - Đánh giá tính cách của nhân vật và bài học rút ra.  **-**Ý nghĩa của việc trừng phạt và những thử thách  - Nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  c.**Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d.Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của GV-HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 6 nhóm thực hiện kĩ thuật mảnh ghép  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4,5,6  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ yêu cầu các em hoàn thành.  ? Tìm hiểu về nhân vật Công chúa.   |  |  | | --- | --- | | Nội dung | Chi tiết | | Xuất thân |  | | Ngoại hình |  | | Lời nói và hành động |  | | Tính cách |  | | Thử thách phải trải qua |  |   **Vòng 1: Chuyên gia** GV giao nhiệm vụ  Nhóm 1, 3, 5 sẽ tìm hiểu nhân vật công chúa, nhóm 2,4, 6 sẽ tìm hiểu nhân vật vua chích chòe  bằng cách hoàn thành phần phiếu học tập được giao.  **Vòng 2: Mảnh ghép** từ 6 nhóm tạo thành 6 nhóm mới và chia sè nội dung đã trao đổi ở vòng 1 và giao nhiệm vụ  ? Trao đổi với nhau về kết quả đã thảo luận ở vòng 1.  ? Em đánh giá như thế nào về nhân vật này sau nội dung thảo luận?  **B 2 Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  \* ***Vòng 1*** Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. | **1. Nhân vật Công chúa**  - **Xuất thân:** Công chúa, con gái duy nhất của một nhà vua. → Cao quý, được cưng chiều.  - **Hình dáng:** Xinh đẹp tuyệt trần.  - **Lời nói, hành động:** Từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ.  - **Tính cách:** Kiêu ngạo và ngông cuồng  -**Kiểu nhân vật:** Kiểu nhân có tính tình không tốt hoặc mắc lỗi sai  **- Những thử thách:**  + trở thành thường dân ra khỏi cung.  + Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ.  + Dậy sớm nhóm bếp, náu ăn, đan sọt, dệt sợi, bán sành sứ, phụ bếp | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV giáo nhiệm vụ học sinh suy nghĩa cá nhân và thảo luận theo bàn trong 5’  ***? Tìm hiểu về nhân vật Vua chích chòe theo nội dung sau:***   |  |  | | --- | --- | | Nội dung | Chi tiết | | Xuất thân |  | | Ngoại hình |  | | Lời nói và hành động |  | | Tính cách |  | | Hình phạt đối với công chúa |  |   ***? Nhận xét về nhân vật vua chích chòe?***  ***? Kể những câu chuyện cổ tích khi nhận vật chính mắc sai lầm nên phải chịu trừng phạt và thử thách?***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, mở rộng & chuyển dẫn sang mục khác | | **2. Nhân vật Vua chích chòe**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Vua chính chòe** | | **Xuất thân** | Vua một nước | | **Ngoại hình** | Giống chim chích chòe | | **Lời nói, hành động** | Giả làm người ăn mày, tạo ra các thử thách | | **Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích** | Nhân vật người ra thử thách, người giả mạo | | **Đánh giá về tính cách của nhân vật** | ->Thông minh, kiên nhẫn, điềm tĩnh |   - Nhà vua quá tức giận nên đã gả công chúa cho người ăn mày  -> Hình phạt nặng nề để trừng trị con gái.  => trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng, thể hiện tình yêu , giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai.  => mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV giao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩa và trả lời cá nhân  ***? Câu chuyện kết thúc như thế nào?***  ***? Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao?***  ***? Em có nhận xét gì về kết thúc này?***  **Sử dụng kĩ thuật 635 (kĩ thuật XYZ)**  **Vấn đề bàn luận:**  ***? Qua câu em thấy tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Thảo luận nhóm và ghi lại kết quả  - Thực hiên kĩ thuật **634 (kĩ thuật XYZ)**   * Mỗi nhóm 6 ng­ười, mỗi ng­ười viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 4 phút về cách giải quyết vấn đề và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh; * Tiếp tục như­ vậy cho đến khi tất cả mọi ng­ười đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác trong thời gian 4 phút   **GV:** Hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  . | | **3.Kết thúc và bài học rút ra**  - Kết thúc có hậu: công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sữa lỗi và kết hôn với vua chích chòe.  - Câu “ tôi tin...lễ cưới”-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu.  => Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài.  - Bài học: khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng, nhạo báng người khác, phải biết tôn trọng và sống hòa nhã, phải cố gắng hoàn thiện bản thân và thay đổi mình phù hợp với hoàn cảnh, biết nhận ra sai lầm và sửa lỗi. |
| ***? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?***  ***? Nội dung chính của văn bản “Vua chích chòe”?***  ***?Trong nhiều chuyện kể, chủ đề chính của truyện chính là bài học cuộc sống mà nhân vật nhận ra từ câu chuyện của cuộc đời mình. Theo em chủ đề của truyện này là gì?***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  -  **2. Nội dung**  *-*  **3. Chủ đề của Truyện**  - Chủ đề chính của truyện là thói kiêu căng, ngông cuồng sẽ nhận được những bài học thích đáng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:* | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:**Giúp HS  - Viết được đoạn văn kể tóm tắt một câu chuyện có nội dung về kiểu nhân vật như công chúa mà em đã từng đọc trong sách, trên internet hay nghe người khác kể. (Có thể là truyện cổ tích hoặc một câu chuyện trong đời sống)  - Sử dụng ngôi kể thứ ba.  - Lời kể là lời của học sinh.  **b) Nội dung:**HS viết đoạn văn  **c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
|  |  |

Ngày soạn: 26/2/24

Ngày dạy:29,1/3//)(6c,6d)

**Tiết 94, 95, 96: VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng

- Năng lực tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

**\*** Năng lực chung

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Về phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học, SGK, SGV. Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp. Phiếu học tập.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức hoạt động này thành phần thi khởi động cho cuộc đua “Đường lên đỉnh Olympia”. HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

*-* GV: Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu HS hoạt động nhóm tìm câu trả lời cho các câu hỏi trắc nghiệm sau trong vòng 1 phút.

*\* Luật chơi:* GV đọc nhanh các câu hỏi và các đáp án trắc nghiệm để HS theo dõi trong vòng 1 phút. HS làm việc nhóm, ghi lại kết quả của nhóm mình vào bảng phụ nhóm. Sau khi GV đọc xong đề nghị HS đưa ngay bảng của nhóm lên. Mỗi câu trả lời đúng được cộng 10 điểm. Điểm tối đa là 50 điểm.

|  |
| --- |
| ***Hệ thống câu hỏi*** |
| Câu 1: Các em đã học những văn bản truyện cổ tích nào trong chương trình Ngữ văn 6 tập 2?  A. Thạch Sanh B. Cây khế  C. Vua chích choè **D. Cả ba đáp án trên** |
| Câu 2: Các truyện cổ tích vừa học được kể theo ngôi kể thứ mấy?  A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2  **C. Ngôi thứ 3** D. Ngôi thứ 4 |
| Câu 3: Theo em nhân vật trong truyện cổ tích có thể tự kể về cuộc đời, sự kiện trong đời mình không?  **A. Có** B. Không |
| Câu 4: Em thấy kiểu kể chuyện trên có gì độc đáo, thú vị?  **A. Nhân vật trực tiếp kể lại và bộc lộ cảm xúc của mình qua các sự việc, làm cho câu** **chuyện trở lên sinh động, hấp dẫn hơn.**  B. Người kể giấu mình, giấu đi cảm xúc của mình.  C. Người kể đóng vai trò người chứng kiến kể lại câu chuyện nhưng bản thân thì giấu mình. |
| Câu 5: Nếu được chọn, em sẽ chọn văn bản nào để đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích?  A. Thạch Sanh B. Cây khế C. Vua chích choè |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH** | |
| **Mục tiêu:**HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi của phần thi “Vượt chướng ngại vật” | |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Sản phẩm dự kiến*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm:  ***Luật chơi:***Có 8 từ hàng ngang, cũng chính là 8 gợi ý để các nhóm tìm ra một chướng ngại vật của cô. Mỗi nhóm sẽ có hai lượt lựa chọn từ hàng ngang. Thời gian suy nghĩ: 15 giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng. Trả lời đúng được 10 điểm, nếu chọn từ hàng ngang thì được thêm 10 điểm nữa.  Các nhóm có thể giơ tay trả lời chướng ngại vật bất cứ lúc nào. Trả lời đúng chướng ngại vật trước khi bắt đầu từ hàng ngang thứ 3 được 80 điểm, trước gợi ý cuối cùng được 40 điểm, sau gợi ý cuối cùng thì chỉ được 20 điểm. Trả lời sai chướng ngại vật, thí sinh sẽ bị loại khỏi phần chơi này.  Điểm tối đa cho 1 thí sinh trong phần thi này là 140 điểm, nếu trả lời đúng cả 8 từ hàng ngang và trả lời đúng trước gợi ý cuối cùng.  1. Hàng ngang thứ nhất gồm 4 chữ cái: Đây là từ Hán Việt chỉ số 1? **(Nhất)**  2. Hàng ngang thứ hai gồm 7 chữ cái: Đây là từ chỉ hoạt động tạo ra bất cứ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi? **(Sáng tạo)**  3. Hàng ngang thứ ba gồm 11 chữ cái: Đây là từ trái nghĩa với từ “sai lạc”? **(Không sai lạc)**  4. Hàng ngang thứ tư gồm 5 chữ cái: Đây là từ chỉ sự phù hợp, hợp lí, đúng trình tự? **(logic)**  5. Hàng ngang thứ năm gồm 4 chữ cái: Đây là yếu tố nghệ thuật luôn xuất hiện trong truyện cổ tích? **(Kì ảo)**  6. Hàng ngang thứ sáu gồm 6 chữ cái: Đây là phương thức biểu đạt dùng để tái hiện lại hình ảnh của nhân vật hoặc sự kiện? **(Miêu tả**)  7. Hàng ngang thứ bảy gồm 7 chữ cái: Đây là PTBĐ dùng để bộc lộ cảm xúc của nhân vật, người kể chuyện...? **(Biểu cảm)**  8. Hàng ngang thứ tám gồm 8 chữ cái: Đây là câu chuyện nào? **(Thạch Sanh)**  (GV cho chạy hàng loạt hình ảnh trong 1 phút)  ***? Từ đây em rút ra những yêu cầu gì khi làm bài văn đóng vai nhân vật kế lại truyện cổ tích?***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng/ Chiếu Slide. | ***1. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.***  - Đóng vai một nhân vật trong truyện để kể lại câu chuyện từ ngôi thứ nhất.  - Kể một cách sáng tạo, phát huy trí tưởng tượng: Vừa căn cứ trên truyện gốc vừa có những yếu tố mới (Nhưng không làm sai lạc nội dung chính vốn có).  - Có trình tự hợp lí, logic, có các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.  - Thêm một số yếu tố miêu tả, biểu cảm từ nhân vật kể chuyện. |

N

S

T

Ấ

H

Ạ

T

G

N

H

O

Á

Ạ

L

I

A

S

G

N

Ô

C

K

C

I

G

O

L

K

Ì

Ả

O

Ả

T

U

Ê

I

M

B

I

Ể

U

C

Ả

M

T

H

Ạ

C

H

S

A

N

H

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | |
| **Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.  **Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi bằng việc tham gia vòng “Tăng tốc” | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm:  Luật chơi: Có 4 câu hỏi tư duy logic với thời gian suy nghĩ 30 giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng, viết xong hô Bingo để GV biết nhóm nào trả lời xong đầu tiên.  + Trả lời đúng và nhanh nhất được 40 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ hai được 30 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ ba được 20 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ tư được 10 điểm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV đọc hệ thống câu hỏi sau:  1. Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi” hay “mình”?  2. Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn, ... có thu hút người đọc không?  3. Sắp xếp các ảnh sao cho đúng thứ tự các sự việc mà bài viết sử dụng:  - I – E – G – H – B – F – C – D – A – M – L - K  4. Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào?  (Đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của người kể chuyện)  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng/ Chiếu Slide. | ***2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo***  **Văn bản: Nhập vai nhân vật kể lạỉ một phần truyện Thạch Sanh**  + Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là Thạch Sanh.  + Người kể xưng “ta” phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước.  + Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi…thu hút người đọc  + Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.  + Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;...  + Cách kết thúc truyện: nêu lí do kết thúc, tóm lược các sự kiện tiếp theo, nêu bài học tâm đắc. | |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | |
| **Mục đích:** Nắm được cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.  **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi phần thi “Về đích”. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân  Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em    - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng. | | ***3. Các bước tiến hành***  **3. 1. Trước khi viết**  *a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng*:  - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.  - Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.  *b. Chọn lời kể phù hợp*:  - Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.  - Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.  *c. những nội dung chính của câu chuyện*  - Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.  - Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.  - Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhơ và kể lại.  *d. Lập dàn ý*  \* Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.  \* Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện:  - Xuất thân của các nhân vật.  - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.  - Diễn biến chính:  + SV1: + SV2: + SV3:  \* Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu:** Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**Nội dung:** Sử dụng phiếu học tập đã làm ở hoạt động trên viết thành bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Sản phẩm*** |
| ***\*******Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV *yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài văn theo các ý đã lập.  - HS:Tiếp nhận  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thực hành viết bài văn  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  ***\* Báo cáo kết quả***  - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe Hs trình bày.  ***\*Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + HS đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide. | **3.2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể.  - Kể lại câu chuyện:  + Dựa vào truyện gốc: nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ...  + Có thể sáng tạo: chi tiết hoá những chi tiết còn chung chung; gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; tăng thêm miêu tả, bình luận, liên tưởng... |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**Mục tiêu:** Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**Nội dung***:* GV tổ chức cho HS chỉnh sửa bài viết của bạn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chức thực hiện*** | ***Sản phẩm*** |
| ***HDHS***  ***\*******Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS:  + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS  + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:  - HS:Tiếp nhận  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai.  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide. | **3.3. Chỉnh sửa bài viết**  - Ngôi kể thứ nhất  - Người kể chuyện đóng vai nhân vật.  - Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm không thoát li khỏi truyện.  - Có sắp xếp hợp lí các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần.  - Có bổ sung thêm các yếu tố miêu tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật. |

Ngày soạn:1/3/24

Ngày dạy:4/3/(6D) 5/3(6D)

**Tiết 97: NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích

- Năng lực nói (kể) được về một câu chuyện cổ tích

- Năng lực nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài nhập vai kể lại một câu chuyện cổ tích

**\*** Năng lực chung: Năng lực nói, nghe, kể,tự giác, tự tin,hợp tác, tư duy...

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ đọc, tìm hiểu truyện cổ tích dân gian

- Trân trọng và có trách nhiệm lưu truyền giá trị của truyện cổ tích đối với đời sống con người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**-** GV đạt câu hỏi, HS lắng nghe câu hỏi của GV

**-**  HS trả lời câu hỏi của GV.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| a. **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người ngheh  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b. **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em sẽ nói về nội dung gì? Hãy đánh dấu vào những từ ngữ, những câu quan trọng  ? Để có một bài nói tốt em cần luyện tập ở nhà như thế nào và cần lưu ý những điều gì?  GV chia nhóm đôi thực hành nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - HS thực hiện tập nói  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | | | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Đọc lại ( nhiều lần) bài viết. Đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua.  **2. Tập luyện**  - Nói một mình trước gương, nói cho người thân nghe  - Tập nói trước nhóm/tổ. |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung yêu cầu của bài và biết thể hiện một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói trước lớp  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích, yêu cầu (đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích). Biết lựa chọn những sự việc, chi tiết tiêu biểu.  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Kể to, rõ ràng, truyền cảm. Giọng kể linh hoạt phù hợp.  + Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn. | | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - GV thực hiện chia nhóm, yêu cầu các nhóm đánh giá bài nói theo tiêu chí:  GV có thể hỏi HS:  ? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì trong bài nói đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | **III. Sau khi nói**  - Nhận xét dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chiếu phiếu học tập * Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin về các đặc điểm của truyện cổ tích  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** | | 1 | Chủ đề |  | | 2 | Nhân vật |  | | 3 | Cốt truyện |  | | 4 | Lời kể |  | | 5 | Yếu tố kì ảo |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn HS cách làm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…  **B4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét bài làm của HS và chiếu kết quả để HS sửa chữa, bổ sung bài làm của mình ( nếu cần) | **IV. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức nội dung của bài học  - Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác  **b) Nội dung:**  - GV ra bài tập  - HS làm bài tập  **c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Hãy thử phác họa “Thế giới cổ tích” như em biết bằng một đoạn văn  khoảng 5- 7 câu có sử dụng biện pháp điệp ngữ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho văn bản “Vua chích chòe”. |  |

Ngày soạn:3/3/2024

Ngày dạy:7/3/2024( 6D) 8/3(6C)

**Tiết 98 ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp

**2. Phẩm chất:**

Giúp học sinh tự hào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và yêu thích thể loại truyện dân gian.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**+ Phương tiện dạy học**

- Máy tính/ điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.

- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

**+ Hình thức tổ chức dạy học**

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi, thảo luận,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**\*HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b) Nội dung:** GV chiếu cho HS xem 1 đoạn phim ngắn về liên quan đến 2 chủ đề đã học ở bài 6, bài 7 hoặc đưa ra những câu hỏi gợi mở vấn đề liên quan đến hai vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (Có thể thực hiện bằng nhiều hình thức)**  Cách 1: GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Qua các tiết học bài 6, bài 7, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?*  Cách 2: GV chiếu cho HS xem 1 đoạn phim ngắn về liên quan đến 2 chủ đề đã học ở bài 6, bài 7.  Gv đặt câu hỏi: Cảm nhận của em về đoạn phim vừa xem? ( Nhân vật nào? Thể loại nào? Chủ đề gì?)  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe, xem và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *+ GV dẫn dắt:* Trong bài 6 và bài 7, chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. Thế giới ấy thật phong phú, đa dạng và hấp dẫn. Nó không chỉ dừng lại ở trong trang sách mà chúng ta đã được học. Mà nó còn là một kho tàng vô giá, bất tận mà chúng ta chưa thể khám phá hết. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta từng bước khám phá thêm thế giới kì diệu đó thông qua tiết: Đọc mở rộng. | - HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được hoặc chia sẻ suy nghĩ về đoạn phim ngắn |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Nhiệm vụ 1: Trao đổi kết quả tự đọc**

1. **Mục tiêu:**

- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.

- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhắc lại các đặc điểm của VB truyền thuyết, cổ tích.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để trao đổi về kết quả tìm hiểu, khám phá những truyền thuyết, truyện cổ tích mà các em đã đọc.  - Yêu cầu HS dùng kỉ thuật khăn phủ bàn thảo luận nhóm thực hiện trò chơi: Ai nhanh hơn, ai giỏi hơn?  Chia lớp thành 2 nhóm (2 đội chơi) hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Tên văn bản | Thể loại | Chủ đề | Nhân vật | Ngôi kể | Yếu tố kì ảo | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  |  |   - HS trao đổi với nhau về những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích đó, tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại kiến thức.  + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách với nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc các thể loại cùng hoặc khác chủ đề. (Các đường link, các cuộc truyện, các bộ phim liên quan…) | **I.Khám phá thế giới truyền thuyết, cổ tích:** |

**Nhiệm vụ 2: Kể chuyện truyền thuyết cổ tích:**

1. **Mục tiêu:**

- HS kể cho thấy cô và các bạn nghe một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà mình thích.

- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.

- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chắt lọc kiến thức để tiến hành kể chuyện.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và kể câu chuyện em thích nhất cho cả lớp nghe ( Miệng, kể bằng hình ảnh, sân khấu hóa…)  - HS lắng nghe thực hiện.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến câu chuyện vừa kể.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt. | **II. Kể chuyện truyền thuyết và cổ tích:** |

**Nhiệm vụ 3: Nhận xét hoạt động đọc**

**a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm về cách đọc, kể về truyện truyền thuyết, cổ tích.

**b. Nội dung:** HS tiếp thu, điều chỉnh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng khi đọc và kể thể loại truyền thuyết, cổ tích.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. | **3. Nhận xét, rút kinh nghiệm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Biết cách đọc một văn bản truyền thuyết và cổ tích.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc, kể một văn bản truyền thuyết và cổ tích? | **II. Luyện tập.** |
|  | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân. ( Hướng dẫn học ở nhà)  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |  |

Ngày soạn: 4/03/ 24

Ngày dạy: 8/03/(6c) 9/3(6D)

**TIẾT 99: TRẢ BÀI VĂN**

**ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Nhận biết được cấu trúc, các bước làm bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, đọc các truyện cổ tích, nhớ được cốt truyện, các sự việc chính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực tạo lập văn bản, sáng tạo các chi tiết truyện.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết thuyết minh về một sự kiện.

**3. Phẩm chất:**

- *Nhân ái:*  HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, trân trọng cuộc sống đang có

*- Trách nhiệm:*  Yêu mến và ngợi ca cái tốt, lên án cái xấu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, giấy kiểm tra.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. Tiến trình dạy học.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1- KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: giao đề, làm bài.

c) Sản phẩm học tập: bài viết của học sinh.

d) Tổ chức hoạt động:

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**\* Nhận xét, chữa bài**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các phần của bài viết | Nội dung kiểm tra | Đạt/ Chưa đạt |
| Mở bài | Giới thiệu tên nhân vật em định đóng vai |  |
| Nêu lý do em muốn kể lại truyện |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để kể |  |
| Thân bài | Giới thiệu xuất thân của nhân vật |  |
| Nêu được hoàn cảnh diễn ra câu chuyện |  |
| Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc |  |
| Các sự việc được kể theo trình tự thời gian |  |
| Có sự kết nối giữa các phần |  |
| Có yếu tố miêu tả để tả người, tả vật; yếu tố biểu cảm để thể hiện cảm xúc của nhân vật |  |
| Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc |  |
| Có sự nhất quán trong ngôi kể |  |
| Đảm bảo chính tả và diễn đạt |  |
| Kết bài | Nêu được kết thúc truyện |  |
| Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện |  |

\* Trả bài

\* Kết luận, đánh giá.

\*Hướng dẫn về nhà:

* Học kĩ bài đã học
* Chuẩn bị bài sau: Bài 8 ( Tri thức ngữ văn).

Rút kinh nghiệm

**Tổ chuyên môn BGH duyệt**

Ngày soạn:14/3/

Ngày dạy:15, 16/3/(6c.6d)

**TIẾT 100, 101: Văn bản 1**

**XEM NGƯỜI TA KÌA!**

**– *Lạc Thanh* –**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

Năng lực nhận biết, phân tích một số đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; chỉ ra được mối liên hệ giữa các yếu tố nghị luận.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2.Phẩm chất**

Ý thức được ý nghĩa quan trọng của văn nghị luận để học tập nghiêm túc hơn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Theo em giữa em với bạn ngồi bên cạnh có điểm gì gần gũi và khác biệt nhau? Tại sao lại có sự khác biệt và gần gũi đó? Sự khác biệt và gần gũi như vậy có ý nghĩa gì?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu: Bài học này gồm hai nội dung:  + Thứ nhất, các văn bản được chọn đều gắn với chủ đề bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.  + Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm về loại văn bản nghị luận. Đó là loại văn bản tập trung bàn bạc về một vấn đề nào đó. Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học** |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về văn nghị luận, các yếu tố cơ bản (lí lẽ, bằng chứng) trong văn nghị luận.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  -GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm với các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  *+ Vì sao em đi học?*  *+ Tại sao em cần phải hiếu thảo với cha mẹ?*  *+ Để trả lời các câu hỏi trên em cần làm như thế nào?*  *+ Theo em, những yếu tố cơ bản nào cần phải có trong văn bản nghị luận?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng.  **GV bổ sung:**  ***Khái niệm văn bản nghị luận:*** Văn bản nghị luận là loại văn bản có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình.  ***Lí lẽ trong văn bản nghị luận:*** Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/ nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gợi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, phổ biến, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí. Không chấp nhận những lí lẽ chủ quan, áp đặt.  ***Bằng chứng trong văn bản nghị luận:*** Bên cạnh lí lẽ, văn bản nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục. | | ***II. Khám phá tri thức***  ***1. Văn bản nghị luận***  - Văn bản nghị luận là văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  ***2. Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận***  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Lựa chọn một văn bản nghị luận mà em yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận: Lí lẽ trong văn nghị luận, bằng chứng trong văn nghị luận.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Tìm một số tình huống trong đời sống cần vận dụng văn nghị luận?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | |  |

Ngày soạn:13/3/

Ngày dạy:16/3/

**TIẾT 102: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

- Năng lực nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong văn bản và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**\*** Năng lực chung: Năng lực sử dụng từ, tư duy, hợp tác, tự lập...

**2.Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**A, Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về trạng ngữ?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **GV dẫn dắt:** Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung đầy đủ ý nghĩa cho câu và văn bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu. | - HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng) |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trạng ngữ** | |
| **a)Mục tiêu**: HS  - Củng cố kiến thức về trạng ngữ  - Chỉ ra trạng ngữ và cho biết chức năng của trạng ngữ.  - Nắm được giá trị biểu đạt của trạng ngữ.  -Thêm trạng ngữ vào câu theo đúng yêu cầu.  **b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời, Kĩ thuật KWL  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Ôn tập lý thuyết.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu KWL ở tiết trước.  - Yêu cầu thực hiện ở nhà phần K, W vào vở học ở nhà: HS nhắc lại các kiến thức đã học về trạng ngữ (Đặc điểm, vị trí và chức năng của trạng ngữ )  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS**: Nhắc lại các yêu cầu trên phiếu và hoàn thiện.  - **GV:** Hướng dẫn HS hoàn thiện phiếu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày cột K, W.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu.  - Chuyển dẫn sang luyện tập.  **Bài tập 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu phiếu học tập  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ sgk  - Nêu yêu cầu  - Phát phiếu học tập  ?Xác định trạng ngữ và chức năng của trạng ngữ ở mỗi ví dụ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Thảo luận cặp đôi: Xác định trạng ngữ và chức năng của chúng vào phiếu học tập.  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu.  - Chuyển dẫn sang bài 2.  **Bài tập 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các ví dụ  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ  - Chia nhóm lớp & nêu yêu cầu  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Làm việc nhóm  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  - Trả lời câu hỏi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Hỏi HS: Qua bài tập trên, ngoài các chức năng đã học em thấy trạng ngữ còn có chức năng gì?  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu: Thêm chức năng *liên kết với câu trước đó* của trạng ngữ qua phiếu KWL  - Chuyển dẫn sang bài tập 3.  **Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các ví dụ  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ  - Nêu yêu cầu và phát phiếu học tập  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Làm việc cá nhân  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu.  - Chuyển dẫn sang mục tiếp theo | 1. **Trạng ngữ:**   **a, Ôn tập lý thuyết:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **(Những điều em đã biết)** | **W**  **(Những điều em muốn biết thêm)** | **L**  **(Những điều em đã học được)** | | **Em đã biết gì về:** Đặc điểm, vị trí trạng ngữ trong câu? Nêu các chức năng của trạng ngữ mà em đã học? | **Em muốn biết thêm gì về:** Đặc điểm, vị trí trạng ngữ trong câu cũng như các chức năng của trạng ngữ mà em đã học? |  |   **b, Luyện tập:**  ***Bài tập 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Chức năng** | | A | Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ | Nêu thông tin về thời gian | | B | Giờ đây | Nêu thông tin về thời gian | | C | Dù có ý định tốt đẹp | Nêu thông tin về điều kiện |   ***Bài tập 2***  a.Nếu lược bỏ trạng ngữ “Cùng với câu này”, thông tin trong câu mang tính chất chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu lược bỏ trạng ngữ “trên đời”, câu sẽ mất đi tính phổ quát, điều muốn nhấn mạnh trong câu không còn nữa.  c. Nếu lược bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm” , người đọc sẽ không biết được điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.  ***Bài tập 3:***   1. Hoa đã bắt đầu nở.   TN chỉ thời gian: **Đầu tháng Giêng**, hoa đã bắt đầu nở.  TN chỉ địa điểm: **Trong công viên**, hoa đã bắt đầu nở.  TN chỉ nguyên nhân: **Nhờ thời tiết ấm lên**, hoa đã bắt đầu nở.   1. **Nghỉ hè,** bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước. 2. **Mỗi khi đi công tác**, mẹ rất lo lắng cho tôi |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghĩa của từ ngữ** | |
| **a)Mục tiêu**:  HS hiểu được nghĩa của một số thành ngữ  **b)Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân, thảo luận và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời và bài làm của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bài tập 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Cho HS trao đổi cặp đôi  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS trao đổi cặp đôi  - GV hướng dẫn HS làm bài  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu, chuyển dẫn sang bài 5  **Bài tập 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu, chuyển dẫn sang mục sau. | ***2)Thành ngữ***  ***Bài 4***:  a. *Chung sức chung lòng*: đoàn kết, nhất trí.  b. *Mười phân vẹn mười*: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.  ***Bài 5***:  a. thua chị kém em: thua kém mọi người nói chung.  b.mỗi người một vẻ: mỗi người có những điểm riêng khác biệt, không ai giống ai.  c.nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, một cách tai quái, quá mức bình thường. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Bài tập 1: Viết đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Cái riêng của bản thân em rất đáng tự hào.* Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trạng ngữ. (Gạch chân trạng ngữ)  Gợi ý:  - Em tự hào về nét riêng nào của bản thân?  - Vì sao em tự hào về nét riêng đó?  - Dùng câu *Cái riêng của bản thân em rất đáng tự hào* làm câu chủ đề.  - Có sử dụng trạng ngữ, gạch chân. | **III. Luyện tập.** |

Ngày soạn: 17/3/24

Ngày dạy: 18/3/ 24(6c) 19(6D)

**Tiết 103. VĂN BẢN 2:**

**HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

**(Giong-mi Mun)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa đoạn trích.

- Năng lực viết bài văn nghị luận kết hợp phương thức tự sự, miêu tả.

**\*** Năng lực riêng: Năng lực cảm thụ, tư duy, sáng tạo, hợp tác, tự lập...

**2. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh; cần tạo nên sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của cá nhân mình

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập:

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị:  *? Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao?*  *? Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt trội?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV dẫn dắt: Lứa tuổi dạy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản. Nắm được thể loại, ngôi kể, PTBĐ, bố cục của văn bản.  **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *?Nêu hiểu biết của em về tác giả?*  - Yêu cầu HS đọc to, diễn cảm văn bản và đặt câu hỏi:  *? Văn bản* ***Hai loại khác biệt*** *có xuất xứ như thế nào?Viết theo thể loại gì?*  *? Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó*  *? Xác định phương thức biểu đạt, ngôi kể, bố cục của văn bản?*  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: *Giong-mi Mun (tác giả VB), quái đản, quái dị,*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2: Tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *? Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*  *? GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình. | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  - Giong-mi Mun  - Quốc tịch: Hàn Quốc.  - Là Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard).  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: *Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*, theo Dương Ngọc Lâm dịch  - Thể loại: Văn bản nghị luận  🡪 VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học…. Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **-** Bố cục:4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>* *ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Mỗi người cần có sự khác biệt  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J  - Đoạn 3: *Tiếp =>* *trong mỗi con người*: Cách để tại nên sự khác biệt  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Nắm được nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật của đoạn trích.  - Xác định được đoạn có tính chất kể chuyện và đoạn có tính chất bàn luận trong văn bản.  **b) Nội dung**  - HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm**: Giấy A0 ghi kết quả làm việc nhóm.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS theo dõi phần I và trả lời câu hỏi:  *?Câu chuyện nhân vật “tôi” kể diễn ra vào thời gian nào? Việc nhân vật tôi kể có tác dụng gì?*  *?Thầy giáo đã ra bài tập gì nhân vật “tôi” và các bạn trong lớp ?Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?*  *? Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc-hiểu văn bản**  ***1. Mỗi người cần có sự khác biệt***  - Kể qua lời nhân vật "tôi" khi ở độ tuổi Trung học. → Tăng tính chân thực, sức thuyết phục.  - Thầy giáo ra một bài tập: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.  - Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.  - Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.  - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, để mỗi HS tự rút ra được ý nghĩa của hoạt động  🡪 cách giáo dục giúp người học chủ động, tích cực nắm bắt vấn đề. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm bàn hoàn thành bàng so sánh, dựa trên các câu hỏi:  *+ Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của đối tượng nào? Đối tượng đó đã thể hiện sự khác biệt ra sao? Điều ấy trái ngược với sự lựa chọn của ai?*  ***+ Việc thể hiện khác nhau của số đông các bạn trong lớp và của J được biểu hiện cụ thể như thế nào?***  *+ Nhân vật “tôi” đã rút ra được kết luận gì từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J? Dựa vào đâu em biết được điều đó?*  *+ Số đông các bạn trong lớp đều chọn “sự khác biệt vô nghĩa”, trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn “sự khác biệt có ý nghĩa. Hiện tượng đó gợi cho em suy nghĩ gì?*  *+ Nhân vật “tôi” tỏ thái độ như thế nào đối với từng sự khác biệt được nói đến trong đoạn trích?*  *+ Theo em, muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?*  *+ Trong văn bản này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều cần bàn trước, sau đó mới đưa ra bằng chứng từ thực tế để chứng minh? Hãy nhận xét về sự lựa chọn cách triển khai này.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Sự khác nhau của hai loại khác biệt***  - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khác biệt**  **vô nghĩa** | **Khác biệt**  **có nghĩa** | | ***Biểu hiện*** | - "Tôi": Đến trường với bộ trang phục kì dị, đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay.  - Các cách thể hiện khác:  + Để kiểu tóc kì quặc.  + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm.  + Tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý.  → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt. | J - khác biệt.  - Đứng lên trả lời câu hỏi.  - Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc, lễ độ.  - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị".  - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng. | | ***Kết quả*** | - Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt.  - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa. | - Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc.  - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý. |   => Khẳng định vấn đề qua một câu chuyện gần gũi.  => **Bài học:** Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,... | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia lớp thành 2 nhóm: Đồng ý/ Phản đối. Các nhóm bốc thăm quan điểm và thảo luận trên giấy A0 đưa ra dẫn chứng cho quan điểm của mình:  + *Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?*  ***+*** *Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **- GV chuẩn kiến thức:**  + Bài viết đúc kết những suy nghĩ của tác giả về một kỉ niệm tuổi học trò. Chỉ những người non trẻ mới tìm cách thể hiện sự khác biệt bằng những trò lố, những hành vi kì quặc, quái đản như thế. Bài học được rút ra từ đó có ý nghĩa thiết thực trước hết với các bạn HS.  + Tuy nhiên, cần lưu ý: tác giả là một người tham gia giảng dạy ở Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt, một trường đại học danh tiếng hàng đẩu của Hoa Kì. Bài này được trích từ cuốn sách *Khác biệt - thoát khỏi bẩy đàn cạnh tranh* của tác giả. Như vậy, theo tác giả, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiếu khi cũng chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có ý nghĩa, trong khi sự khác biệt là phương châm sống, là đòi hỏi bức thiết của mọi người. Vì vậy, bài học được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả có giá trị đối với bất cứ ai. | ***3. Ý nghĩa văn bản***  -Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết.  *-* Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5   |  |  | | --- | --- | | **Nghệ thuật** |  | | **Nội dung** |  | | **Ý nghĩa** |  |   - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Hai loại khác biệt”?*  *? Ý nghĩa của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.  **2. Ý nghĩa**  🡪 khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự, là thứ làm nên cá tính, phong cách, chất riêng của mỗi cá nhân.  **3. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **IV. Luyện tập**  **Đáp án**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **B** | **D** | **A** | **A** | **A** | **C** | **C** | **D** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Từ một câu cho trước *(Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...),* em hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.  - *GV gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ:* Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa? Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Đoạn văn mẫu:**  *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.* |

Ngày soạn:9/3/

Ngày dạy: 11/3

**TIẾT 104: ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.

- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập:

+ Phiếu số 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| *Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng* |  |  |  |
| *Bài 7.Thế giới cổ tích* |  |  |  |
| *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* |  |  |  |

+ Phiếu bài tập số 2:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thể loại/ loại văn bản** | **Văn bản lựa chọn** | **Đặc điểm thể loại/ loại văn bản** |
| **1** | Truyển thuyết |  |  |
| **2** | Truyện cổ tích |  |  |
| **3** | Văn bản nghị luận |  |  |

+ Phiếu bài tập số 3:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cẩu** | **Các buớc thực hiện** | **Để tài nêu thêm** |
| Bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* |  |  |  |  |
| *Bài 7.Thế giới cổ tích* |  |  |  |  |
| *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* |  |  |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Gợi nhắc kiến thức đã học thông qua các trò chơi.  **b) Nội dung**:  **- GV** tổ chức trò chơi khởi động.  - **HS** quan sát và tham gia trò chơi.  **c) Sản phẩm:**HS nêu/trình bày được  - Nhắc lại được tên các bài học.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).  - Ôn tập khái quát tri thức ngữ văn đã được học trong chương trình.  **d) Tổ chứcthực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV** hướng dẫn luật chơi và phân chia đội chơi.  - **HS** lắng nghe và thực hiện yêu cầu của giáo viên.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  - Gv trình chiếu một số hình ảnh liên quan đến các chủ đề đã học và phát phiếu bài tập số 1.  - Các đội chơi sẽ thi xem đội nào kể được nhiều vấn đề đã học có liên quan đến hình ảnh.  - Đội nào kể được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.  **HS:**  **-** Tham gia trò chơi.  **-** Dựa vào hình ảnh để thảo luận và đưa ra đáp án một cách nhanh nhất có thể.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lêntrình bày phiếu bài tập số 1.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  -Trả lời câu hỏi của GV thông qua phiếu bài tập số 1.  - Đại diện báo cáo.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. KIẾN THỨC CƠ BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập được kiến thức đã học trong chương trình ngữ văn 6 tập hai.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS ôn tập và gợi nhắc kiến thức.  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và hoàn thành phiếu bài tập số 2  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** chia lớp thành bốn nhóm. Mỗi nhóm thực hiện một thể loại/ loại văn bản:  + Nhóm 1: Truyền thuyết  + Nhóm 2: Truyện cổ tích  + Nhóm 3: Văn bản nghị luận  + Nhóm 4: Văn bản thông tin  **HS** quan sát SGK, thảo luận nhóm và thực hiện phiếu bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Thể loại/**  **Loại văn bản** | **Văn bản lựa chọn** | **Đặc điểm thể loại/ loại văn bản** | | 1 | Truyền thuyết | *Thánh Gióng* | - Là thể loại văn học dân gian.  - Nội dung: kể và các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ thông qua đó thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật được nhắc đến.  - Nghệ thuật: có yếu tố hoang đường, kì ảo. | | 2 | Truyện cổ tích | *Thạch Sanh* | - Là thể loại văn học dân gian.  - Nội dung: kể về những kiểu nhân vật như:  + Nhân vật bất hạnh  + Nhân vật có tài năng kì lạ  + Nhân vật thông minh/ Nhân vật ngốc nghếch  + Nhân vật là động vật  🡪 Qua đó thể hiện niềm tin và ước mơ của nhân dân về công lí, công bằng xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác…  - Nghệ thuật: có yếu tố hoang đường kì ảo. | | 3 | Văn bản nghị luận | *Xem người ta kìa!* | - Nội dung: văn bản nghị luận thường bàn về một hiện tượng, một vấn đề nhằm khẳng định ý kiến của người viết (người nói) về hiện tượng (vấn đề) đó.  - Nghệ thuật: để có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và xem lại phiếu bài tập số 1 phần nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- GV:**  **+** Yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập số 1 vào vở.  + So sánh mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10.  **- HS** quan sát SGK và thực hiện yêu cầu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **Bài tập 3:**  **\* Hoàn thành bảng**   |  |  | | --- | --- | | **Bài học** | **Nói và nghe** | | *Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng* | Kể lại một truyền thuyết | | *Bài 7. Thế giới cổ tích* | Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật | | *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* | Trình bày ý kiến vể một hiện tượng (vấn đề) đời sống |   **\* So sánh mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8**  **- Giống:** Mục đích nói của tất cả các bài giống nhau ở chỗ: đểu muốn người nghe tiếp nhận chính xác, đẩy đủ nhất các thông tin cần truyền đạt.  - **Khác:** Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* tập 2 chủ yếu tập trung vào các kiểu bài chính sau đây:  + Kể (có thể kết hợp miêu tả, trần thuật): kể lại một truyền thuyết (bài 6) và cổ tích (bài 7)   * Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận):   + Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8). | |
| **II. LUYỆN TẬP** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Vận dụng toàn bộ những kiến thức đã học vào các bài tập  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK Hệ thống hóa các kiến thức đã học ở học kì 2.  Tổ chức trò chơi tôi là ai ? Cử một bạn lên điều hành.  Ví dụ : Tôi là người đã giết chết chằn tinh, cứa công chúa dưới hang lên, tôi là ai ?  Trong câu chuyện nào ? Bạn có biết Thể loại truyện đó ?...  -kể lại câu chuyện bằng lời văn của bạn ?  - Yêu cầu học sinh viết một đoạn văn : Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK, thảo luận nhóm và thực hiện bài tập. Dưới sự tổ chức, điều hành của bạn lớp trưởng và Gv  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình | | **II. Luyện tập**  -Trò chơi giúp học sinh củng cố kiến thức đã học cũng như các kĩ năng đọc, viết , nói , nghe.  - Học sinh kể lại câu chuyện. Tương tự vậy có thể kể lại các câu chuyện khác .  \_HS viết được một đoạn trong truyện cổ tích bất kì . sau đó trình bày trước lớp . |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ cho HS:**  **? Lập dàn ý các dạng đề sau:**   |  | | --- | | 1. Kể lại một truyền thuyết | | 2. Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật | | 3. Trình bày ý kiến vể một hiện tượng (vấn đề) đời sống |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  -Ôn tập lại các kiên thức đã học.  - Chuẩn bị kiểm tra giữa kì II |  |

Ngày soạn:9/3

Ngày dạy:14/3/(6c,6d)/24

**TIẾT 105,106 : KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.

- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Giấy kiểm tra in đề bài

Đề bài

**Phần I. Đọc – hiểu (6.0 điểm).** Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu:

*Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ.Thần giúp nhân dân diệt trừ Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh là những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.*

*Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Trang.*

*Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh nở. Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.*

(Trích truyện*“Con Rồng cháu Tiên”*)

**Câu 1.** Bằng kiến thức đã học về truyện dân gian, hãy xác định văn bản trên thuộc thể loại nào?

**A.** Thần thoại. **B.** Truyền thuyết

**C.** Cổ tích. **D.** Ngụ ngôn.

**Câu 2.** Chi tiết nào sau đây là chi tiết tưởng tượng, kì ảo?

**A.** Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.

**B.** Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm.

**C.** Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Trang.

**D.** Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường.

**Câu 3.**Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?

**A.** Hồng hào. **B.** Đẹp đẽ.

**C.** Mặt mũi. **D.**Thỉnh thoảng.

**Câu 4**. Hai nhân vật chính được đề cập đến trong đoạn trích trên là ai ?

**A.** Thần Nông và thần Long Nữ

**B.** Vua Hùng và Lạc Long Quân

**C.** Lạc Long Quân và Âu Cơ

**D.** Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ

**Câu 5.** Câu văn “*Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần”* sử dụng biện pháp tu từ nào?

**A.** Nhân hoá. **B.** Ẩn dụ.

**C.** Điệp ngữ. **D.** So sánh.

**Câu 6.** Từ “khôi ngô” có nghĩa là:

**A.** dáng vẻ khoẻ mạnh, cường tráng. **B.** tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát.

**C.** vẻ mặt sáng sủa, thông minh. **D.** vẻ mặt xinh đẹp, thông minh.

**Câu 7.** Cụm từ nào sau đây là cụm danh từ?

**A.** không cần bú mớm.. **B.** một trăm con trai

**C.** đem lòng yêu thương **D.** xinh đẹp tuyệt trần

**Câu 8.** Ý nghĩa nổi bật của hình tượng “ bọc trăm trứng” là gì?

**A.** Ca ngợi công lao sinh nở kì diệu của Âu Cơ- Lạc Long Quân

**B.** Nhắc nhở mọi người, mọi dân tộc Việt Nam thương yêu, đùm bọc lẫn nhau

**C.** Sự kì diệu của bọc trăm trứng

**D.** Tình yêu quê hương đất nước, tự hào dân tộc

**Câu 9. (1.0 điểm)**: Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 câu) về những việc làm thể hiện lòng yêu thương của em với những người xung quanh.

**Câu 10. (1.0 điểm)**: Nêu hai câu ca dao, tục ngữ mà em biết thể hiện truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc ta.

**Phần II. Viết (4.0 điểm):**

Em hãy đóng vai nhân vật kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích

-------------------- HẾT -------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN : Ngữ văn 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần I : Đọc - hiểu ( 6 điểm)** | | | |
| **Câu 1-8** | Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | B | D | C | C | D | C | B | B | | 4,0 |
| **Câu 9** | Đoạn văn phải đạt các yêu cầu sau:  **a. Hình thức:**  - Đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu qui định, đảm bảo liên kết, diễn đạt lưu loát, rõ ràng.  **b, Nội dung**: HS nêu được một số việc làm cụ thể như:  - Yêu thương những người thân trong gia đình, làm giúp bố mẹ việc nhà  - Giúp đỡ các bạn trong học tập  - Yêu mến, hoà đồng với tất cả các bạn, không phân biệt giàu nghèo.  - Giúp đỡ, bênh vực những bạn yếu thế, bị bắt nạt.f  \* Lưu ý : HS có thể nêu suy nghĩ riêng tùy theo hiểu biết nhưng cần hợp lývà thuyết phục. GV linh hoạt cho điểm. | 0,25đ  0,75đ |
| **Câu 10** | HS nêu được một số câu ca dao, tục ngữ như: | 1.0 đ |
| **Phần II: Viết ( 4 điểm)** | | | |
|  | **1.Hình thức**  . Xác định đúng yêu cầu của đề.  - Kể một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em  - Ngôi kể thứ 3  - Bố cục: 3 phần, đảm bảo tách ý, tách đoạn rõ ràng.  - Trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  - Sử dụng lời văn của bản thân một cách hợp lí, có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu).  **2. Nội dung**  **Mở bài**: Giới thiệu câu chuyện mình định kể  **Thân bài**: Kể diễn biến của câu chuyện   * Sự việc 1: * Sự việc 2: * Sự việc 3:   …………………..  **Kết bài**: Kết thúc câu chuyện và bài học được rút từ câu chuyện | 1.0 đ  3.0đ |

Ngày soạn:18/3/24

Ngày dạy: 21/3/24

**TIẾT 107 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- Năng lực nhận biết,phân tích vai trò của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu.

**\*** Năng lực chung: Năng lực tư duy, hợp tác, tự lập, trình bày, vận dụng...

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành viết các đoạn văn, văn bản và cuộc sống hàng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- kế hoạch dạy học

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV ra câu hỏi tình huống: An và Thảo trong giờ ra chơi đã nhìn thấy một chú chim nhỏ nằm im trên sân trường. An lên tiếng:  *- Ôi! Có một con chim đã bị chết rồi.*  Thảo tiếp lời: *Sau cậu nói vậy? Nó chết đáng thương như vậy, mình phải dùng từ là con chim đã hi sinh chứ?*  Theo em, em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV dẫn dắt: Như vậy, việc lựa chọn từ ngữ hay cấu trúc câu trong tạo lập văn bản có vai trò rất quan trọng, thể hiện được nội dung, thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Đồng thời, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ, dấu ấn cá nhân của người viết. Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong văn bản. | HS lựa chọn cách nói của bạn An. Từ “hi sinh” cũng đồng nghĩa với chết nhưng chỉ dùng cho những người chịu sự tổn hại về vật chất, tinh thần  nhằm một mục tiêu cao cả hoặc một lý tưởng tốt đẹp. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lựa chọn từ ngữ - Lựa chọn cấu trúc câu** | | |
| **a)Mục tiêu**: HS nắm được cách lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp trong văn bản.  **b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Cho câu sau: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ* ***noi gương*** *những cá nhân xuất chúng.*  **Thảo luận:**  *+ Tìm những từ đồng nghĩa với từ “Noi gương”?*  *+ Có thể thay thế từ “noi gương” bằng những từ đồng nghĩa vừa tìm được không?*  - GV đặt câu hỏi: Qua ví dụ em trả lời câu hỏi sau:  *+ Trong nói và viết, em có thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?*  *+ Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?*  *+ Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  + Muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp cần hiểu nghĩa của từ định dùng.  + Khi viết câu cần chú ý đúng ngữ pháp và mục đích của câu nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. | **I. Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản**  ***1. Lựa chọn từ ngữ***  a. Ví dụ  b. Nhận xét  - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên.  - Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Cùng với việc lựa chọn từ ngữ trong câu thì việc lựa chọn cấu trúc câu cũng đóng vái trò không kém, nội dung này, các em cũng đã được học từ tiểu học.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc câu: *Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.*  *+ Nêu tác dụng của kiểu câu: “càng…càng”*  *+ Có thể thay thế cách diễn đạt bằng câu khác nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa của câu không?*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung và mở rộng:  Trong viết/ nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. Ý thức được điều này, khi viết/ nói, HS không chỉ phải biết tạo câu đúng ngữ pháp, mà còn phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. | ***2. Lựa chọn cấu trúc câu***  a. Ví dụ  b. Nhận xét  - Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.  - Cách tiến hành:  + Tạo câu đúng ngữ pháp  + Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2: Bài tập 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS: ghi câu trả lời vào vở bài tập. Thử đưa các từ vào câu văn và xem từ ngữ nào phù hợp nhất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bài tập 3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi:  + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?  + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Bài tập 4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác:  *- Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.*  *- Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.*  *- Kiểm tra xem có phù hợp không*  *- Kiểm tra xem câu có phù hợp không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 61**  a. Trong câu: *“Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao ”,* không thể dùng từ *kiểu* để thay cho *vẻ* được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ *kiểu* thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi *vẻ* thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...).  b. Từ *khuất* được dùng trong câu: *“Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi củng đã lớn.”* phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: *mất, từ trần, hi sinh.* Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ *khuất* thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, *xúc động, cảm động, xúc cảm* là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. *Xúc động* biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với *cảm động* hay *xúc cảm.* Vì thế, từ *xúc động* là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu *“Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi”*  **Bài 2/ trang 62**  a. phản ứng  b. hoàn hảo  c. quan sát  d. nỗ lực  **Bài 3/ trang 62**  a. cụm từ ***giờ đây khi hổi tưởng lại*** là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.  b. Câu văn *“Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.”* cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “Cậu *đã trả lời câu hỏi và đứng lên.”* thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.  Câu c: “Đến *cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “Dến *cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.”* thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa.  **Bài 4/ trang 36**  a. Câu “Tôi *không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.”* có hai vế, vế đẩu nêu băn khoăn về một điểu chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có *lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.”* thì lời giải thích lại xuất hiện trước điểu băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.  b. Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt *về* nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng và “căn bệnh” hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Đặt 3 câu sau đó thay đổi cấu trúc câu và nêu lên sự khác biệt của câu su khi thay đổi đó. Qua đó rút ra kết luận câu nào là phù hợp nhất.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | |  |

*Ngày soạn:20/3*

*Ngày dạy:23/3/*

**Tiết 108,109: VĂN BẢN 3**

**BÀI TẬP LÀM VĂN**

**(Trích Nhóc Ni-co-la: Những chuyện chưa kể)**

**-Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bài tâp làm văn*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài tập làm văn*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện và phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản Nghị luận và văn bản Văn học.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**:

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy điều đó bình thường không?

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.  **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của GVvà HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm.  *?Tác giả của văn bản này là ai? Họ là người nước nào?*  *?Văn bản “Bài tập làm văn” trích từ tác phẩm nào?*  *?Nhân vật trong đoạn trích là ai?*  *?Đoạn trích thuộc thể loại gì?*  *?Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?*  *?Xác định bố cục của văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả:**  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: trích trong Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể, xuất bản lần đầu năm 2004.  - Thể loại: truyện ngắn;  - Nhân vật: Cậu bé Ni-cô-la, bố của cậu và bác hàng xóm;  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Văn bản chia làm 2 phần  + P1: Từ đầu ….thế thì sẽ khó hơn bố tưởng rồi đấy, bố nói: Ni-cô-la nhờ bố làm BT.  + P2: còn lại: Ni-cô-la tự làm bài tập | |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng phương pháp đàm thoại  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * **GV yêu cầu HS theo dõi phần 1 (sgk) để trả lời câu hỏi sau:**   *?Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?*  *?Em nghĩ sao về việc Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập?*  *?Bố có đồng ý làm bài tập làm văn giúp Ni-cô-la không?*  *?Bố Ni-cô-la có cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?*  *?Bố có muốn tiếp tục làm bài thay cho con sau lần này nữa không? Câu văn nào cho em biết điều đó?*  *?Giọng điệu của bố ở đây như thế nào?*  *=> Vì bất cứ lí do gì đi chăng nữa, việc Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn cho mình là việc làm có đúng hay không?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS lên trình bày.  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | | **I. Đọc-hiểu văn bản**  **1. Lí do mà Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập.**  ***+ Lý do của******Ni-cô-la***  - Ni-cô-la vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.  - Đề văn hơi khó, Ni- cô-la cảm thấy chật vật.  - Trong học tập, Ni- cô-la thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực….  => Cho dù là lí do nào đi nữa thì việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được.  ***\* Thái độ của bố.***  + Đồng ý, sốt sắng.  + Đây là lần cuối cùng.  - Vì bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con.  - Giọng kể hài hước, dí dỏm.  => Không được nhờ người khác làm bài tập cho mình. |
| Như vậy để giúp Ni-cô-la làm bài tập làm văn về nhà, bố đã hướng dẫn Ni-cô-la làm bằng cách nào? Chúng ta cùng đi vào tìm hiểu tiếp.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Với yêu cầu của đề: “Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em” việc đầu tiên cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn là gì? Vì sao vậy?*  *+ Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni-cô-la mà bố hay ông Blê-đúc vẫn làm bài, thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có thể đáp ứng yêu cầu đề ra của cô giáo không?*  *+ Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết?*  ***GV gợi mở thêm:***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Cả bố và ông Blê-đúc có giúp cho Ni-cô-la làm xong bài tập làm văn về nhà không? Vì sao?Có chuyện gì đã xảy ra với họ?*  *+ Để hoàn thành bài tập làm văn của mình, Ni-cô-la đã làm bằng cách nào?Kết quả ra sao?*  *+ Nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài? Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?*  *?“Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”- nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua qua những gì đã xẩy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không?Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **GV bổ sung:** Bài học này không chỉ đúng với riêng Ni-cô-la, mà đúng với mọi HS chúng ta. Chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, bằng cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi, giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên, viết một bài tập làm văn phải là hoạt động của cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác. | | ***2. Ni-cô-la tự làm bài tập làm văn của mình***  - Cách giải bài tập làm văn:  + Xác định người bạn thân nhất là ai.  + Sắp xếp các ý (ngoại hình, tính cách, sở thích..) theo một bố cục rõ ràng, rành mạch.  - Hoàn thành bài tập làm văn một mình.  - Được điểm cao.  - Được cô giáo khen.  => Phải tự làm bài tập của mình  - Đồng ý với bài học mà Ni-cô-la rút ra được qua những gì đã xảy ra.  - Bài học này không chỉ đúng với Ni-cô-la mà đúng với mỗi chúng ta.  - Chỉ có làm bài bằng chính sức của mình, mới biết điểm mạnh, điểm yếu. Điểm mạnh phát huy, điểm yếu khắc phục.  => *Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Nội dung – ý nghĩa của văn bản “Bài tâp làm văn”?*  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn.  - Lời đối thoại của các nhân vật có nhiều sắc thái.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài TLV phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.  - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| *- GV yêu cầu HS:* Nếu gặp một đề văn như của Ni-cô-la, theo em việc đầu tiên phải làm là gì?  *.* | **IV. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 21/3/

Ngày giảng: 25/3

**Tiết 110: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá được ưu nhược điểm của học sinh qua bài làm như lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, dùng từ đặt câu, viết đoạn, viết bài văn.

- Phân tích được nguyên nhân mắc lỗi và cách sửa lỗi trong bài làm.

**2. Năng lực:**

- Học sinh nhận ra những điều làm được và chưa làm được để vận dụng kiến thức và kĩ năng đó trong quá trình học tập về sau.

-Tự đánh giá; các kĩ năng làm bài kiểm tra giữa kì 2; bài văn kể lại một truyện cổ tích.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Giáo viên: Giáo án, đề, đáp án, bài kiểm tra của học sinh

2. Học sinh: Lập dàn ý cho bài kiểm tra, bài viết văn.

**III. Tiến trình dạy học**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

- Mục tiêu: Định hướng nội dung bài học cho học sinh

- Tổ chức hoạt động:

H: Tự đánh giá sau khi làm bài kiểm tra và bài viết văn của em?

- HS tự đánh giá qua phần tự kiểm tra lại đáp án bài làm

- GV định hướng nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu đề bài và lập dàn ý**  **- Mục tiêu:** Đọc lại đề bài, theo dõi, biết được đáp án phần trắc nghiệm và lập dàn ý sơ lược về câu tự luận.  **- Tổ chức hoạt động**  \* NV 1: Đề và đáp án bài kiểm tra giữa kì  GV cho hs đọc lại đề bài, hs theo dõi.  GV công bố đáp án (đã nêu tiết 104, 105)  NV2: Đề và đáp án bài viết văn kể lại một trải nghiệm  GV chiếu Slide dàn ý bài văn  **\* Hoạt động 3: Nhận xét và hướng dẫn học sinh sửa lỗi**  **- Mục tiêu:** Nhận xét những ưu điểm và hạn chế trong bài, nhận thấy lỗi của mình từ đó sửa sai.  **- Tổ chức hoạt động**  - Các em đã hiểu được nội dung VB, hệ thống được kiến thức về thể loại truyện truyền thuyết, cổ tích vào bài làm.  - Một số ít trình bày sạch, đẹp.  GV nhận xét cụ thể :  - Một số em chưa biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để kể truyện. Một số bài văn chưa có sự sáng tạo  - Bố cục: Chưa đủ bố cục 3 phần, nhiệm vụ của từng phần chưa đúng, trình bày còn bẩn, gạch xoá, sai chính tả nhiều, diễn đạt lủng củng.  - Chưa có sự sáng tạo khi viết văn  - Trình bày chưa khoa học  GV dùng bảng phụ để ghi 1 một số lỗi tiêu biêu của HS  HS sửa lỗi vào cuối bài viết, kiểm tra chéo nhau. GV gọi 1hs lên bảng chữa lỗi.  **a. Lỗi chính tả:**  **b. Diễn đạt:**  \* **Hoạt động 4: Công bố kết quả**  - Mục tiêu: Tham khảo bài văn hay để thông qua đó khắc phục được những lỗi sai trong bài viết và học tập cách viết văn hay.  GV gọi điểm vào sổ điểm cá nhân  GV đọc 2 bài văn viết tốt để HS tham khảo | **I. Đề bài và đáp án**  **A. Bài kiểm tra giữa kì 2**  **B. Bài viết văn kể lại một truyện cổ tích**  **II. Nhận xét và hướng dẫn học sinh sửa lỗi**    **1. Nhận xét**  a. Nhận xét chung  b. Nhận xét cụ thể  **2. Sửa lỗi**  **III. Công bố kết quả** |

**IV. Tổng kết hướng dẫn về nhà**

**1. Tổng kết:** GV lưu ý HS khắc phục những tồn tại trong bài kiểm tra sau.

**2. Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn học bài cũ: Ôn tập lại các tác phẩm văn học, phần TV, TLV.

- Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: văn bản: “Bài tập làm văn” (Đọc và trả lời câu hỏi trong SGK)

Ngày soạn:24/3/

Ngày dạy:27, 28,29 /3/

**Tiết 111, 112,113: VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)**

**MÀ EM QUAN TÂM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Năng lực dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

- Năng lực tạo lập văn bản, nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề.

**\*** Năng lực chung: Năng lực tư duy, hợp tác, tự lập, tự giác...

**2. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:**  Biết được kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.  **b)Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV hỏi:**  ? Tác giả viết văn bản “Xem người ta kìa!” nhằm mục đích gì?  ?Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong văn bản không? Vì sao?  ? Trong cuộc sống, có những hiện tượng (vấn đề) nào mà em quan tâm?  GV trình chiếu bổ sung 1 số hình ảnh, video về các hiện tượng (vấn đề) đáng được quan tâm.  ? Theo em, để trình bày một hiện tượng (vấn đề) nào đó thì phải sử dụng những yếu tố cơ bản nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  - Đọc lại văn bản “Xem người ta kìa”.  - Suy nghĩ cá nhân | ***Vb*:**“Xem người ta kìa”  - Thế giới này muôn hình, muôn vẻ. Mỗi người cần được tôn trọng với với tất cả những cái khác biệt vốn có.  - Em tán thành với ý kiến được trình bày trong văn bản vì tác giả của bài viết đã đưa ra được những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục cho thấy mỗi một cá nhân đều có đặc điểm, thế mạnh khác nhau. Chúng ta cần tôn trọng điều đó đồng thời phải biết phát huy thế mạnh của bản thân mình.  - Các hiện tượng như: bắt nạt trong trường học, thái độ đối với người khuyết tật, hút thuốc lá, nghiện game,…  - Lí lẽ và bằng chứng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**  **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)** | | |
| a)**Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):  - Xác định được vấn đề bàn luận.  - Biết cách thể hiện ý kiến riêng của bản thân về một vấn đề.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng có sức thuyết phục.  b) **Nội dung:**  - GV chia cặp, giao nhiệm vụ.  - Cho HS làm việc theo cặp.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia cặp và giao nhiệm vụ:  ? 1. Văn bản “ Xem người ta kìa” và “ Hai loại khác biệt” thuộc kiểu bài gì?  ? 2. Với kiểu bài trên, yêu cầu chúng ta phải làm như thế nào?  ? 3. Người viết bày tỏ thái độ gì trước vấn đề đặt ra?  ? 4. Vai trò những lí lẽ, bằng chứng đối với kiểu bài văn nghị luận?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  - HS nhớ lại văn bản “Xem người ta kìa” và “Hai loại khác biệt”.  - Làm việc theo cặp 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu.  **B3: Báo cáo, thảo luận(GV và HS)**  - GV yêu cầu đại diện HS lên trình bày sản phẩm.  - HS:  + Trình bày sản phẩm nhóm.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | I. **Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)**  - Kiểu bài: Nghị luận (Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).  + Văn bản 1: Ý nghĩa về những cái chung của mọi người và cái riêng biệt của mỗi người.  + Văn bản 2: Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi người.  - Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Phải thể hiện suy nghĩ, ý kiến riêng của bản thân.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Nắm được bài viết tham khảo “Câu chuyện đồng phục”  - Tán thành với ý kiến của người viết: quy định mặc đồng phục đối với học sinh.  - Mục đích của việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận.  **b)Nội dung:**  - HS đọc SGK, làm việc cặp đôi.  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV mời HS đọc bài viết tham khảo**  -GVphát phiếu học tập và giao nhiệm vụ.  1.Bài viết trình bày ý kiến về hiện tượng (vấn đề) gì? Nhờ đâu e nhận ra điều đó?  2. Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?  3.Người viết đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)  4. Người viết nêu những bằng chứng gì để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)?  5.Như vậy, lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?  6.Em hãy xác định bố cục của văn bản “Câu chuyện đồng phục” và cho biết nhiệm vụ của mỗi phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 1’, trao đổi với nhóm 2’, hoàn thành phiếu học tập 2’  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện HS trình bày (mỗi đại diện có thể trả lời 1 câu hỏi)  - Những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV:  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS  + Sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức qua màn hình chiếu và kết nối với mục sau. | | **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bài mẫu**: *Câu chuyện đồng phục*  - Bài văn nêu vấn đề: mặc đồng phục của học sinh khi đến trường.  - Người viết đồng tình với vấn đề đặt ra.  - Lí lẽ:  + Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa.  + Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc riêng của từng trường.  + Đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo.  + Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.  - Dẫn chứng: (HS nêu từng dẫn chứng kèm các lí lẽ)  - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc riêng của từng trường; đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.    - Bố cục 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  + Thân bài: Đưa ra các ý kiến bàn luận (Lí lẽ + dẫn chứng)  + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a)Mục tiêu:** HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Thể hiện ý kiến của bản thân trước vấn đề nghị luận.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.  **b)Nội dung:**  **-** HS lựa chọn đề tài thông qua hướng dẫn của GV.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  - Hiện tượng (vấn đề) gần gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em hay không?  - Em có hiểu biết gì về hiện tượng (vấn đề) đó?  - Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) ấy?  - Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn  - Sửa lại bài sau khi đã viết xong  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  GV:  - Đặt câu hỏi hướng dẫn HS chọn đề tài.  - Phát phiếu học tập, hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  - Phát phiếu học tập hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết của bạn sau khi nghe bạn trình bày.  HS:  - Tham khảo đề tài trong SGK và lựa chọn đề tài sau đó trả lần lượt trả lời câu hỏi dưới sự gợi ý của GV.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu học tập.  - Lập dàn ý ra giấy  - Nêu lưu ý khi viết bài.  - Viết bài theo dàn ý.  - Chỉnh sửa bài viết cho bạn vào phiếu học tập sau khi nghe bạn trình bày.  - Sửa lại bài sau khi được góp ý.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả tìm ý  - HS trình bày  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) vào phiếu học tập.  - GV trình chiếu dàn ý mẫu.  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo 3 phần: MB, TB, KB.  - Lưu ý khi viết bài?  - HS hoàn thiện bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV** | **III. Thực hành**  1. Trước khi viết  a) Lựa chọn đề tài  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận |  | | Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) |  | | Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)? |  | | Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - *Thân bài*: Đưa ra ý kiến bàn luận.  + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)  +…  - *Kết bài*: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  **2. Viết bài**  - Viết theo dàn ý.  - Có thể mở bài trực tiếp: nêu thẳng hiện tượng (vấn đề) hoặc gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện.  - Mỗi ý trình bày thành 1 đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết cho bạn:**

Họ tên người chỉnh sửa:…………………………..

Họ tên tác giả bài viết:……………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | **ND nhận xét/chỉnh sửa** |
| Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận | Đọc lại phần MB, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ. |  |
| Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,…) của người viết về hiện tượng (vấn đề) | Bổ sung những câu tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu. |  |
| Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. | Kiểm tra các lí lẽ bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa,thay thế, bổ sung. |  |
| Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Phát hiện lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Giáo viên cho HS theo dõi đoạn video liên quan đến vấn đề nghiện game online.  - Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập: Hiện tượng nghiện game online trong giới trẻ hiện nay.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý  - HS xem video, suy nghĩ và lập dàn ý  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét tinh thần làm việc của HS.  **-** GV nhận xét bài làm của HS.  - GV trình chiếu dàn ý tham khảo. | **II. Luyện tập.**  **DÀN Ý THAM KHẢO:**  **I. MỞ BÀI**  Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)  **II.THÂN BÀI**  - Giải thích:  + Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay. + Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó. + Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn. - Thực trạng:: - Hậu quả: - biện pháp **III. KẾT BÀI**  - Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần  giải quyết kịp thời,…). |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| Bài tập : Lập dàn ý cho đề bài sau: *Thái độ đối với người khuyết tật.*  bài viết để chuẩn bị cho phần luyện nói tiết sau. |  |

**PHIẾU TÌM Ý**

Nhóm / Họ tên: ……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận |  |
| Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) |  |
| Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)? | - Lí lẽ 1: ……………………………………….  ….……………………………………  - Lí lẽ 2: ……………………………………….  ……………………………………….  - Lí lẽ 3: ……………………………………….  ………………………………………. |
| Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)? | ….……………………………………………………………………………. |

Ngày soạn:29/3/24

Ngày dạy:1/4/24

**Tiết 114: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tư duy, hợp tác, tự lập, tự tin...

**2.Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá tiêu chí.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video bạo lực học đường, lắng nghe vấn đề được đề cập và trả lời câu hỏi của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Vấn đề trong đoạn video đề cập đến điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | | | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | | | |
| **CHUẨN BỊ NỘI DUNG BÀI NÓI** | | | | | | |
| **a)** **Mục tiêu:**  - Giúp HS trình bày bài nói không phải chỉ là đọc lại bài mang tính thuần túy mà bài nói hay hơn, hấp dẫn.  **b)** **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS đánh dấu những từ ngữ, câu văn quan trọng.  - Câu văn giải thích thế nào là bắt nạt học đường?  - Tác hại của bắt nạt học đường.  - Ghi lại những câu văn quan trọng để hỗ trợ bài nói của mình.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm viết của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | **Nội dung cần đạt** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày phần đánh dấu của mình, đâu là những điều cần chú ý khi nói.  - Trình chiếu phiếu bài viết của học sinh yêu cầu HS đọc những phần mình đánh dấu..  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại bài viết của mình  - GV hướng dẫn HS.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu:  + Chỉ ra những từ ngữ, câu văn quan trọng (Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống).  + Ý kiến  + Lí lẽ  + Bằng chứng | | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét phần trả lời của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | | | | | |
| **Nhóm**:………. | | | | | | | |
| **Tiêu chí** | | ***Mức độ*** | | | | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | | | | ***Tốt*** |
| 1.Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, hay | | Không đưa ra được  vấn đề mang tính thời sự | Vấn đề mang tính thời sự | | | | Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay |
| 2. Nội dung | | ND sơ sài, không nêu được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục | HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục | | | | Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | | | | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | | | | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | | | | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | | | **Nội dung cần đạt** | | |
| - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | | | | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   * Gv giao cho HS: Bài tập: Bắt nạt học đường   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **DÀN Ý THAM KHẢO:**  **I. Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.  - Là vấn nạn hiện nay trong xã hội  - Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số  **II. Thân bài:**  **1.Giải thích vấn đề**  - Bắt nạt học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.  - Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.  - Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.  - Hành vi này càng ngày càng phổ biến.  **2. Hiện trạng.**  - Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác.  - Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè.  - Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô.  **3. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng băt nạt học đường:**  - Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.  - Chưa có sự quan tâm từ gia đình.  - Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.  **4. Hậu quả của bắt nạt học đường:**  ***a. Với người bị bạo lực:***  - Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.  ***b. Với người gây ra bạo lực:***  - Phát triển không toàn diện.  - Mọi người chê trách.  - Mất hết tương lai, sự nghiệp.  **5. Cách khắc phục nạn bắt nạt học đường:**  - Nhà trường cần nâng cao nhận thức và dạy bảo học sinh hiệu quả nhất.  - Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái.  - Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng bắt nạt học đường.  **III. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.  - Đây là một hành vi không tốt.  - Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này. |
|  | |
| -GV giao bài tập:  Bài tập: Rác thải nhựa lời kêu gọi nhức nhối.- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có) |  |

Ngày soạn:5/1224

Ngày dạy:8/12/24

**Tiết 115 TRẢ BÀI VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ ( HIỆN TƯỢNG )**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá được ưu nhược điểm của học sinh qua bài làm như lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, dùng từ đặt câu, viết đoạn, viết bài văn.

- Phân tích được nguyên nhân mắc lỗi và cách sửa lỗi trong bài làm.

**2. Năng lực:**

- Học sinh nhận ra những điều làm được và chưa làm được để vận dụng kiến thức và kĩ năng đó trong quá trình học tập về sau.

-Tự đánh giá; các kĩ năng làm bài

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Giáo viên: Giáo án, đề, đáp án, bài kiểm tra của học sinh

2. Học sinh: Lập dàn ý cho bài kiểm tra, bài viết văn.

**III. Tiến trình dạy học**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

- Mục tiêu: Định hướng nội dung bài học cho học sinh

- Tổ chức hoạt động:

H: Tự đánh giá sau khi làm bài kiểm tra và bài viết văn của em?

- HS tự đánh giá qua phần tự kiểm tra lại đáp án bài làm

- GV định hướng nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu đề bài và lập dàn ý**  **- Mục tiêu:** Đọc lại đề bài, theo dõi, biết được đáp án phần trắc nghiệm và lập dàn ý sơ lược về câu tự luận.  **- Tổ chức hoạt động**  GV cho hs đọc lại đề bài, hs theo dõi.  GV công bố đáp án (đã nêu tiết trước )  GV chiếu Slide dàn ý bài văn  **\* Hoạt động 3: Nhận xét và hướng dẫn học sinh sửa lỗi**  **- Mục tiêu:** Nhận xét những ưu điểm và hạn chế trong bài, nhận thấy lỗi của mình từ đó sửa sai.  **- Tổ chức hoạt động**  GV nhận xét cụ thể :  - Một số em chưa biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để kể truyện. Một số bài văn chưa có sự sáng tạo  - Bố cục: Chưa đủ bố cục 3 phần, nhiệm vụ của từng phần chưa đúng, trình bày còn bẩn, gạch xoá, sai chính tả nhiều, diễn đạt lủng củng.  - Chưa có sự sáng tạo khi viết văn  - Trình bày chưa khoa học  GV dùng bảng phụ để ghi 1 một số lỗi tiêu biêu của HS  HS sửa lỗi vào cuối bài viết, kiểm tra chéo nhau. GV gọi 1hs lên bảng chữa lỗi.  **a. Lỗi chính tả:**  **b. Diễn đạt:**  \* **Hoạt động 4: Công bố kết quả**  - Mục tiêu: Tham khảo bài văn hay để thông qua đó khắc phục được những lỗi sai trong bài viết và học tập cách viết văn hay.  GV gọi điểm vào sổ điểm cá nhân  GV đọc 2 bài văn viết tốt để HS tham khảo | **I. Đề bài và đáp án**  **B. Bài viết trình bày ý kiến, quan điểm**  **II. Nhận xét và hướng dẫn học sinh sửa lỗi**    **1. Nhận xét**  a. Nhận xét chung  b. Nhận xét cụ thể  **2. Sửa lỗi**  **III. Công bố kết quả** |

**IV. Tổng kết hướng dẫn về nhà**

**1. Tổng kết:** GV lưu ý HS khắc phục những tồn tại trong bài kiểm tra sau.

**2. Hướng dẫn về nhà**

- Hướng dẫn học bài cũ: Ôn tập lại các tác phẩm văn học, phần TV, TLV.

- Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: văn bản: “Bài tập làm văn” (Đọc và trả lời câu hỏi trong SGK)

Ngày soạn:1/4/2024

Ngày dạy:4, 6, 8//4/2024(6c,6d)

**BÀI 9: TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG**

TIẾT 116,117,118: TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ VĂN BẢN 1

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; biết cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Năng lực nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dung cho phù hợp.

- Năng lực tạo được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã học.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng- Trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9.  GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm  *Nhóm 1: Nêu khái niệm về văn bản thông tin và khái niệm về đoạn văn trong văn bản?*  *Nhóm 2: Hãy chỉ ra các yếu tố cấu thành và cách triển khai văn bản thông tin? Các văn bản truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là văn bản thông tin không?*  *Nhóm 3: Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc?*  *Nhóm 4: Thế nào là từ mượn và hiện tượng vay mượn từ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc *phần tri thức ngữ văn*  - HS thảo luận theo nhóm  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt vấn đề | **I. Tri thức ngữ văn**  **1. Văn bản:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bầy suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn trong văn bản:**  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đổi về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu. Đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu.  **3. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**  - Một văn bản thông tin thường có các yêu tổ như: nhan để (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phân). đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng như thời gian hoặc nhân quả  **4. Văn bản đa phương thức**  - Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như ki hiệu. sơ đổ. biểu đồ, hinh ảnh...  **5. Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.**  - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác. Tiếng Việt từng vay mượn nhiều từ của tiếng Hán và tiếng Pháp. Hiện nay, tiếng Việt có xu hướng vay mượn nhiều từ của tiếng Anh. |

**B. VĂN BẢN 1:**

**TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**(Hồ Thanh Trang)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  *? Văn bản thuộc thể loại nào?*  *? Các yếu tố tạo lên văn bản là gì?*  *? Liệt kê những thông tin chủ yếu mà văn bản đã đưa đến cho người đọc? HS liệt kê theo cách gạch đầu dòng các sự việc chính.*  *? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả:**  - Hồ Thanh Trang  **2. Tác phẩm**  - Đọc và tìm hiểu chú thích  - Thể loại: Văn bản thông tin.  - Các thành phần: nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh.  - Yếu tố cấu thành  + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.  + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất.  + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất.  + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương.  - Văn bản chia làm 3 phần  + Phần 1 từ đầu đến “365,25 ngày”, giới thiệu về trái đất.  + Phần 2: Tiếp đến “sự sống trên trái đất” Vai trò của trái đất.  + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm hiểu được cấu tạo, hoạt động vai trò, thực trạng của trái đất.  - Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Đoạn văn Trái đất trong hệ mặt trời tập trung giới thiệu thông tin gì?*  *? Thông tin đó có ý nghĩa như thế nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | **II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**  **1. Giới thiệu về trái đất**  - Trái đất là một trong 8 hành tinh của hệ mặt trời  - Bao gồm sao thủy, sao kim, sao mộc, sao thổ, sao hảo, trái đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương.  - Hoạt động: vừa quay quanh trục của nó, vừa quay quanh hệ mặt trời.  -> Hiểu sơ lược về cấu tạo của trái đất |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  *? Đoạn văn vị thần hộ mệnh của trái đất tập trung giới thiệu thông tin gì?*  *? Chỉ ra những thông tin về sự hiện diện của nước trên trái đất?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | **2.Vai trò của trái đất**  **a) Vị thần hộ mệnh của sự sống trên trái đất.**  - Đoạn văn: (“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đắt) tập trung thông tin về vấn đề:  + Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.  + Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất.  + Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi.  + Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  *? Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào?*  *? Lấy ví dụ minh họa?*  *? Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết chứng tỏ là sự kì diệu của sự sống để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | **b) Trái đất - Nơi cư ngụ của muôn loài**  - Trái đất có muôn loài tồn tại  + Có loài bé nhỏ chỉ nhìn được bằng kính hiểm vi.  + Có loài to lớn không lồ  -> Chúng sống ở khắp mọi nơi trên trái đất.  -> Chúng đều tồn tại và phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  *? Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*  *? Theo em điều gì có ở con người khiến con người có thể được xem là đỉnh cao kì diệu?*  *? Bức tranh trong trang 92 gợi lên trong em suy nghĩ gì về khát vọng và khả năng của con người? ? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể về cách thượng đế hay chúa trời tạo ra con người?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | **c) Con người trên trái đất**  - Tác giả xuất phát từ góc nhìn sinh học.  - Con người là động vật bậc cao, có bộ não và thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực.  - Con người cải tạo lại trái đất khiến cho nó người hơn, thân thiện hơn.  - Con người khai thác thiên nhiên bừa bãi gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên trái đất. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hỏi học sinh.  *? Hiện tại trái đất của chúng ta đang từng ngày từng giờ bị tổn thương như thế nào?*  *? Vì sao trái đất lại bị tổn thương như vậy?*  *? Câu hỏi cuối cùng của văn bản: “Trái đất có thể chịu đựng đến bào giờ” có ý nghĩa gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe lĩnh hội suy nghĩ để trả lời  **B3: Báo cáo, kết quả**  **GV:**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ của học sinh  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **3.Thực trạng của trái đất.**  - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.  - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muốn loài.  - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 4  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Trái đất cái – nôi của sự sống”?*  *? Ý nghĩa của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau  **2. Nội dung**  Trái đất là cái nôi của sự sống con người phải biết bảo vệ trái đất. Bảo trái đất là bảo vệ sự sống của chính mình.  **3. Ý nghĩa**  Kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ trái đất. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức về các thông tin được nhắc đến trong văn bản

**2. Nội dung:** Luyện tập thông qua nội dung văn bản thông tin

**3. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Yêu cầu cần đạt và kết quả dự diến |
| **B1**:***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***  Đề bài: Từ việc đọc hiểu văn bản: Trái đất- cái nôi của sự sống em rút ra được kinh nghiệm gì từ việc đọc hiểu 1 văn bản thông tin?  Gợi ý: *VB vừa đọc và tìm hiểu nói với chúng ta điều gì về đặc điểm của VB thông tin? Hãy nhớ lại và kể ra những thao tác em đã* d*ùng khi giải quyết yêu cầu của các câu hỏi sau đọc (lúc soạn bài ở nhà và lúc tham gia hoạt động trên lớp). Liệu những thao tác ấy có cần được dùng để đọc những VB thông tin khác không? Điều quan trọng nhất khi đọc VB thông tin là gì?*  - HS hoạt động cá nhân-> sau đó thảo luận cặp đôi.  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm  GV: sơ đồ hóa các ý từ câu trả lời của HS- giúp các em tập hợp được nhiều thông tin. | - Cần xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa vào nhan đề và phần sa pô (nếu có)  - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai VB thông tin mà tác giả đã chọn  - Đánh giá tính chính xác và tính mới của VB, thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh,... đã được tác giả sử dụng. |

Ngày soạn: 8/4/

Ngày dạy: 11/4/

**Tiết 119: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**:

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn

- Năng lực thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như *nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá,...)* khi đối diện với đoạn văn hay VB.

**\*** Năng lực chung:

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy, vận dụng…

**2. Phẩm chất**: Có ý thức học tập nghiêm túc, thực hành nhóm hiệu quả.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK NV 6, SGV NV 6,

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập

- Máy chiếu…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU** |
| **a. Mục tiêu:** HS kết nối được kiến thức trong cuộc sống vào nội dung bài học. Đồng thời tạo hứng thú, HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi 🡪 HS trả lời câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ***? Văn bản “Trái đất” có mấy đoạn văn? Vì sao em xác định được?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “Tìm hiểu đặc điểm, chức năng văn bản, đoạn văn” |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.  - Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.  **b) Nội dung**: GV chia nhóm, nêu câu hỏi; HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia nhóm, yêu cầu HS nhắc lại khái niệm văn bản  ?Từ kết quả của phần mở đầu em hiểu văn bản là gì?  ? Mỗi văn bản em học được tạo thành từ rất nhiều đoạn văn. Quan sát các văn bản, em thấy các đoạn văn có đặc điểm gì?   * GV yêu cầu HS đọc phần bài tập 1 (sgk trang 81) trả lời câu hỏi:   ?Qua văn bản *“Trái Đất – cái nôi của sự sống”*, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thảo luận đưa ra câu trả lời.  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang câu hỏi 2. | **I. Văn bản và đoạn văn**  **1. Văn bản:**là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn:** là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gổm một tập hợp câu có sự thống nhất vê' chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.  **\* Bài tập1/ trang 81:** Các bằng chứng cụ thể để khẳng định “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản:  - Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.  - Tồn tại ở dạng viết.  - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ.  - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *? Căn cứ vào những yếu tố nào để xác định tính chất của văn bản?*  *? Dựa vào đâu để xác định loại văn bản?*  *? Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?*  *-* GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi: Văn bản “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”**thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thực hiện nhiệm vụ  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang câu hỏi 3. | **2**. **Nhận biết** **đặc điểm và loại văn bản (SGK/Trang 81)**  **\* Bài 2/Trang 81**  VB “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”*thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. Các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*  - Sa-pô: Vì sao Trái Đất …. Bảo vệ Trái Đất?  - Đề mục:  + Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  + “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất.  + Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người trên Trái Đất.  + Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?  - Các đoạn văn:  - Tranh minh hoạ:tranh ảnh được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đắc lực cho trí nhớ,...  -> Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là văn bản thông tin, đa phương thức. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thực hiện nhiệm vụ  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới | **\*Bài 3/Trang 81**  - VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.  - Thông tin từ văn bản:  + Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống.  + Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái Đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái Đất được duy trì, phát triển phong phú.  + Trái Đất là nơi cư trụ của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao.  + Con người trên Trái Đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một các bừa bãi  + Trái Đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng  - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cần thiết và cấp bách. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về vị trí; 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở và thống kê  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình kết quả  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thứ tự đoạn văn trong văn bản | Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn | Ý chính của đoạn văn | Chức năng của đoạn văn trong văn bản | | Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài ) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài |   **III. Nhận biết chức năng đoạn văn trong văn bản.**  **Bài tập 4:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên giao bài tập cho HS  Chọn một đoạn văn trong văn bản *Trái đất - cái nôi của sự sống* và điền thông tin cần thiết vào bảng theo mẫu sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thứ tự đoạn văn trong văn bản** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** | |  |  |  |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thứ tự đoạn văn trong văn bản** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** | | Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài |   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | **II. Luyện tập.** |
|  | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài tập:** *Giả định VB vừa học cẩn được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó sẽ được đặt trong VB.*  - GV hướng dẫn hs viết đoạn văn cuối bài với các giải pháp bảo vệ Trái Đất  - HS làm việc cá nhân  - GV yêu cầu HS nộp phiếu học tập, bài làm  - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài viết của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết | **Khôi phục Trái Đất của chúng ta**  - Tiết kiệm nước  - Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng  - Phân loại, tái sử dụng, tái chế rác thải  - Sử dụng phân sinh học hay phân trộn  - Sử dụng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt  - Sử dụng năng lượng một cách thông minh  - Sử dụng các thực phẩm bền vững  - Trồng nhiều cây xanh  - Loại bỏ đồ nhựa, bao bì nilong | | |

Ngày soạn:9/4/24

Ngày dạy:11,12 /4/24(6c,6d)

**VĂN BẢN 2: Tiết 120,121**

**CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO? (Ngọc Phú)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn.

- hận diện được văn bản thông tin.

- Năng lực nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin.

- Năng lực nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Năng lực viết đoạn văn đáp ứng đúng những yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định, trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

**\*** Năng lực chung: Đọc hiểu, cảm thụ, tư duy, hợp tác, sáng tạo...

**2.Phẩm chất:**

Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, biết bảo vệ môi Trái Đất – ngôi nhà chung.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, giáo án điện tử

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

+ Phiếu học tập số 1

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi, HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu cho HS xem 2 đoạn phim ngắn về thế giới động vật trên kênh VTV2 và Animal Plnet (kênh 45).

*?Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em yêu thích chương trình nào nhất?*

*?Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi

Những chương trình trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất:

+ Chương trình Thế giới động vật (kênh VTV2)

+ Animal Plnet (kênh 45): đây là kênh duy nhất dành toàn bộ thời gian để nói về những loài động vật. Thông qua những thước phim tài liệu về thiên nhiên và cuộc sống hoang dã thế giới động vật muôn màu hiện lên đầy chân thực và sống động.

Chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu để bổ sung kiến thức, sự hiểu biết thực tế về thế giới tự nhiên, về đa dạng sinh học. Từ đó ý thức được vấn đề bảo vệ sự đa dạng sinh học đó.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để trái đất có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu:** HS nhận biết được những thông tin chung của văn bản: bố cục, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.  **b) Nội dung:** HS sử dụng sgk, trao đổi cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1  **c) Sản phẩm học tập:** Những hiểu biết của HS về bố cục, thể loại của văn bản.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV lần lượt chuyển giao các nhiệm vụ cho HS)**  *-* GV hướng dẫn cách đọc, chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: *tiến hoá, quần xã, kí sinh.*  - GV yêu cầu HS trao đổi cặp hoàn thành phiếu học tập số 1.  *? Văn bản có thể chia ra làm mấy đoạn? Nội dung của mỗi đoạn?*  *? Văn bản thuộc thể loại gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, giải thích từ khó  - HS trao đổi hoàn thành phiếu HT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đưa ra câu trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức và chuyển dẫn vào hoạt động tiếp theo. | | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả**  - Ngọc Phú  **2. Tác phẩm**  -Đọc, hiểu chú thích: (sgk)  -Thể loại: Văn bản thông tin  -Bố cục: 3 phần  - Đoạn 1: Từ đầu đến “tổn thương của nó”: đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)  - Đoạn 2: Tiếp theo đến “đẹp đẽ này”: nội dung vấn đề (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ)  - Đoạn 3: Phần còn lại: Kết luận vấn đề. | |
| **Nhiệm vụ II. Đọc-hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - HS biết được đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó. Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ.  - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Các loài cùng chung sống với như thế nào?  - Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân/cặp đôi, sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm học tập**: Nội dungvấn đề đặt ra trong văn bản, thông tin chính của văn bản, kết thúc vấn đề và giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? *Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này có tác dụng gì?*  *? Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi và trả lời từng câu hỏi:  + HS: Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để nói về vấn đề mà tác giả muốn đề cập 🡪 Cách vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.  + Vấn đề tác giả đặt ra:đời sống của muôn loài trên trái đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó 🡪 Là một vấn đề cấp thiết  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức và chuyển dẫn vào hoạt động tiếp theo. | | | ***II. Đọc-hiểu văn bản***  ***1. Đặt vấn đề***  - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  🡪 Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các hình ảnh giới thiệu về sự đa dạng sinh học  - Phát phiếu học tập số 2, yêu cầu HS làm việc theo cặp.  ? *Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?*  *? Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*  - GV đặt tiếp câu hỏi tìm hiểu đoạn (3): Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:  *? Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?*  *? Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập số 2 và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số lượng các loài sinh vật | | Ý nghĩa | | Có trên trái đất | 1.400.000 | Sinh vật đa dạng và phong phú … | | Số lượng các loài SV con người đã biết | Động vật: 1.000.000 | | Thực vật: 300.000 |   + Các loài sinh vật vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.  + Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường…  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.  - Chuyển giao nhiệm vụ mới. | | | ***2. Nội dung vấn đề***  *a. Sự đa dạng của các loài*  - Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.  - Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.  - Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.  - Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.  - Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi:  *? Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?*  - GV phát phiếu học tập số 3. Yêu cầu HS trao đổi cặp.  *? Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?*  *? Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | *b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài*   |  |  | | --- | --- | | Tính trật tự trong đời sống của muôn loài | | | Biểu hiện | - Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã: loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng…  - Sự phân bố các loài trong không gian sống chung: theo chiều thẳng đứng hoặc chiều ngang | | Mục đích | Nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất. |   - Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ. | | |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:  *?Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không? Ảnh hưởng như thế nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trên TĐ này, tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủa trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can thiệp một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu ngược lại tới sự sống trên hành tinh của chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.  **-** Chuyển giao nhiệm vụ mới. | | | *c. Vai trò của con người trên TĐ*  - Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng  🡪 Đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ do chịu tác động xấu từ con người. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *?Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì?*  *?Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc?*  *?Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gợi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”. | | | ***3. Kết thúc vấn đề:***  - Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ. |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu học tập số 4  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4  ? *Văn bản có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  1. Nội dung: Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.  2. Nghệ thuật:  - Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB. | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | |
| *- GV yêu cầu HS: Là một học sinh, em có thể làm những việc gì để góp phần bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?*  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học trong bài để viết đoạn văn với câu mở đầu cho trước..  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.***  - GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 12/4/

Ngày dạy: 15/4/

**Tiết 122: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.

- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

**\*** Năng lực chung: Năng lực tư duy, hợp tác, tự lập, tự giác...

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.

- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Phiếu học tập của HS

**-** SGK, SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng vốn kiến thức có sẵn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. HS để ý và nhận ra cách dùng từ lạ và việc vận dụng chúng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em ấn tượng đặc biệt với từ nào trong 2 câu sau. Theo em những từ đó được dùng đã phù hợp với văn cảnh chưa? Em có thể thay thế từ đó bằng từ nào? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới và ghi tên bài lên bảng.*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thế nào là từ mượn**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức, phiếu học tập và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: Thế nào là từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ và những lưu ý về sử dụng từ mượn.  -GV yêu cầu HS đọc lại tri thức Ngữ văn về phần từ mượn SGK/77.  ? Từ tiếng Việt có thể chia ra làm mấy loại dựa theo nguồn gốc từ?  (GV HD HS nhận biết từ mượn): HD HS đọc đoạn văn VD SGK/86 và trả lời các câu hỏi 1a, b, c SGK:  ? Các từ mượn so với từ thuần Việt có gì khác biệt?  ? Từ việc thực hiện PHT trên, em hiểu thế nào là từ mượn? Tại sao chúng ta cần sử dụng từ mượn?  ? Qua việc thực hiện yêu cầu bài tập 1 em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ TV?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe và thực hiện nhiệm vụ. Có thể đặt câu hỏi để GV hướng dẫn thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  HS chủ động ghi chép bài, dán PHT số 1 đã chữa vào vở. | **I. Từ mượn**   * Từ tiếng Việt :   + Từ thuần Việt  + Từ mượn   * Từ tiếng Việt :   + Từ thuần Việt (do ông cha ta sáng tạo ra, đọc lên có thể hiểu ngay)  + Từ mượn (là các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác như Hán, Âu – Mỹ, Nga và các nước khác, biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.)  **\* Bài tập 1:**  a.Từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm. Vì chúng được dùng như từ thuần Việt.  - Từ vay mượn tiếng Anh: băng, ô-dôn. Vì chúng được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, hình dạng chính tả khác biệt.  **b.**- Từ *ô-dôn* gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất vì nó có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt.  **c.**- *Không trung, không gian, không quân, không tưởng, hư không,….*  - *Miễn nhiễm, lây nhiễm, truyền nhiễm, nhiễm bệnh, nhiễm khuẩn*,…  \***Bài tập 2:** - Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Hán (trước đây), tiếng Pháp, tiếng Anh (sau này).  - Khi nhập vào tiếng Việt, các từ mượn đã được Việt hóa ở những mức độ khác nhau và quá trình này vẫn đang tiếp diễn.  - Nhờ việc chủ động vay mượn từ, tiếng Việt luôn phát triển, trong khi vẫn bảo lưu được những nét tinh túy vốn có của mình. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu những lưu ý về sử dụng từ mượn**

**a. Mục tiêu:** Chỉ ra được ưu nhược điểm của việc mượn từ, từ đó rút ra lưu ý khi mượn từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK cùng vốn hiểu biết cá nhân để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - NV1: GV yêu cầu HS thực hiện câu 1c SGK theo hình thức thảo luận nhóm 4 người trong 3 phút.  ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “không” và giải thích nghĩa của chúng.  ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “nhiễm” và giải thích nghĩa của chúng.  ? Từ mượn có ý nghĩa như thế nào đối với vốn từ tiếng Việt?  -Yêu cầu HS quan sát lại VD đầu bài. Nếu lạm dụng từ mượn thì sẽ ra sao? Từ đó ta phải lưu ý điều gì khi sử dụng từ mượn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  \* Dự kiến sản phẩm:  - Yếu tố Hán “không”: không trung, không gian, không quân, không tưởng, hư không  - Yếu tố Hán “nhiễm”: miễn nhiễm, lây nhiễm, truyền nhiễm, nhiễm bệnh, nhiễm khuẩn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** | | **II. Nhận biết từ mượn và** **lưu ý về sử dụng từ mượn**  -Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình.  -Tránh lạm dụng từ mượn |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân 5 phút, thảo luận nhóm đôi 5 phút:* Hoàn thiện bài tập 3 (sgk trang 87)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập.**  - Các từ mượn trong câu là: fan, phấn khích, hân hoan, idol, xuất hiện, chuyên cơ, phi trường.  - Có thể thay một số từ “lạ tai”  bằng:  fan = người hâm mộ,  idol = thần tượng,  phi trường = sân bay,  hân hoan = vui vẻ, …  - Diễn đạt lại bằng câu sau:  “Các người hâm mộ cuồng thực sự phấn khích, vui vẻ khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống sân bay”. | |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  ***? Viết một đoạn tin nhắn đăng ký mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp. Hãy gạch chân và giải nghĩa.***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  | |

Ngày soạn:13/4/

Ngày dạy:17/4/

**Văn bản 3:**

**Tiết 123: TRÁI ĐẤT**

**– *RA- XUN GAM – DA- TỐP* –**

**I. YÊU CẦU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

- Năng lực nhận biết được nét khác biệt giữa VB văn học với VB thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng về' một chủ đề.

- Năng lực nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- Năng lực xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất - ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.

- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.

- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà thơ và Trái đất.

- Giấy A4 để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: **-** GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Mời HS hát bài “ Điều đó tùy thuộc hành động của bạn’

hoặc cho HS xem video bài hát và hỏi: Em hãy cho biết tên bài hát và tên tác giả?

- Bài hát có ý nghĩa gì? (muốn truyền tải đến mọi ng thông điệp gì?)

GV: Sáng tác trên của nhạc sĩ Kim Dung gửi đến chúng ta một thông điệp: Hãy chung tay bảo vệ môi trường và giữ cho trái đất màu xanh vĩnh viễn. Trong giờ học hôm nay, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu những giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường. Và chúng ta hãy cùng nhau lan tỏa thông điệp đó đến tất cả mọi người các bạn nhé.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ I. TÌM HIỂU CHUNG VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Ra - xun Gam - da - tốp.  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  *? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Ra - xun Gam- da -tốp?*  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung văn bản**  **1. Tác giả** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***? Bài thơ nên đọc với giọng điệu như thế nào để bộc lộ rõ nhất nội dung muốn truyền tải?***  - Hướng dẫn cách đọc, GV đọc mẫu & yêu cầu 2 HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ***? Em hãy cho biết xuất xứ và thể loại của văn bản?***  ***? Em hãy tóm tắt thông tin có trong văn bản?***  ***?Văn bản chia làm mấy phần?Nêu nội dung của từng phần?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc to, lưu loát, giọng có phẫn nộ, thương xót, dịu dàng  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch Tiếng Nga của Na-um Grep-nhi - ốp.  - Thông tin có trong bài thơ *Trái đất*: Hãy bảo vệ Trái đất.  - Thể loại: thơ tự do  - Bố cục: 2 phần  + P1 (khổ 1): Thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất.  + P2 (khổ 2): Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất. | | |
| **NHIỆM VỤ II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những cách ứng xử đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ, tìm được điểm chung của cách ứng xử đó.  - Biết được thái độ của nhà thơ với Trái đất.  - Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc phần 1: Phát phiếu học tập số 1 trả lời câu hỏi sau:  *? Mở đầu bài thơ có gì ấn tượng?*  *? Những cách hành xử nào đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ?*  *? Chúng có điểm chung gì với nhau?*  *? Tác giả đã gọi những kẻ hủy hoại trái đất ntn?*  *? Thái độ của tác giả đối với chúng là gì?*  *? Nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ đầu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến khó khăn: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (3) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Thái độ đó được biểu hiện qua từ ngữ nào?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | | | **1. Thái độ của nhà thơ với kẻ hủy hoại Trái đất**  - *Trái đất*!Tiếng gọi đầu bài nhấn mạnh đối tượng  - Những cách hành xử đối với Trái đất:  +Xem là quả dưa: bổ, cắn thành muôn mảnh nhỏ.  + Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá.  -> Đều phá hủy Trái đất.  - Tác giả gọi những kẻ xấu là “bọn”, “lũ” với thái độ căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất.  - So sánh, điệp từ, động từ mạnh |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS theo dõi phần 2 của bài thơ:  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  ? Nhà thơ đã gọi Trái đất là gì? Em có nhận xét gì về cách xưng hô này?  ?Với nhà thơ hình dung Trái đất như thế nào?  ?Nhắc đến *nước mắt và máu* nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái đất?  ?Qua đó ta thấy thái độ của nhà thơ đối với Trái đất?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 3 phút làm việc cá nhân  - 5 phút thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (3) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Ngôn ngữ hình ảnh trong bài thơ là gì? ). | | | **2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất**  - Gọi Trái đất là người.  - Nhà thơ hình dung về Trái Đất:  khuôn mặt thân thương thể hiện sự trân trọng, xót xa và yêu kính của nhà thơ với sự sống trên Trái Đất.  ***-*** Nhìn/nghĩ về Trái đất nhà thơ đã thấy: Sự xót xa, tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu  - Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng bị xâm phạm của Trái Đất.. Tổn thương của Trái Đất hôm nay sẽ được đem trả lại cho chính con người trong thế hệ sau nếu cứ tiếp tục những hành vi sai lầm, tham lam, vụ lợi.  **=>** Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: thương xót, vỗ về những tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Trái đất”?*  *? Ý nghĩa của văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). | | | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ..  **2. Nội dung**  - Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất.  **3. Ý nghĩa**  - Lời cảnh tỉnh cho những kẻ có những hành động hủy hoại môi trường sống của mình trước khi quá muộn. |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   * GV giao nhiệm vụ HS rả lời câu hỏi:   ? *Hãy tìm ra đặc điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xum Gam-da-tốp với hai văn bản “Trái đất - cái nôi của sự sống” và “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”*  *? Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | | **II. Luyện tập.**  1. Đặc điểm chung của 3 văn bản là:  - Cả 3 tác phẩm đều thể hiện tình yêu đối với Trái đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài.  - Các tác phẩm đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ.  - Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái đất của mỗi con người chúng ta.  **2.** - Mỗi người chúng ta cần phải có trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ Trái Đất như:  + Trồng và bảo vệ cây xanh.  + Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật. | |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Tổ chức trò chơi: *thử làm* *phóng viên*  - Cách chơi như sau: Một vài học sinh trong lớp thay phiên nhau đóng vai phóng viên Đài truyền hình, đài phát thanh, hoặc Báo thiếu niên tiền phong…và phỏng vấn các bạn theo các câu hỏi  ( câu hỏi có thể các em tự nghĩ ra hoặc GV gợi ý trước cho các em): *1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này?* *2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta?* *3.Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất?* *4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không?Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?....*  -Nhận xét thái độ và kết quả của hoạt động.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức , hướng dẫn về nhà | | |  | |

Ngày soạn:14/4/24

Ngày dạy:18,20//4/24

**VIẾT**

**Tiết 124,125: VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP**

**CUỘC THẢO LUẬN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nắm mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

- Năng lực viết một biên bản hợp thức về một cuộc họp, cuộc thảo luận.

- Năng lực tạo lập văn bản là biên bản.

**\*** Năng lực chung:

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy…

**2. Phẩm chất:**

Có ý thức viết nghiêm túc, chính xác biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

? Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa?

? Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản?

- Vì người viết biên bản cần có sự trung thực, khách quan.

- Biên bản đòi hỏi được viết đúng thẻ thưc, theo một quy cách riêng.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  **b) Nội dung:**  - GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi:**  ? Biên bản là gì? Biên bản có vai trò như thế nào?  ? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết?  - VD: Lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như một bằng chứng để đánh gía một vụ việc, vấn đề nào đó  **HS: Suy nghĩ trả lời các câu hỏi.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát phần kênh chữ trong SGK – 88  - Suy nghĩ cá nhân  - Trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS | Biên bản dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BIÊN BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:**  - HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Biết cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Thể thức của biên bản thông thường:*  GV: Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chuẩn mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, nêu lên ý kiến và thống nhất về tiêu chuẩn đối với một biên bản (như đã nêu ở trên).  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | **I. Yêu cầu đối với biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.**  *\** ***Thể thức của biên bản thông thường***  - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lí vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,...  - Dưới từ “biên bản”, ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lí hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản.  - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,...  - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí,...  - Ghi diễn biến của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).  - Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận…  - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được cách thức viết biên bản .  - Chỉ ra được các phần cần thiết phải có của một biên bản.  **b) Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Đọc biên bản tham khảo.  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm:  1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên?  2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?  3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?  4. Vì sao dưới biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?  5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?  **HS:** Chú ý đối chiếu với những tiêu chuẩn đã xác định trước đó để đánh giá mức độ “đạt chuẩn” của biên bản này.  GV lưu ý HS: Biên bản được đem ra tham khảo ở đây thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội , thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn do phải tuân thủ nghị định của chính phủ về vấn đề này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:- Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | **II. Biên bản tham khảo**    1. Văn bản trên tuân thủ đúng theo thể thức của biên bản.  2.  + Biên bản phải có tên gọi bởi nó khái quát toàn bộ nội dung của biên bản.  + Biên bản phải ghi đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí để đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan của biên bản  3. Khi làm biên bản, nội dung cần phải ghi chi tiết, cụ thể hơn cả là diễn biễn của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,…  4. Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí để xác nhận vai trò của những người tham dự sự việc và trách nhiệm của họ đối với nội dung của biên bản.  5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm: rõ ràng, ngắn gọn, chính xác. | |
| **THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN** | | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp cuộc thảo luận nào đó.  **b) Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT để hỏi HS về việc lựa chọn nội dung viết biên bản.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hình dung những cuộc họp, cuộc thảo luận của lớp, xác định tên gọi biên bản?  ? Thực hành viết biên bản?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện biên bản.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn tên biên bản (nội dung cuộc họp, cuộc thảo luận).  - Viết biên bản theo nội dung đã lựa chọn, chú ý thể thức biên bản đã được quy định.  - Sửa lại biên bản sau khi viết  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Thực hành**  **1. Trước khi viết**  - Xác định tên gọi của biên bản:  - Mục đích viết biên bản:  - Người đọc biên bản:  **2. Viết biên bản**  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.  - Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lý cần có trong cuộc họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng).  - Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc…  - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận, nhất là những ý kiến có giá trị.  - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì.  - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản.  **3. Chỉnh sửa biên bản**  Dựa vào phần thể thức của biên bản thông thường để tự kiểm tra và chỉnh sửa:  - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.  - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo sự chính xác và tính khách quan. | | |

Ngày soạn:19/4/24

Ngày dạy: 22/4/24

**TIẾT 126 TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ**

**NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực nhận biết cách tóm tắt nội dung của một văn bản đơn giản.

- Năng lực tóm tắt các văn bản bằng sơ đồ khiến kiến thức đơn giản, dễ hiểu, sinh động hơn.

- Năng lực tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã đọc.

Năng lực tổng hợp, tư duy, hợp tác, tự lập..

**2. Phẩm chất:**

Rèn luyện tính chăm chỉ, cần cù, sáng tạo

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương tiện dạy học**

- Máy tính/điện thoại có kết nối internet, máy chiếu, bộ loa.

- Bài soạn (gồm văn bản dạy học để dưới dạng in hoặc dạng điện tử; các hoạt động được thiết kế để tổ chức cho học sinh).

- Một số sơ đồ tóm tắt văn bản

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

- Dạy học cá nhân, nhóm, cả lớp;

- HS thuyết trình, giới thiệu, trao đổi thảo luận…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn

- Chiếu hình ảnh sơ đồ tóm tắt văn bản, yêu cầu HS quan sát & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của sơ đồ? Sơ đồ trên gợi cho em những gì?

- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

- Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số cách tóm tắt văn bản mà em biết

? Em thích nhất cách tóm tắt nào?

? Cách tóm tắt đó có gì mới lạ? Nó có sinh động không? Nó khiến em hiểu được văn bản đó nói đến nội dung gì không?

? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung văn bản, em sẽ dựa vào những yếu tố nào?

? Khi tóm tắt văn bản em cần làm những bước nào? Nêu 1 vài bước giúp em tóm tắt được văn bản đó?

? Ngoài cách tóm tắt em chọn còn có cách tóm tắt nào khác không? Nếu có hãy chia sẻ với các bạn trong lớp?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ HS**

- Quan sát hình ảnh sơ đồ tóm tắt và suy nghĩ cá nhân.

- Đọc phần tri thức Ngữ văn.

- Thảo luận nhóm:

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV: - Hướng dẫn HS quan sát sơ đồ tóm tắt.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**Báo cáo, thảo luận**

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn ở công đoạn nào).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:**  HS biết được các yêu cầu đối với bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.  **b) Nội dung:**  - GV cho HS làm việc tập thể.  **c) Sản phẩm: câu trả lời của HS**  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ* trong SHS.  ***? Một bản tóm phải như thế nào để có thể được gọi là đạt/tốt?***  ***? Các em đã được biết những cách nào để tóm tắt một văn bản chưa?***  ***? Sau khi tóm tắt một văn bản xong em thấy như thế nào?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS xác định những tiêu chuẩn phải đạt được của một bản tóm tắt bằng sơ đồ trên các phương diện: Tính trực quan; tính lô gic, tính khoa học; tính khái quát; tính thẩm mĩ?  HS: Ghi vào vở những nhiệm vụ này.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | **I. Yêu cầu đối với bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.**  - Có thể tóm tắt văn bản bằng cách gạch ý  - Xây dựng thông qua video clip  - Tóm tắt bằng sơ đồ tư duy  - Khi nhìn vào sẽ dễ hiểu hơn  - Hệ thống kiến thức qua sơ đồ giúp học sinh bớt căng thẳng, áp lực |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS hiểu được cách tóm tắt một văn bản đơn giản.  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Tự xem lại văn bản *Trái đất* - *cái nôi của sự sống*GV nêu vấn đề thảo luận:  ? *Là người đã đọc, đã học văn bản”Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?*  *? Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì?*  **GV:** Khuyến khích HS thực hiện những cách tóm tắt khác về văn bản nêu trên, tổng hợp các ý kiến nhận xét để chuẩn bị cho các bước thực hành tiếp sau.  - Làm việc cá nhân 2’  - Thảo luận với bạn bên cạnh 5’  - HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm.  **GV:-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc vói bạn bên cạnh.  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** |
| **TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN** | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Tóm tắt được văn bản đơn giản bằng sơ đồ.  **b) Nội dung:**  **-** GV hướng dẫn HS về quy trình tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS: - Đọc phần quy trình thực hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ (phần chữ màu đen) (SGK-91)  - Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản. (SGK-91)  *?Vậy trước khi tóm tắt chúng ta cần phải làm gì nhỉ?*  *?Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu – pha – sa về “vòng đời bất tận” (trong đoạn đầu văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào?), em cần thực hiện các bước nào?*  *?Vậy sau khi hệ thống các từ khóa làm thế nào để chúng ta tóm tắt được văn bản bằng sơ đồ?*  *?Sau khi hoàn thành bài của mình chúng ta có cần chỉnh sửa không?*  HS: Tự lựa chọn văn bản để tóm tắt bằng sơ đồ.  GV lưu ý HS: Trong quá trình tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, để khỏi quyên một số công đoạn hay thao tác cần thiết, các em có thể lật lại xem hướng dẫn của SHS.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc theo yêu cầu của GV.  HS: Thực hành tóm tắt bằng một văn bản đơn giản tự lựa chọn.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Nộp sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**  **1. Trước khi tóm tắt**  - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung.  - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.  - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa  (2)  - B1: Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một “vòng đời bất tận”.  - B2: Xác định các từ khóa: chúng ta, linh dương, chết, cỏ  - B3: Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa: chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.  **2. Tóm tắt**  - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa  - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật từ thích hợp.  - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.  **3. Chỉnh sửa**  ***-*** Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.  - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.  - Xem xét chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng | |

Ngày soạn: 20/4/24

Ngày dạy:24/4/24

**Tiết 127: NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN**

**Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực hệ thống được đặc điểm và chức năng của văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

- Năng lực trình bày được các bước đọc hiểu văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

- Năng lực phân tích được văn bản thông tin và văn bản nghị luận do HS tự chọn.

- Từ việc phân tích nội dung, ý nghĩa của các văn bản đã đọc, HS liên hệ với bản thân mình trong cuộc sống hiện tại.

- Năng lực nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin và chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.

- Năng lực thực hành viết đoạn văn, bài văn theo đúng thể loại.

Năng lực hợp tác, tư duy, thuyết trình, tự lập…

**2. Phẩm chất:**

Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV nêu vấn đề.

**-**  HS trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm ra một giải pháp tối ưu, khả thi có thể thực hiện ngay để cải thiện tình hình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ cá nhân.

- GV nhắc nhở những HS chưa tập trung suy nghĩ (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  HS tìm ý theo câu hỏi sau :  ?Thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay và hậu quả của ô nhiễm môi trường?  ? Những nguyên nhân nào dẫn đến ô nhiễm môi trường?  ?trình bày các giải pháp giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  \* Tìm ý :  \* Thực trạng: Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng ở mức báo động: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí,…  \* Nguyên nhân:  - Do sự thiếu ý thức của con người.  - Thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp.  - Những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng.  - Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế  **\* Hậu quả:** Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của con người.  Ô nhiễm không khí gây ra bệnh tim mạch, bệnh về đg hô hấp, ung thư phổi và đột quỵ. Nếu con người không có ý thức bảo vệ bầu khí quyển thì hậu quả của nó cũng khủng khiếp chẳng kém gì đại dịch covid-19 hiện nay.  75% – 80% nguyên nhân ung thư được nghiên cứu là do môi trường ô nhiễm. Khi ô nhiễm môi trường đất, nước sẽ dẫn đến rau củ, vật nuôi chịu nhiễm độc. Con người ăn phải thực phẩm chứa độc tố đó sẽ dẫn đến nguy cơ mắc ung thư.  - Ô nhiễm đất còn ảnh hưởng đến sự phát triển hệ sinh thái. Đất bị ô nhiễm, cây cối không phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều loài sinh  vật.  -Sự biển đổi về khí hậu ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế.  \* Các giải pháp:  -Trước hết phải lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường vào trường học ngay từ tuổi mầm non.  - Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của ng dân. Trong đó cần có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm.  - Tổ chức thường xuyên các cuộc thi sáng tạo để tìm ra nhg giải pháp bảo vệ môi trường cũng như cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường.  - Áp dụng công nghệ khoa học để xử lí rác thải và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nc trong giai đoạn hiện nay.  - Chúng ta cần lên án, phê phán mạnh mẽ, đấu tranh, ngăn chặn những hành động phá hoại môi trường và tuyên dương, ca ngợi, biết ơn những hành động bảo vệ môi trường. \* Là HS, chúng ta cần tạo cho mình thói quen đổ rác đúng nơi quy định. Giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni long. Tham gia trồng và bảo vệ cây xanh. Không xả nước thải, nước bẩn ra ao hồ. Có ý thức giữ gìn, vệ sinh nhà ở, đường làng, ngõ xóm, trường học cũng như nơi công cộng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  ?Dự kiến phần mở đầu, triển khai, kết luận.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | **II. Trình bày bài nói**  **1. Mở đầu**  Nêu tình trạng đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể của nó, nhất là biểu hiện mà em và các bạn đang phải đối mặt và cần phải tham gia giải quyết.  **b) Triển khai**  - Trình bày ý kiến theo đề cương đã chuẩn bị.  - Trước khi trình bày từng phần ý kiến, có thể nêu lại các câu hỏi đã từng được đặt ra trong bước tìm ý, nhằm giúp người nghe hiểu rõ nội dung từng khía cạnh của vấn đề được đề cập.  **c) Kết luận**  Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày. | |
| **SAU KHI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | **III. Sau khi nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy.  - Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt.  - Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của em. | - Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất.  - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc.  - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí.  - | |
| **\*Hoạt động 3: Luyện tập** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:   * Giáo viên đặt câu hỏi:   *?Em có biết ngày 22 tháng 04 là ngày gì không?*  *?Ngày Trái đất có ý nghĩa như thế nào?*  *?Trong Ngày Trái đất, địa phương em có những hoạt động nào?*  *?Em đã tham gia vào việc tuyên truyền kêu gọi mọi người chung sức bảo vệ môi trường chưa? Em tuyên truyền như thế nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày ý kiến của mình về một vấn đề môi trường .  - GV hướng dẫn HS: ô nhiễm không khí, nguồn nước, rác thải ùn ứ, cống rãnh tắc nghẽn.... | | | **IV. Luyện tập.**   * 22/4 là Ngày Trái đất * Ý nghĩa: Ngày Trái Đất là ngày mà cả nhân loại hành động cho thế giới tự nhiên, cho bầu khí quyển và Trái Đất mà chúng ta đang sống.   -Hoạt động: Trong Ngày Trái đất, địa phương em thường tổ chức các hoạt động như tuyên truyền kêu gọi mọi người chung sức bảo vệ môi trường sống xanh sạch đẹp, tổ chức trồng cây xanh, vệ sinh đg làng, ngõ xóm, thu gom rác thải,…  - Liên hệ: Em vẫn tuyên truyền cho mọi người trong gia đình em là nên sử dụng năng lượng, sử dụng điện, sử dụng xăng dầu ở mức độ vừa đủ. Tiết kiệm năng lượng là việc hết sức quan trọng. Vì mỗi người tiết kiệm điện một chút thì các nhà máy nhiệt điện không phải đốt than nhiều, mỗi người chịu khó đi bộ, đi xe đạp thêm một chút thì lượng khí thải do xe máy, ô tô thải ra môi trường giảm đi một chút… Và như vậy, bầu khí quyển của chúng ta sẽ mạnh khỏe lại, trái đất sẽ được bảo vệ nhiều hơn. | |

Ngày soạn: 21/4/24

Ngày dạy: 25, 26/4/24

**Tiết 128: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ, hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

- Năng lực tìm và đọc tài liệu cùng chủ đề

- Năng lực khám phá tri thức khi đọc

- Năng lực cảm thụ tri thức văn học.

**\*** Năng lực chung:

Hợp tác, tư duy, sáng tạo, tự giác...

**2. Phẩm chất**: Chăm chỉ đọc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch dạy học

- Phiếu bài tập, dự kiến trả lời câu hỏi

- Văn bản nghị luận và văn bản thông tin (Dành cho trường hợp với những HS chưa chuẩn bị bài trước ở nhà).

- SGK, SBT Ngữ văn 6

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng th c hiện nhiệm v học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng KWL (hoàn thành cột K và cột W) để GV biết được mức độ ghi nhớ bài của HS về văn bản thông tin và văn bản nghị luận. Từ đó, - GV tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với HS.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K | W | L |
|  |  |  |

**Tình huống dự kiến:**

+ Nếu HS nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV rút ngắn phần nhắc lại lý thuyết để tập trung sang phần thực hành.

+ Nếu HS không nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhớ lại các kiến thức.

+ Nếu HS chưa chuẩn bị được các văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần cung cấp cho HS.

**\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nhiệm vụ 1: Trao đổi về kết quả tự đọc các VB nghị luận và VB thông tin**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc hiểu VB nghị luận và VB thông tin.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sản phẩm đã làm ở nhà, chắt lọc nội dung để trao đổi lại với bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung, ý nghĩa của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin dưới dạng gạch ý, sơ đồ tư duy, bảng biểu, truyện tranh…

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.  GV chia lớp: 4 – 5 nhóm (tùy theo số lượng HS; trong nhóm phải có những HS làm văn bản thông tin và VB nghị luận).  GV phát phiếu thảo luận cho HS.  Thời gian: 15 phút  Dự kiến tình huống: Với những HS chưa làm bài, GV cho HS thảo luận vào một nhóm riêng biệt. GV cần trực tiếp hỗ trợ nhóm HS này.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm và hoàn thành phần ghi nhận xét vào Phiếu học tập.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động  - GV yêu cầu các nhóm tự kiểm tra Phiếu học tập lẫn nhau.  - GV gọi nhóm trưởng báo cáo về ý thức thảo luận nhóm của nhóm mình.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV kiểm tra Phiếu học tập và nhận xét. | - HS chủ động và tích cực thảo luận nhóm.  - HS không vi phạm nội quy lớp học.  - HS hoàn thành 80 – 100% nội dung trong Phiếu học tập. |

**Nhiệm vụ 2: Chia sẻ kết quả thảo luận nhóm trước lớp**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận cụ thể.

- Trình bày được nội dung cơ bản của văn bản đã đọc.

- Phân tích được một số yếu tố đặc trưng của VB nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng Phiếu học tập, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu các nhóm chia sẻ nội dung trong Phiếu học tập với các bạn.  Khi HS trình bày, các HS còn lại cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để nhận xét bài cho bạn.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày.  - HS khác lắng nghe và nhận xét.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động  - Các HS đã được nghe phần trình bày đến từ nhiều bạn trong lớp.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để trả lời.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV cần căn cứ vào Phiếu học tập và Phiếu tiêu chí đánh giá để nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | HS hoàn thành 80 -> 100% nội dung trong Phiếu học tập và Phiếu đánh giá  HS tự tin trình bày sản phẩm của mình và biết cách phân tích để nhận xét bài của bạn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng lại Phiếu học tập và Phiếu tiêu chí đánh giá để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  + Theo con, làm thế nào để thuyết trình đạt kết quả cao?  + Theo con, việc tìm hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận có ý nghĩa như thế nào đối với con?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập.** |
| **\*Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Lựa chọn 01 chủ đề mà con ấn tượng trong buổi chia sẻ và thực hiện dưới các hình thức sau.  + Viết bài văn (khoảng 01 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.  + Vẽ tranh, poster minh họa về vấn đề đó.  + Sáng tác 01 bài hát trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**V. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |

**PHIẾU HỌC TẬP**

Đây là Phiếu của nhóm: ……………………………….. Lớp: ……………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên văn bản mà bạn em đã chọn | Đó là văn bản gì? | | Thông tin em ghi được | Nhận xét của em |
|  | Thông tin | Nghị luận |  |  |
| Nội dung cơ bản | Vấn đề nghị luận |  |  |
| Nội dung của từng đoạn văn | Ý kiến của người viết |  |  |
| Cách triển khai văn bản | Lý lẽ và dẫn chứng |  |  |

**PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ | | |
| Chưa đạt | Đạt | Tốt |
| 1. Chọn được VB hay, có ý nghĩa | Chưa có VB trình bày trước lớp | Có văn bản trình bày nhưng chưa hay. | Văn bản có nội dung hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung | Nội dung sơ sài, không trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. | Nội dung đúng, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. | Nội dung đúng, có cách ví von hấp dẫn, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. |
| 3. Ngôn ngữ và ngữ điệu | Nói nhỏ, thiếu tự tin, nét mặt chưa biểu cảm. | Nói to những đôi chỗ còn ngập ngừng, lặp lại, tự tin, biểu cảm phùhợp với câu chuyện. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại, tự tin, nét mặt sinh động. |
| 4. Sản phẩm | Hoàn thành dưới 50% yêu cầu trong PHT. | Hoàn thành dưới 50 - 80% yêu cầu trong PHT. | Hoàn thành dưới 90 - 100% yêu cầu trong PHT. |

Ngày soạn: 23/4/

Ngày dạy: 27/4/24(6c,6d)

**TIẾT 129,130 ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**:

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực tổng hợp kiến thức về các văn bản đã học.

- Năng lực củng cố kiến thức về từ vựng

- Luyện kiến thức về văn nghị luận về sự việc, hiện tượng trong đời sống

- Năng lực đọc hiểu,viết và sáng tạo.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tư duy, tổng hợp, vận dụng, giải quyết vấn đề...

**2. Phẩm chất**: Tự ý thức ôn tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  **GV** tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Tên các chủ đề tương ứng với nội dung các câu hỏi.  **d) Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu hình ảnh, hướng dẫn luật chơi.  - HS quan sát, lắng nghe & trả lời câu hỏi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tham gia trò chơi dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV. **-** Quan sát câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh.  GV hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe.  - Theo dõi Hs trả lời, ghi điểm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.  - Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn tri thức Ngữ văn. |
|  |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ÔN TẬP VỀ THỂ LOẠI, LOẠI VĂN BẢN TRONG NGỮ VĂN 6, TẬP HAI**  **1. Các thể loại (hoặc văn bản) và đặc điểm của thể loại, kiểu văn bản.** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Ôn lại kiến thức về các thể loại hoặc loại văn bản đọc, đặc điểm của các thể loại văn bản, kiểu văn bản.  - Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.  - HS trình bày được những suy nghĩ, thích thú, bài học của bản thân qua một văn bản mình ấn tượng.  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS lập bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2 (chỉ ra được đặc điểm thể loại)  Hs thuyết trình về điều tâm đắc của mình qua việc đọc một cuốn sách.  **HS** làm việc nhóm, cá nhân.  **c) Sản phẩm:** HS trình bày được bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2.  - Thuyết trình được điều tâm đắc của bản thân qua đọc một đoạn văn bản.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành bảng danh sách các thể loại hoặc kiểu văn bản đã được học trong Ngữ văn 6, tập hai (Phiếu học tập số 1).  - Chỉ ra đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc kiểu văn bản được thể hiện qua văn bản (Phiếu học tập số 2 - giấy A0).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên**  **bài học** | **Thể loại/**  **Loại VB** | **Văn bản** | | 1 | Chuyện kể về những người anh hùng | Truyền thuyết | Thánh Gióng  Sơn Tinh, Thủy Tinh  Bánh chưng, bánh giày | | 2 | Thế giới cổ tích | Cổ tích | Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe, Sọ Dừa | | 3 | Khác biệt và gần gũi | Nghị luận | Xem người ta kìa!, Hai loại khác biệt, Tiếng cười không muốn nghe | | 4 | Trái Đất - Ngôi nhà chung | Nghị luận | Trái Đất - cái nôi của sự sống  Các loài chung sống với nhau như thế nào?  Trái Đất, Ra-xun Gam-da-tốp | | 5 | Cuốn sách tôi yêu | Nghị luận | Nhà thơ Lò Ngân Sủn - người con của núi | |
| **Những đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc hoặc kiểu văn bản Ngữ văn 6, học kì** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học trong Ngữ văn 6 tập 2** | **Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ** | **Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản (Ví dụ)** |
| Truyền thuyết (Thánh Gióng) | Thánh Gióng là thiên anh hùng ca thần thoại đẹp đẽ, hào hùng, ca ngợi tình yêu nước, bất khuất chiến đấu chống giặc ngoại xâm vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam thời cổ đại. Để thắng giặc ngoại xâm cần có tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hy sinh...,... | Sau tiếng nói thần kì, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo không còn mặc vừa. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến dân ta đồng lòng, giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược, hơn thế nữa sự trưởng thành của người anh hùng Thánh Gióng còn cho thấy, sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên. Gióng lớn nhanh như thổi, khi giặc đến chân núi Trâu cậu bé ba tuổi vươn vai trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự. |
| Cổ tích (Cây  khế) | Chuyện kể về nhân vật bất hạnh, nghèo khổ nhưng có đức hạnh (nhân vật người em). Câu chuyện sử dụng yếu tố kỳ ảo con chim thần để nói lên niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác. | Sinh ra trong một gia đình không quá nghèo khó, những vợ chồng người em trong câu chuyện chỉ được anh trai mình chia cho một mảnh đất nhỏ đủ để dựng một căn nhà lá với cây khế ở trước nhà. Cây khế đó cũng là tài sản duy nhất mà hai vợ chồng người em có được. Tình huống truyện đã lột tả được bản tính tham lam, keo kiệt và thiếu tình thương của vợ chồng người anh trai với em ruột của mình. Lấy hết toàn bộ gia tài cha mẹ để lại, chia cho em mảnh đất nhỏ với cây khế làm vốn sinh nhai, thử hỏi có người anh nào lại cạn tình đến như vậy? Vợ chồng người em hiền lành chất phác, tuy chỉ được chia cho mảnh đất đủ dựng ngôi nhà nhỏ nhưng vẫn không oán than nửa lời, ngược lại họ chăm chỉ đi làm thuê cấy mướn kiếm sống và chăm sóc cho cây khế – tài sản duy nhất mà họ có. Đức tính hiền lành, chăm chỉ chịu thương chịu khó này của hai vợ chồng quả thật đáng quý và đáng học hỏi. |
| Văn bản nghị luận (Xem người ta kì!) | Văn bản bàn về vấn đề cái riêng biệt trong mỗi con người là điều đáng trân trọng, cần phải được phát huy, hòa nhập ttrong cái chung của tập thể. | Câu nói "Xem người ta kìa" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình. |
| Văn bản thông tin (Trái Đất - cái nôi của sự sống) | Văn bản có sapo dưới nhan đề, có 5 đề mục, 2 ảnh. Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân kêt quả. | Đoạn văn cuối của văn bản đặt ra câu hỏi Tình trạng Trái Đất hiện ra sao? Trái Đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Các kiểu bài viết trong chương trình Ngữ văn 6, học kì 2** | |
|  | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Hãy khái quát các kiểu bài viết em đã thực hành ở học kì 2 bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 3**.** (Phiếu học tập số 3- giấy A0) | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu** | **Các bước cơ bản thực hiện bài viết** | **Đề tài**  **cụ thể** | **Những kinh nghiệm quý** | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu** | **Các bước cơ bản thực hiện bài viết** | **Đề tài**  **cụ thể** | **Những kinh nghiệm quý** |
| Nhập vai kể lại một truyện cổ tích | Làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ | Ngôi thứ nhất (người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện).  - Có tưởng tượng, sáng tạo thêm  - Sắp xếp hợp lí các chi tiết có sự kết nối giữa các phần. Khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm | - Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng.  -Chọn lời kể phù hợp. Ghi những nội dung chính của câu chuyện, lập dàn ý. | - Viết bài văn nhập vai nhân vật Tấm kể lại truyện Tấm Cám | - Cần có sự nhất quán về ngôi kể. - Kiểm tra sự nhất quán, hợp lý đối với các chi tiết được sáng tạo thêm. |
| Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm | - Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng với vấn đề XH | Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc | Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý | Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử lý rác thải nhựa | Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân một cách rõ nét |
| Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | Nắm bắt được đầy đủ, chính xác điều đã diện ra | Đúng với thể thức của một biên bản thông thường | Viết phần mở đầu, phần chính, viết chi tiết nội dung cuộc họp, thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn luận, ghi kết luận nội dung của người chủ trì, thời gian kết thúc buổi họp, buổi thảo luận | Viết biên bản cuộc họp Đại hội chi đoàn của lớp em | Kiểm tra chính xác thể thức văn bản |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT** | | |
|  | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Gv tổ chức trò chơi “Ong non học việc”, Hướng dẫn cách chơi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv; Hs quan sát nhanh các đáp án để tìm câu trả lời đúng.  **B3: Báo cáo, thảo luận:** Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội.  - T/c thảo luận nhóm (Kĩ thuật mảnh ghép):  Hãy tóm tắt những kiến thức tiếng Việt mà em đã được học trong Ngữ văn 6, tập hai. ? Những kiến thức tiếng Việt được học đã giúp em trong cách viết, nói, nghe như thế nào?  Nhóm 1: Bài 6  Nhóm 2: Bài 7  Nhóm 3: Bài 8  Nhóm 4: Bài 9  Nhóm 5: Bài 10 | Công dụng của dấu chấm phẩy  - Cách lựa chọn từ ngữ trong câu  - Trạng ngữ  - Đặc điểm và các loại văn bản  - Từ mượn   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt** | **Ví dụ** | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  | | |
| **\* Hoạt động 3: LUYỆN TẬP** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **\* Từ câu 1 đến câu 4 - Sách bài tập: Gv tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”**  **Gv cho Hs 5’ để đọc kĩ bài, nghiên cứu các câu hỏi**  **GV chiếu trò chơi, hướng dẫn luật chơi**  **Câu hỏi**  Câu 1. Vấn đề chính của đoạn (1) đã được tác giả nêu lên theo cách nào?  A. Nêu bằng cách dẫn một ý kiến, nhận định tiêu biểu  B. Nêu bằng cách đặt câu hỏi gợi mở  C. Nêu bằng cách đưa ra những thông tin cụ thể về ngày tháng  D. Nêu trực tiếp trong câu đầu tiên, có dẫn tên một tổ chức quốc tế lớn  Câu 2. Các số liệu được nêu trong đoạn (2) của văn bản cho biết điều gì?  A. Số lượng các loài sinh vật bị tuyệt chủng và tốc độ biến mất của chúng  B. Sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên trên Trái Đất  C. Sự xuống cấp của môi trường sống trên Trái Đất  D. Tốc độ biến mắt ngày càng nhanh của các loài động vật hoang dã  Câu 3. Câu “Cần nhìn thẳng vào một sự thực: môi trường trên Trái Đất đang bị huỷ hoại và xuống cấp nghiêm trọng” được dùng để:  A. Nêu bằng chứng về sự tổn thương của Trái Đất  B. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận  C. Nêu lí do cần có Ngày Trái Đất  D. Nêu ý kiến về vấn đề cần bàn luận trong đoạn văn | | **Đáp án:**  Câu 1: B  Câu 2: A  Câu 3: A  Câu 4: C |

*Rút kinh nghiệm :*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ chuyên môn*** | ***BGH kí duyệt*** |

Ngày soạn:4/5

Ngày dạy:9/5/24(6c,6d)

**TIẾT 131,132: KIỂM TRA KÌ II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**:

- Năng lực củng cố mở rộng kiến thức về đọc hiểu, và từ vựng.

- Năng lực củng cố thêm về tiếng Việt

- Năng lực nhận xét về kiến thức, kỹ năng bài kiểm tra.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tư duy, nhận biết, hợp tác...

**2. Phẩm chất**: Tự giác trong tiết trả bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Kế hoạch dạy học, bài làm của học sinh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**Gv phổ biến yêu cầu khi làm bài kiểm tra**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV phat dề kiemr tra của phòng Giáo dục
* Gv nhận xét , dặn dò

*Ngày soạn: 30/4/24*

*Ngày dạy: 2/5/24(6c,6d)*

**TIẾT 133, 134, 135 Bài 10**

**CUỐN SÁCH TÔI YÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

- Năng lực nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

- Năng lực trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**\*** Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự giác, hợp tác, tư duy, cảm nhận..

**2. Phẩm chất:**

Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách; trân trọng tình bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 127: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

- Năng lực nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

- Năng lực trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**\*** Năng lực chung: Năng lực tự chủ, tự giác, hợp tác, tư duy, cảm nhận..

**2. Phẩm chất:**

Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách; trân trọng tình bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Hệ thống lại các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

**b) Nội dung:**

- HS tự đọc phần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày theo cách hiểu của mình.

**c)**  **Sản phẩm**:

- Hệ thống lại được các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

- HS kể tên 10 cuốn sách mà em biết (kèm tên tác giả) phù hợp với chủ đề dự án lựa chọn như: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất - ngôi nhà chung.*

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận theo nhóm và ghi lại kết quả thảo luận (thời gian: 4 phút)

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu được

+ Sách đầu tiên là của người Ai Cập, xuất hiện vào khoảng thế kỉ XXV trước Công nguyên. Ban đầu sách được khắc trên đá, thân cây, xương, đất sét, gỗ hoặc viết vẽ trên lá cây, vải... - Những kỉ lục liên quan đến sách: cuốn sách có kích thước lớn nhất là cuốn viết về vương quốc Bu-tan do nhà khoa học Mỹ Ha-li vận động quỹ để làm ra. Cuốn sách dày 112 trang, nặng 59kg. Cuốn sách nhỏ nhất là cuốn Ti-ni Tét ở thị trấn Tơ-nip có kích thước 0,1 mm × 0,07 mm.

+ Thư viện đầu tiên là thư viện A-lếch-xan-đri-a ở Ai Cập. Thư viện này tồn tại từ thế kỉ thứ III trước Công nguyên, gồm khoảng 7000000 bản chép tay về các lĩnh vực khác nhau như: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, triết học. lịch sử, khoa học...

- Kể được chính xác tên 10 cuốn sách và tác giả.

**- Bước 4: Kết quả, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài mới

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Giới thiệu bài học** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết được chủ đề của bài học.  - Qua những trang sách mới em sẽ tự mình kham phá và cảm nhận được niềm vui của việc đọc sách  **b) Nội dung**:  **GV** yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi của GV.  **HS** quan sát, suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu HS tự đọc thảo luận nhóm & đặt câu hỏi:  ? Cho biết chủ đề của bài học là gì?  ? Kể tên các chủ đề em đã học? Qua các chủ đề đó giúp em học được điều gì?  ? Các văn bản nghị luận, thông tin giúp em có những hiểu biết về đời sống xã hội ra sao?  ?Em dự định tìm đọc cuốn sách nào trong các chủ đề đã học hãy chia sẻ với các bạn để cùng nhau đọc học hỏi, khám phá.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời.  - Đọc phần giới thiệu bài học.  - Thảo luận nhóm:  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV:**  - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. | **I. Giới thiệu bài học**  **Chủ đề: Cuốn sách tôi yêu** |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Tri thức ngữ văn** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết được văn bản nghị luận văn học.  -Thách thức đâu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách, sách hay cùng đọc, cuốn sách yêu thích, gặp gỡ tác giả  -Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả, sáng tác sản phẩm nghệ thuật  - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách đã đọc  - Nói và nghe: Ngày hội với sách  **b) Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:**  - Câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 5 nhóm:  - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:  ? Văn bản nghị luận văn học là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời.  - Đọc phần tri thức ngữ văn  - Thảo luận nhóm:  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV:**  - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. | **II. Tri thức ngữ văn**  **- Văn bản nghị luận văn học**  + Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm. thể loại.... Nghị luận văn học sử dụng li lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới.  + Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thẻ của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại.... Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  - Học sinh kể tên một số cuốn sách đã đọc và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc.  **b. Nội dung**: Sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập**: Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện**: | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa câu hỏi:**   * Chọn một cuốn sách em yêu thích và cùng đọc với bạn * Vì sao em chọn cuốn sách đó? Em rút ra bài học gì sau khi đọc xong cuốn sách.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**- Suy nghĩ cá nhân đưa ra câu trả lời.  **GV:**- Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động tiếp theo | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung**: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện**: | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về một nhân vật mà em yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 2/5/24

Ngày dạy: 6/5//24(6c.6d)

**Tiết 135 THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

+ Phát triển năng lực tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

+ Năng lực kể lại tóm tắt nội dung cuốn sách.

+ Năng lực xác định được đề tài, chủ đề, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản.

**\*** Năng lực chung: Tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự giác, hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

-Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc thuyết trình dự án đọc sách.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhan đề** | **Mở đầu** | **Thế giới từ trang sách** | **Bài học từ trang sách** |
| *Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?* | *Phần mở đầu có gì đáng chú ý? Vì sao?* | *Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đó?* | *Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tương đồng | Khác biệt |
| Sách |  |  |
| Tác phẩm được chuyển thể |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Xây dựng hoặc thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn cho các em thiết kế, HS sẽ cùng nhau xây dựng một góc đọc sách.

**c. Sản phẩm:** Góc đọc sách của các em.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- **GV** giao nhiệmvụ cho HS ở tiết trước: về nhà tìm kiếm, chuẩn bị một số cuốn sách theo chủ đề đã chọn để tiết này cùng thiết kế góc đọc sách của lớp. GV hướng dẫn HS xây dựng cây đọc sách với các mẫu nhật kí đọc sách, mẫu phiếu ghi chép về sách của nhóm hoặc cá nhân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** đem quyển sách mà mình đã chuẩn bị lên và cùng nhau thiết kế góc đọc sách của mình.

**GV** quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Hoàn thành góc đọc sách.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét hoạt động thiết kế của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ I. SÁCH HAY CÙNG ĐỌC** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS cùng nhau đọc, nắm bắt được những thông tin về các cuốn sách mà mình lựa chọn và chia sẻ, giới thiệu về nó.  **b) Nội dung**:  - HS cùng đọc và chia sẻ những thông tin về cuốn sách của nhóm mình cho các nhóm khác.  - GV hướng dẫn HS cách đọc và ghi chép những thông tin cần thiết trong quá trình đọc. Kết hợp phương pháp hợp tác và kỹ thuật phòng tranh.  **c) Sản phẩm**: Pô-xtơ của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, cho HS thảo luận 5 phút chuẩn bị đóng vai.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS cách thực hiện.  **HS** tiến hành chọn tác phẩm, thảo luận phân chia vai, tiến hành đóng vai. | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Vẽ lại bìa của một cuốn sách mà em yêu thích hoặc vẽ lại một hình ảnh mà em ấn tượng nhất trong cuốn sách đã đọc.  - Nộp sản phẩm về cho GV dạy môn Họa của lớp hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp. |  |

**Ngày soạn: 2/5//24**

**Ngày dạy: 6/5/24(6c,6d)**

**Tiết 136,137: THÁCH THỨC THỨ 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

**-** Năng lực thưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp

- Năng lực trình bày sản phẩm một cách khoa học.

**\*** Năng lực chung:

Hợp tác, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự giác, hợp tác...

**2. Phẩm chất**: Yêu sách, thích đọc sách; làm việc có trách nhiệm; biết đoàn kết, hợp tác với bạn bè

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn cho các em thiết kế, HS sẽ cùng nhau xây dựng một góc đọc sách.

**c. Sản phẩm:** Góc đọc sách của các em.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

?Đã bao giờ em đọc xong cuốn sách vẽ lại nhân vật trong cuốn sách đó chưa?

? Cảm nhận của em như thế nào nếu như cuốn sách đó được các bạn vẽ lại trang bìa rất đẹp và thành công?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS** trả lời câu hỏi

**- GV** quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Sảm phẩm của HS

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét hoạt động thiết kế của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - HS làm quen và bước đầu thấy được mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật: văn học và nghệ thuật, văn học và hội họa; thiết kế poster hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.  **b) Nội dung**:  **+** HS xem một đoạn trong bộ phim hoạt hình *Hoàng tử bé*  + Nhận thấy sự tương đồng và khác biệt giữa truyện và phim  + Thiết kế một poster hoặc vẽ lại bìa sách  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu một đoạn trong bộ phim *Hoàng tử bé.* GV chia lớp thành 4 nhóm  *+* Thảo luận và so sánh chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và sách  + Các nhóm thiết kế poster hoặc vẽ lại trang bìa sách.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Xem video.  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách đưa ra các câu hỏi gợi mở (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần luyện tập. | **I. Phiêu lưu cùng trang sách**  ***1.So sánh sự khác biệt giữa sách và phim chuyển thể***  -Phân tích, trao đổi, lập bảng so sánh sự tương đồng và khác biệt.  -Báo cáo ý kiến theo nhóm.  ***2. Trưng bày sản phẩm*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập 1: Ghi vào một mảnh giấy hình chiếc lá, quả táo, trái đào, ngôi sao…. những điều cô đọng nhất em muốn chia sẻ về cuốn sách mới đọc. Gắn mảnh giấy lên góc đọc sách, cây đọc sách của lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn HS cách làm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày sau đó gắn mảnh giấy lên góc đọc sách, cây đọc sách của lớp.  HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS. | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Bài tập: Em hãy lập danh mục sách mà em đã học (đã đọc) và thử trang trí để danh mục ấy thật hấp dẫn, sinh động?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1: lập danh mục sách mà em đã học (đã đọc) và thử trang trí để danh mục ấy thật hấp dẫn, sinh động.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV:** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  **- HS:** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

Ngày soạn : 10/524

Ngày dạy: 13/5/24(6c,6d)

TIẾT 138, 139: NÓI VÀ NGHE

VỀ ĐÍCH

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

**-** Năng chia sẻ cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp

- Năng lực trình bày sản phẩm một cách khoa học.

**\*** Năng lực chung:

Hợp tác, tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự giác, hợp tác...

**2. Phẩm chất**: Yêu sách, thích đọc sách; làm việc có trách nhiệm; biết đoàn kết, hợp tác với bạn bè

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hãy lập đề cương cho đề bài: Trình bày ý kiến về những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống của muôn loài và cũng là của chính mình  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi tìm ý.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét phần tìm ý của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Lập đề cương** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

Ngày soạn: 14/5/24

Ngày dạy: 17/5/24(6c,6d)

**Tiết 140: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

*1. Kiến thức:* Giúp học sinh:

- Học sinh nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nh­ược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài làm của mình từ đó có hướng khắc phục

*2. Năng lực*

- Rèn kĩ năng tự sửa lỗi.

- Biết nhận lỗi và sửa lỗi.

*3. Phẩm chất:*

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Kế hoạch dạy học, bài làm của học sinh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV yêu cầu HS nhớ lại câu hỏi của đề kiểm tra cuối kì I

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a) Mục tiêu:** Qua giờ trả bài giúp ôn lại các kiến thức đã học trong HKII. Học sinh nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nh­ược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài viết của mình có hướng khắc phục.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc lại đề, chữa đề.  *? Đề yêu cầu những nội dung gì?*  *?Em hãy đưa ra đáp án từng yêu cầu của đề?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đưa đáp án và thang điểm | **I. ĐỀ BÀI VÀ ĐÁP ÁN**  **(theo tiết 134, 135)** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đặt câu hỏi:  *?Bài làm của em đạt ở mức độ nào?*  *?Có những câu nào em xác định sai?*  *?Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **GV nhận xét bài làm của học sinh:**  \*Ưu điểm:  - Một số bài làm nắm chắc kiến thức, trình bày đủ ý, diễn đạt lưu loát.  - Kiến thức tiếng Việt khá chắc.  - Nhiều bài chữ viết đẹp, trình bày rõ ràng, mạch lạc.  \*Nhược điểm:  - Một số bài làm sơ sài, trả lời còn chung chung, chưa đúng vào yêu cầu câu hỏi.  - Một số học sinh không xác định được yêu cầu câu hỏi, kiến thức tiếng Việt còn chưa chắc.  - Nhiều bài phần làm văn còn sơ sài, thiếu ý, diễn đạt lủng củng.  - Một số bài chữ viết xấu, chưa hoàn thành bài viết: Tuấn Linh, Đan, Hải.... | **II. NHẬN XÉT**  ***1. Ưu điểm***  *- Đa số các emđã hiểu được yêu cầu của đề ra.*  *- Phần đông các em làm tốt phần trắc nghiệm.*  *- Phần làm văn có nhiều em đạt được điểm cao*  *- Trình bày sạch đẹp.*  ***2.Nhược điểm***  *- Một số em không nghiên cứu kĩ yêu cầu .*  *- Làm bài sơ sài.*  *- Trình bày cẩu thả*  *- Một số em không làm phần làm văn* |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài viết**  GV trả bài  HS chữa lỗi trong bài viết của mình  HS trao đổi bài viết, tự kiểm tra theo cặp  GV kiểm tra một số bài viết đó chữa lỗi của học sinh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS xem lại bài làm, trao đổi bài với bạn để rút kinh nghiệm trong bài làm của mình  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV: đọc một số bài làm khá, giỏi | **III. Trả bài- chữa lỗi** |

Kí duyệt của tổ chuyên môn Kí duyệt của BGH

Ngày soạn: 12/5/2023

Ngày dạy: 13/5/2023

**TIẾT 134+135: KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | -Thơ (thơ lục bát)  -Văn nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | - Viết bài văn nghị luận.  - Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I.**  **Đọc hiểu** | Thơ ( thơ lục bát)  Văn nghị luận | **Nhận biết**:  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp**.** | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |
| 2 | **II.**  **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  Nhận biết được yêu cầu của đề văn trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội.  **Thông hiểu:** Trình bày được các ý kiến của bản thân về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm.  **Vận dụng:** Viết được bài văn hoàn chỉnh trìnhbày ý kiến về một hiện tượng xã hội. Bài viết có đầy đủ các luận điểm , luận cứ, lập luận chặt chẽ.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm, nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình để bài văn thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL \* |
| Đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích | **Nhận biết**: Kiểu bài, ngôi kể, bố cục, xác định được yêu cầu của đề.  **Thông hiểu:** Xác định cốt truyện, sắp xếp trình tự sự việc diễn biến câu chuyện, kết thúc câu chuyện  **Vận dụng*:*** Sử dụng các yếu tố để viết được một bài văn hoàn chỉnh  **Vận dụng cao:** Sáng tạo, sinh động, hấp dẫn thu hút người đọc người nghe.  Viết được bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích theo ngôi thứ nhất thể hiện cảm xúc trước câu truyện được kể. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ Văn 6**

*(Thời gian làm bài :90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

***Đọc đoạn văn bản sau:***

*Môi trường diễn xướng của ca Huế thường ở trong một không gian hẹp, số lượng người trình diễn và người nghe hạn chế, do tính chất của âm nhạc mang tính tâm tình tự sự. Ca Huế không trình diễn trước đám đông hoặc hát dưới ánh Mặt Trời. Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế có khoảng từ 8 đến 10 người, trong đó, số lượng nhạc công có từ 5- 6 người. Ca sĩ, nhạc công sẽ hòa đàn và hát các bài bản trong nhạc mục của ca Huế. Biên chế của dàn nhạc phải sử dụng đạt chuẩn 4 hoặc 5 nhạc cụ trong dàn ngũ tuyệt cổ điển, bao gồm: đàn nguyệt, đàn tì bà, đàn nhị, đàn tranh, đàn tam: và tùy theo từng trường hợp, có thể không có cây đàn tam mà bổ sung thêm cây đàn bầu với đầy đủ biên chế của dàn ngũ tuyệt gồm các nhạc cụ: nguyệt, nhị, tì và đàn tranh hoặc đầy đủ hơn là dàn lục ngự: tam, tì, nhị, nguyệt, tranh, bầu.*

(Theo *Cục Di sản văn hóa;dsvh.gov.vn”)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Đoạn văn trên thuộc kiểu văn bản nào?

A. Nghị luận.

B. Tự sự.

C. Biểu cảm.

D. Thông tin.

**Câu 2.** Đoạn văn nói về gì?

A. Giới thiệu về ca Huế.

B. Giá trị của ca Huế.

C. Cách thức và một số quy tắc về diễn xướng ca Huế.

D. Giới thiệu một số nhạc cụ sử dụng trong ca Huế.

**Câu 3.** Từ “*môi trường”* trong đoạn văn bản trên thuộc từ loại nào**?**

1. Đại từ
2. Tính từ.
3. Động từ.
4. Danh từ

**Câu 4.** Một buổi ca Huế cần có bao nhiêu người? Trong đó có bao nhiêu nhạc công?

A. Không quy định.

B. Khoảng 5-6, trong đó có 8-10 nhạc công.

C. Khoảng 8-10, trong đó có 5-6 nhạc công.

D. Khoảng 5-10, trong đó có 6-8 nhạc công.

**Câu 5.** Ca Huế được trình diễn trong khoảng không gian nào?

A. Trước đông người và dưới ánh mặt trời.

B. Trong một căn phòng rộng.

C. Không được trình diễn trước đông người và dưới ánh mặt trời.

D. Lúc con trở về quê hương.

**Câu 6.** Câu 1 và câu 2 của đoạn văn được liên kết với nhau bằng cách nào?

A. Dùng từ ngữ để nối.

B. Lặp từ ngữ.

C. Dùng từ thay thế

**Câu 7. “***Biên chế của dàn nhạc phải sử dụng đạt chuẩn 4 hoặc 5* ***nhạc cụ***..”. Từ gạch chân là từ mượn của?

A. Ngôn ngữ Anh.

B. Ngôn ngữ Pháp.

C. Ngôn ngữ Hán.

D. Ngôn ngữ Nga.

**Câu 8.** “trình diễn trước đám đông” thuộc cụm từ gì?

A. Cụm danh từ.

B. Cụm động từ.

C. Cụm tính từ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Từ đoạn văn, em có suy nghĩ gì về ca Huế?

**Câu 10.** Đọc đoạn văn trên, em thấy mình cần có thái độ như thế nào đối với ca Huế nói riêng và các làn điệu dân ca Việt Nam nói chung?

**II. Viết (4.0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận trình bày quan điểm của em về hiện tượng vứt rác bừa bãi, gây ảnh hưởng môi trường hiện nay.

------------------------ Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu nhận xét về ca Huế: Là loại hình nghệ thuật dân gian đặc biệt có giá trị. Tao nhã thanh cao và độc đáo từ môi trường diễn xướng đến nhạc công, nhạc cụ… | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được bài học nhận thức:  + Biết tự hào và trân trọng…  + Có ý thức quảng bá với bạn bè quốc tế…  + Biết giữ gìn và phát huy… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*  *Hiện tượng vứt rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | **\* MB**: - Giới thiệu vấn đề bàn luận: Hiện tượng vứt rác bừa bãi  **\* TB: Trình bày quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận qua các luận điểm:**  - Nêu biểu hiện, thực trạng hiện tượng vứt rác bừa bãi  - Lí giải nguyên nhân  - Chỉ ra hậu quả của hiện tượng vứt rác thải bừa bãi.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.  - Liên hệ bản thân.  **\* KB: Khẳng định vấn đề**  **Bài học nhận thức** | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0, 25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

--------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ Văn 6**

*(Thời gian làm bài :90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau:**

*Mẹ ru khúc hát ngày xưa*

*Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn.*

*Chân trần mẹ lội đầu non*

*Che dông giữ tiếng cười giòn cho ai…*

*Vì ai chân mẹ dẫm gai*

*Vì ai tất tả vì ai dãi dầu*

*Vì ai áo mẹ phai mầu*

*Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?*

(*Ca dao và mẹ*,Bùi Nguyễn Trường Kiên,*Quê nhà nỗi nhớ, NXB Trẻ,2003*)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do.

B. Thơ lục bát.

C. Thơ sáu chữ.

D. Thơ tám chữ.

**Câu 2.** Chủ đề của đoạn thơ là gì?

A. Tình cảm vợ chồng.

B. Tình yêu quê hương đất nước.

C. Tình yêu thiên nhiên.

D. Tình mẫu tử.

**Câu 3.** Từ “*ai”* trong đoạn thơ thuộc từ loại nào**?**

1. Đại từ
2. Tính từ.
3. Động từ.
4. Danh từ

**Câu 4.** Hai câu thơ *Vì ai tất tả vì ai dãi dầu - Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?* sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

A. Ẩn dụ.

B. So sánh.

C. Điệp ngữ.

D. Nhân hóa.

**Câu 5.** Dòng hồi tưởng về mẹ trong đoạn thơ trên được tác giả tái hiện trong khoảng thời gian nào?

A. Thời thơ ấu.

B. Lúc con đã trưởng thành.

C. Lúc mẹ đã đi xa.

D. Lúc con trở về quê hương.

**Câu 6.** Vì sao mở đầu đoạn thơ trên, tác giả nhắc tới lời ru của mẹ?

A. Vì lời ru nuôi lớn con người cả tâm hồn và thể xác.

B. Vì lời ru là biểu hiện sâu sắc của tình mẫu tử.

C. Vì lời ru là âm thanh ngọt ngào thân thuộc nhất trong cuộc đời của mỗi con người.

D. Vì lời ru của mẹ chứa đựng cả cuộc đời và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con.

**Câu 7.** Cụm từ *nắng sớm chiều mưa* trong đoạn thơ thể hiện điều gì?

A. Thời gian dừng lại.

B. Thời gian trôi nhanh.

C. Biểu thị sự khó khăn vất vả của mẹ.

D. Lời ru của mẹ qua tháng năm vẫn trường tồn bất biến.

**Câu 8.** Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì?

A. Hình ảnh người mẹ lam lũ, tảo tần.

B. Người mẹ mong cho con có cuộc sống đầy đủ, ấm no.

C. Ca ngợi sự hi sinh lớn lao của người mẹ dành cho con.

D. Ca ngợi lời ru của mẹ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Em có nhận xét gì về tình cảm của người con với người mẹ trong đoạn thơ?

**Câu 10.** Hãy rút ra bài học tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn thơ trên?

**II. Viết (4.0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận trình bày quan điểm của em về hiện tượng vứt rác bừa bãi, gây ảnh hưởng môi trường hiện nay.

------------------------ Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu nhận xét về tình cảm của người con đối với mẹ trong đoạn thơ: Yêu thương kính trọng, biết ơn mẹ… | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được bài học tâm đắc sau khi đọc đoạn thơ trên:  + Trân trọng tình mẫu tử, tình cảm gia đình thiêng liêng  + Vun đắp tình mẫu tử, tình cảm gia đình ngày càng tốt đẹp, hạnh phúc… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*  *Hiện tượng vứt rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | **\* MB**: - Giới thiệu vấn đề bàn luận: Hiện tượng vứt rác bừa bãi  **\* TB: Trình bày quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận qua các luận điểm:**  - Nêu biểu hiện, thực trạng hiện tượng vứt rác bừa bãi  - Lí giải nguyên nhân  - Chỉ ra hậu quả của hiện tượng vứt rác thải bừa bãi.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.  - Liên hệ bản thân.  **\* KB: Khẳng định vấn đề**  **Bài học nhận thức** | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0, 25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

Ngày soạn: 16/5/2023

Ngày dạy:17/5/2023

**Tiết 136: VIẾT**

**THỬ THÁCH THỨ HAI**

**(Sáng tạo cùng tác giả)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

**-** Năng lựcthưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp ( viết đoạn văn, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật, dựng hoạt cảnh)

- Năng lực đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Năng lực viết đoạn văn, minh họa những chi tiết yêu thích, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật từ cuốn sách đã đọc.

- Năng lực trình bày sản phẩm một cách khoa học.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tư duy, hợp tác, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự giác...

**2. Phẩm chất**: Yêu sách, thích đọc sách; làm việc có trách nhiệm; biết đoàn kết, hợp tác với bạn bè; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**

**-** Huy động trải nghiệm đọc của HS, kết nối với chủ đề, hình thành động cơ, hứng thú với bài học.

**b) Nội dung**

GV tổ chức cho HS chia sẻ về trải nghiệm đọc sách.

*? Gần đây, em đọc cuốn sách nào? Nếu được đề nghị chia sẻ về cuốn sách đó, em sẽ chia sẻ điều gì? Bằng hình thức nào?*

**c) Sản phẩm**

Chia sẻ của HS về cuốn sách mình đang đọc hoặc đã đọc.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đặt câu hỏi khơi gợi để HS chia sẻ trải nghiệm đọc sách (có thể bắt đầu bằng việc chia sẻ trải nghiệm của chính bản thân mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, hồi tưởng về những điều thú vị muốn chia sẻ với mọi người về cuốn sách mình đã hoặc đang đọc.

**B3. Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 2-3 HS chia sẻ trải nghiệm.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV biểu dương thái độ chăm chỉ đọc sách của HS.

- Từ những chia sẻ của HS, GV kết nối với chủ đề bài học: *Một cuốn sách giá trị sẽ có khả năng khơi dậy những cảm xúc, suy tư về những nhân vật, chi tiết…trong đó. Không chỉ thế, nó còn có khả năng gợi ra những suy tưởng về đời sống thực tế của chúng ta. Để chia sẻ những điều đó, người đọc có thể lựa chọn nhiều cách thức khác nhau.*

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (báo cáo dự án)**

**I. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT**

**a) Mục tiêu**

Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích.

**b) Nội dung**

HS được yêu cầu lựa chọn và thực hiện một trong các nội dung sau:

*- Sáng tác thơ (dạng thơ tự sự thuật lại một sự việc trong cuốn sách hoặc dạng thơ trữ tình - trình bày cảm nhận khi đọc sách)*

*- Kể chuyện sáng tạo (chọn một đoạn truyện)*

*- Dựng phim ngắn (chọn đoạn truyện tiêu biểu)*

*- Nếu được đề nghị thiết kế bìa minh họa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới, em thiết kế như thế nào? (vẽ tay hoặc sử dụng phần mềm thiết kế)*

*- Vẽ chibi hình ảnh nhân vật em yêu thích*

*- Nếu được đề nghị viết lời tựa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới, em sẽ viết như thế nào?*

**c) Sản phẩm*:*** Các sản phẩm nghệ thuật của HS được lấy ý tưởng từ cuốn sách.

**d) Tổ chức thực hiện*:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Cuối tiết học trước, GV:  + Hướng dẫn HS các hình thức có thể sử dụng để sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật liên quan đến cuốn sách yêu thích.  + Hướng dẫn HS thành lập 06 nhóm theo sở trường.  + Hướng dẫn HS chọn cử Ban giám khảo, thư kí, MC cho buổi báo cáo kết quả thực hiện dự án.  - Trong tiết học này:  + Nêu yêu cầu của buổi báo cáo  + Mời MC điều hành hoạt động báo cáo dự án.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  \* Tại nhà:  - HS:  + Các nhóm bầu trưởng nhóm, thư kí, phân công nhiệm vụ thiết kế sản phẩm, thuyết trình sản phẩm cho từng thành viên.  + Ban Giám khảo, thư kí thiết kế các tiêu chí đánh giá sản phẩm của các nhóm (xin ý kiến hướng dẫn của GV).  + MC xây dựng kịch bản cho giờ báo cáo.  - GV theo dõi, hỗ trợ thường xuyên bằng các hình thức online hoặc offline.  \* Tại lớp: HS thảo luận trong nhóm cách thức trình bày kết quả dự án.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - MC, Ban giám khảo, Ban thư kí làm việc theo nhiệm vụ đã phân công.  - Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả thực hiện dự án theo điều hành của MC (có thể bốc thăm thứ tự).  - Các nhóm khác quan sát, nhận xét sản phẩm của nhóm bạn.  - Ban giám khảo chấm điểm các sản phẩm dự án.  - Thư kí công bố kết quả.  **B4. Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, biểu dương tinh thần học tập của HS.  - Góp ý để các nhóm hoàn thiện sản phẩm nghệ thuật của mình (có thể đánh giá bằng điểm số).  - Kết nối sang nội dung sau; Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. | **I. Sáng tạo tác phẩm nghệ thuật**  **1.Tham khảo sản phẩm**  - Hai phần: Phần viết và phần minh họa  - Tranh vẽ minh họa cho nội dung.  **2. Lựa chọn ý tưởng minh họa**  **-** Chi tiết  - Nhân vật | |
| **DỰNG HOẠT CẢNH ĐỂ BIỂU DIỄN**  ( Phần này GV chỉ hd, HS thực hiện khi có thời gian phù hợp)  - GV giới thiệu mẫu đề cương để dựng hoạt cảnh (sgk/122)  - HS có thể cùng một số bạn trong lớp, nhóm phân vai và tập luyện để biểu diễn một hoạt cảnh được dựng từ câu chuyện đã học, đã đọc. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** HS thực hành sáng tạo sản phẩm.  **b. Nội dung:**  - Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật.  - Minh họa chi tiết, nhân vật trong một cuốn sách.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm việc của HS. | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS viết đoạn văn, minh họa cho chi tiết, nhân vật mình đã chọn  - HS có thể làm việc cá nhân (Viết đoạn văn) hoặc làm việc nhóm (vẽ tranh hoặc, thiết kế pô-xtơ,..)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | **II. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.  **b. Nội dung:** HS viết đoạn văn giới thiệu về một người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi với em và vẽ tranh minh họa cho người đó.  **c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS. | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS.  - HS làm bài ở nhà.  - GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.  **\* Chuẩn bị cho tiết học sau:**  - HS hoàn thiện sản phẩm sáng tạo của mình: các đoạn văn, tranh vẽ minh họa, truyện tranh.  - Xem lại các bước viết bài văn nghị luận về một hiện tượng.  - Đọc lại một số tác phẩm văn học đề cập đến hiện tượng đời sống.  - Tìm hiểu hiện tượng đời sống được gợi ra từ sách. | |  |

Ngày soạn: 18/5/2023

Ngày dạy: 19/5/2023

**Tiết 137+138**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực.**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực nhận diện hiện tượng đời sống từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn về một hiện tượng đời sống.

- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một hiện tượng đời sống.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

**2. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu tìm ý

- Bài viết tham khảo.

...

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  Họ và tên: ................................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng gợi ra từ sách. Ghi vào cột bên phải. | |
| Hiện tượng đó là gì? |  |
| Ý kiến của em như thế nào? |  |
| Hiện tượng đó xảy ra như thế nào? |  |
| Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác? |  |
| Cần làm gì để khắc phục ( hiện tượng xấu) hoặc phát huy(hiện tượng tốt)? |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV chia lớp thành ba nhóm, cho HS chơi trò chơi tiếp sức ( 3 phút)

? Em hãy kể tên những hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách mình đã đọc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lên bảng trình bày theo cột của nhóm mình.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV cùng HS đánh giá kết quả làm việc của mỗi nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV tuyên dương, động viên các nhóm. Từ những hiện tượng đời sống đã được gợi ra, giáo viên dẫn vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Biết được kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã học.  - Lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng phù hợp để làm rõ hiện tượng.  **b**) **Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện**: | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hỏi:**  *? Theo em, bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc thuộc kiểu bài nào?*  *? Em sẽ sử dụng chủ yếu những yếu tố nào khi viết bài văn thuộc kiểu văn bản này?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Hồi tưởng lại các kiểu bài đã học.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS chia sẻ về cuốn sách yêu thích và hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đó.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: không nhận ra được kiểu bài.  - Tháo gỡ bằng cách gợi ý và đặt thêm câu hỏi phụ:  *? Em đã từng viết bài văn kể về một hiện tượng đời sống ở bài học về chủ đề nào?*  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc”.* | | - Kiểu văn bản: nghị luận văn học  - Các yếu tố chủ yếu: lí lẽ và dẫn chứng |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN**  **VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA**  **TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC** | | |
| **a)** **Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc  - Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng.  - Biết cách trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  **b)** **Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát SGK.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau. | **I. Yêu câu đối với bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống**  **\* Yêu cầu**  - Xác định hiện tượng.  - Nêu được tên sách và tác giả  - Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và nêu ý kiến của em về hiện tượng đó  - Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng | |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | |
| **a) Mục tiêu:**  - Bài viết tham khảo trình bày về nỗi đau của Ken-ga (Kengah) và trách nhiệm vủa con người với môi trường.  - Biết cách giới thiệu hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  - Học tập cách đưa sử dụng lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề.  **b) Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS  **d) Tổ chức thực hiện**: | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  *1. Bài viết giới thiệu tên cuốn sách, tác giả ở đâu? Như thế nào?*  *2. Hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra là gì? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng đó?*  *3. Tìm và nhận xét về những lí lẽ, dẫn chứng mà bài viết sử dụng để làm rõ hiện tượng?*  *4. Phần thực tế đời sống ở đâu? Liên hệ như vậy đã phù hợp và sát với thực tế hay chưa?*  *5. Ý nghĩa của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách này là gì? Phát biểu ý kiến của em?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **II. Tìm hiểu bài viết tham khảo: “Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường”**  - Trình bày về hiện tượng ô nhiễm môi trường.  1. Tên cuốn sách và tác giả ở phần đầu, giới thiệu trực tiếp nhưng rất thú vị.  2. Hiện tượng đời sống được gợi ra: ô nhiễm môi trường và trách nhiệm của con người.  🡪Chia sẻ suy nghĩ cá nhân: đau xót, lo lắng…  3. Lí lẽ, dẫn chứng:  - “Thứ chất lỏng… mạng sườn của cô”.  - Con người đã gây ra nỗi đau cho Ken-gan.  - Ô nhiễm môi trường ở khắp mọi nơi.  🡪hợp lí, có tính thuyết phục.  4. Liên hệ: (ngay sau phần lí lẽ, dẫn chứng):  - Nâng cao ý thức cá nhân của mỗi con người.  - Thu gom rác thải, ý thức giữ gìn môi trường xanh – sạch- đẹp dù là ở bất kì nơi nào.  - Sử dụng năng lượng một cách hợp lí.  - Hạn chế việc thải những lượng rác thải độc hại vào môi trường.  5. Tầm quan trọng , ý nghĩa của hiện tượng:  - Đây là một hiện tượng nóng bỏng, vừa có tính thời sự, vừa có ý nghĩa lâu dài.  - Câu chuyện nhỏ nhưng có giá trị to lớn, gióng lên hồi chuông thức tỉnh ý thức trách nhiệm của con người. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 3: LUYỆN TẬP-THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Trình bày được ý kiến cá nhân về hiện tượng bằng một bài văn hoàn chỉnh.  **b) Nội dung:**  - GV:  + Tổ chức trò chơi “***Ai thuộc về ai***” để gợi ý HS lựa chọn hiện tượng đời sống trong các cuốn sách.  + Hướng dẫn HS hoàn thành phiếu tìm ý và lập dàn ý, triển khai bài viết theo các bước.  - HS tham gia trò chơi, lựa chọn đề tài, hoàn thành phiếu tìm ý, lập dàn ý và triển khai bài viết.  **c) Sản phẩm:** Phần chơi của HS; phiếu tìm ý, dàn ý và bài viết của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hãy suy nghĩ và kết nối các cuốn sách với hiện tượng đời sống tương ứng mà nó gợi ra bằng cách tham gia trò chơi “Ai thuộc về ai”.  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Tham gia trò chơi để tìm hiểu và lựa chọn đề tài cho bài viết.  - GV chia nhóm theo đề tài HS lựa chọn.  - Đọc, nghiên cứu, hoàn thiện phiếu học (tìm ý).  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Thực hành theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó? |  | | Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? |  | | Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào? |  | | Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.  - *Thân bài*:  + Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng).  + Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến cá nhân về hiện tượng cần bàn luận.  + Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn.  - *Kết bài*: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  **2. Viết bài**  - Triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý.  - Phân biệt mở bài, thân bài, kết bài.  - Có thể tách các ý trong phần thân bài thành các đoạn văn.  - Quan điểm (ý kiến) về hiện tượng phải rõ ràng, nhất quán.  - Các câu văn, đoạn văn có sự liên kết, mạch lạc.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo:  - Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật.  - Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ. | |
| **TRẢ BÀI** | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Nhận ra ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài viết của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | **IV. Trả bài**  Bài viết đã được sửa của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia nhóm cho HS viết phần mở bài, kết bài và một đoạn trong phần thân bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS có thể làm việc cá nhân.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá, kết luận. | **V. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để phát hiện và nêu ý kiến về các hiện tượng đời sống trong các cuốn sách khác.  **b) Nội dung:**  - Tìm đọc các cuốn sách thuộc các đề tài gần gũi (GV có thể gợi ý: Truyện Tô Hoài, Phạm Hổ, Vũ Hùng, Nguyễn Nhật Ánh,…; Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh…)  - Phát hiện những hiện tượng đời sống có thể được gợi ra từ cuốn sách.  - Viết bài văn trình bày ý kiến về một trong những hiện tượng vừa chỉ ra.  **c) Sản phẩm:**  - Tên sách và các hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách.  - Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Thực hiện tại nhà, chia sẻ kết quả thực hiện trên group học tập hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - **GV**: Theo dõi, nhận xét trực tuyến hoặc trong các giờ ngoại khóa. |  |

Ngày soạn: 19/5/2023

Ngày dạy: 20/5/2023

**Tiết 139: NÓI VÀ NGHE**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực:**

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực báo cáo kết quả: thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh họa sách.

- Năng lực trưng bày sản phẩm của mình đẹp, khoa học.

- Năng lực nói và nghe phù hợp:

+ Biết thuyết trình về sản phẩm của nhóm/ cá nhân, tạo sự lôi cuốn người nghe và tiếp thu các ý kiến đánh giá, nhận xét.

+ HS biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày và đưa ra nhận xét đúng/ Phản hồi tích cực.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**\*** Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Ý thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Cây đọc sách của nhóm, lớp.

- Nhật kí đọc sách của cá nhân.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

- Danh mục sách.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 4: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.

- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về hiện tượng đời sống.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video bài hát ***Trang sách em yêu*** do Ái Khanh biểu diễn (*Vào youtube*) và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Thông điệp mà đoạn video muốn truyền đạt đến chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

GV nhận xét và kết nối vào bài

Qua các tiết học trước, các em đã phần nào hiểu rằng đọc sách có thể nuôi dưỡng tình cảm, mở mang trí tuệ, làm cho con người trở nên ưu tú hơn. Trên đường đời, chúng ta cần phải có những quyển sách hay dẫn lối. Qua việc đọc sách, qua việc học tập và giáo dục, con người sẽ có đức tính tốt, từ đó có được tương lai tốt đẹp. Và bài học hôm nay của chúng ta với nội dung là báo cáo về kết quả/ sản phẩm mà các em đã tích cực làm trong các tiết học trước. Sự thành công của tiết học sẽ thể hiện tình yêu sách của các em.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HỌA SÁCH** | | | | | |
| a) **Mục tiêu**  \* HS trưng bày sản phẩm về cuốn sách muốn minh họa:  - Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.  - Cây đọc sách của nhóm, lớp.  - Nhật kí đọc sách của cá nhân.  - Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.  - Các cuốn sách đã đọc trong dự án.  - Bài giới thiệu sách dưới các hình thức.  b) **Nội dung:**  - HS đọc SGK/106.  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhiệm vụ (qua bốc thăm) của các nhóm đã được phân công ở các tiết học trước.  - GV nêu rõ yêu cầu: GV cho các nhóm/ cá nhân thời gian 10 Phút để chuẩn bị/ trưng bày sản phẩm của cá nhân/ nhóm mình.  - GV yêu cầu học sinh nào được giao nhiệm vụ thuyết trình cũng chuẩn bị bài nói.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và thực hiện yêu cầu.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:- Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm sách, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | | | | I. **GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HỌA SÁCH** | |
| **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC**  **GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC** | | | | |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  *? Em lựa chọn cuốn sách nào?*  *?Vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách là gì? Thể hiện qua chi tiết nào?*  *? Ý kiến của em về vấn đề đó?*  *? Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?*  *? Em muốn trao đổi gì với người nghe, với tác giả và những người đọc sách khác?*  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **II. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK/107).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. | | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | **III. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | | **IV. Trao đổi về bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tậpd của GV giao  **c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa tên việc trả lời những câu hỏi sau:  - Em đã đọc cuốn sách khi nào? Điều gì làm em thích thú khi đọc cuốn sách?  - Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?  - Vì sao nên đọc cuốn sách này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó.  - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS. | **V. Luyện tập.** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Giới thiệu một sản phẩm minh họa sách cùng với các bạn trong lớp, khối của em.  Bài tập 2: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách mà em đã đọc(trình bày trực tiếp hoặc qua đoạn phim ngắn).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

# PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được cuốn sách hay, có ý nghĩa. | Chưa chọn được cuốn sách yêu thích. | Chọn được cuốn sách nhưng chưa hay. | Chọn được cuốn sách hay và ấn tượng. |
| 2. Trình bày thuyết phục hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách. | Hiện tượng được gợi ra từ cuốn sách còn sơ sài, chưa có đủ chi tiết để thuyết phục người nghe. | Có chi tiết để thuyết phục người nghe nhưng chưa đầy đủ. | Có đủ các chi tiết để thuyết phục người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | |

**ĐIỀU CÔ ĐỌNG TỪ SÁCH**

# 

**DANH MỤC SÁCH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được cuốn sách hay, có ý nghĩa. | Chưa chọn được cuốn sách yêu thích. | Chọn được cuốn sách nhưng chưa hay. | Chọn được cuốn sách hay và ấn tượng. |
| 2. Trình bày thuyết phục hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách. | Hiện tượng được gợi ra từ cuốn sách còn sơ sài, chưa có đủ chi tiết để thuyết phục người nghe. | Có chi tiết để thuyết phục người nghe nhưng chưa đầy đủ. | Có đủ các chi tiết để thuyết phục người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | |